

TCHYA



**KHO VÀNG
SÂM SƠN**

**TC HVA
ĐẠI ĐỨC TUẤN**

TIỂU THUYẾT THỨ BẢY
xuất bản 1940

kho vàng Sầm Sơn

(tiểu thuyết ái tình)

TchyA

Bìa: M.C.P

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

kho vàng Sầm Sơn

TCHYA
ĐÁI ĐỨC TUẤN

THI, VĂN SĨ
TCHYA ĐÁI ĐỨC TUẤN
(1908 – 1969)

CHYA, TÊN THẬT ĐÁI
ĐỨC TUẤN, BÚT DANH
KHÁC LÀ MAI NGUYỆT.

Ông sinh năm 1908, quê ở làng
Ngọc Giáp, huyện Quảng Xương, tỉnh
Thanh Hóa.

Xuất thân trong một gia đình quan
lại, sau khi tốt nghiệp tú tài toàn phần,
ông làm tham tá ở Nha học chánh
Đông Dương từ năm 1930.

Bắt đầu viết báo, viết văn từ 1935 cho các tờ Đông Tây, Nhật Tân, Tiểu thuyết thứ bảy.

Năm 1940, ông xin nghỉ việc và sang cư ngụ tại Côn Minh, Trung Quốc.

Đến năm 1945, ông trở lại Việt Nam tiếp tục làm báo.

Năm 1946, Đái Đức Tuấn tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Năm 1950, ông dạy học ở trường Quốc học Huế.

Ông giữ chức Chánh văn phòng¹ với cấp bậc Đại úy đồng hóa, dưới quyền Đại tá Bùi văn Hai là Tổng Giám đốc Nha Cựu chiến binh – Việt Nam Cộng Hòa, và giải ngũ năm 1956.

¹ theo Gió bụi quan trường _ Đào Văn Hội.

Từ “đồng hóa” dùng để chỉ những công chức có xuất thân là dân sự nay chuyển sang ngành quân sự.

Vào những năm 1956, ông cộng tác với các tờ báo ở Sài Gòn, viết những tiểu luận với đề mục Nói hay Đừng.

Ông mất ngày 8 tháng 8 năm 1969 tại Sài Gòn.

Tác phẩm:

Lãng Mạn (1935): Truyện ngắn

Rửa Hận (1935): Truyện ngắn

Thầy Cử (1935): Truyện ngắn

Linh Hồn Hay Xác thịt (1936): Tập truyện

Thần hổ (1937): Truyện kinh dị

Kho vàng Sấm Sơn (1940): Tiểu thuyết ái tình

Ai hát giữa rừng khuya (1942):
Truyện kinh dị

Đầy vơi (1943): Tập thơ

Đồng tiền vạn lịch (1953): Tiểu
thuyết ái tình

Tình Sơn Nữ (1956): Truyện dài



Thi, văn sĩ
TchyA Đái Đức Tuấn
(1908 – 1969)

LỜI NÓI ĐẦU

VÀO KHOẢNG NĂM 1934, ở bãi Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa phía Bắc Trung Kỳ, nhà nước có khám phá được một kho vàng chìm đắm dưới đáy bể.

Khi tài sản nghiệp lớn ấy lên mặt đất, người ta thấy có mấy trăm thoi vừa vàng vừa bạc, hình chữ nhật dài độ non gang, trên thoi nào cũng có khắc chữ (Đức). Lại thấy rất nhiều tiền Cảnh

Hưng và các thứ tiền Tàu, từ đời Vạn Lịch (Minh Thần Tông¹) cho đến đời Càn Long (Thanh Cao Tôn).

Thiên hạ nhao nhao bàn tán về gốc tích kho vàng ấy nhưng không ai biết rõ nguồn rể nó từ đâu. Có kẻ bảo đó là vàng của hai anh em vua ái Đức nhà Tây Sơn lấy ở các kho trong thành Thăng Long rồi cho tải đi, trong khi kéo quân ở Bắc Hà về Nam. Vẫn biết rằng Nguyễn Nhạc² lúc ở Thăng Long

1 Minh Thần Tông (chữ Hán: 明神宗, bính âm: Míng Shénzong, 4 tháng 9, 1563 – 18 tháng 8 năm 1620) hay Vạn Lịch Đế (萬曆帝), là vị hoàng đế thứ 14 của nhà Minh trong lịch sử Trung Quốc. Ông trị vì trong 48 năm, lâu dài nhất trong các vị Hoàng đế nhà Minh và triều đại của ông cũng chứng kiến sự suy tàn dần dần của nhà Minh.

2 Nguyễn Nhạc (chữ Hán: 阮岳; 1743-1793) hay còn gọi là Nguyễn Văn Nhạc, sau đổi tên là Nguyễn Đình Nhạc là vị hoàng đế sáng lập ra Nhà Tây Sơn, ở ngôi hoàng đế từ năm 1778 đến năm 1788, xưng là ái Đức Hoàng đế. Từ năm 1789-1793, ông từ bỏ đế hiệu để trao lại quyền lãnh đạo cho em trai là hoàng đế Quang Trung, còn ông thay đổi tước hiệu của mình xuống thành Tây Sơn vương.

về, có sai người lấy hết cả kho tàng nhà Lê đem đi; nhưng đoàn quân của Nhạc và Huệ lúc ấy có mấy vạn hùng binh, có voi ngựa xe pháo, tất họ phải chuyển về bằng đường bộ, bên mình họ cho chắc chắn; có lẽ nào lại dùng thuyền đi đường bể để đến nỗi bị đắm ở Sầm Sơn?

Xét trong lịch sử, khối vàng bạc kia ắt phải thuộc về đời Lê mạt. Nếu trong thời Lê quý, sản nghiệp đó không phải của hai anh em Tây Sơn thì chỉ còn là của Hữu quân Đô Đốc Nguyễn Hữu Chỉnh³. Chỉnh bị Nguyễn Nhạc theo

3 Nguyễn Hữu Chỉnh (chữ Hán: 阮有整, 1741 - 15 tháng 1 năm 1788), biệt hiệu Quận Bàng (鵬郡), là nhà quân sự, chính trị có ảnh hưởng lớn của Đại Việt thời Lê trung hưng và Tây Sơn. Ông là người hiến kế cho Tây Sơn tiến quân ra Bắc, tiêu diệt chúa Trịnh, trả nước cho vua Lê. Năm 1787-1788, ông được Lê Chiêu Thống phong làm Đại tư đồ Bình chương quân quốc trọng sự, nắm thực quyền cai quản miền bắc Đại Việt (Bắc Hà/Đàng Ngoài), sau ông bị quân Tây Sơn đánh bại và giết chết.

lời gièm pha của rể là Võ Văn Nhậm⁴ bỏ một mình ở lại Bắc Hà, nên ngày hôm sau sợ quá cho cả của cải lên thuyền, chạy theo về Nghệ. Chỉnh là người có mưu trí, không bao giờ đem vàng bạc ở bên người phần sợ thuyền nặng khó đi nhanh, phần sợ bị cướp hại đến tính mạng.

Thế tất Chỉnh phải giao tài sản cho con trông coi hộ, mình thì cưỡi thuyền

4 Võ Văn Nhậm (chữ Hán: 武文任, ? - 1788) hay Võ Văn Nhậm, là một danh tướng nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. eo Tây Sơn lương tướng của Nguyễn Trọng Tri và chuyện kể trong dân gian, thì Vũ Văn Nhậm quê ở Quảng Nam, là người giỏi võ nghệ, tánh phóng khoáng và có sức mạnh. Ông vốn là tướng của Trần thủ Quảng Nam, thuộc chính quyền chúa Nguyễn, nhưng vì không chịu tuân phục theo quân pháp, nên bị kết tội, phải trốn vào Quy Nhơn. Đến Phù Ly (thuộc phủ Hoài Nhơn), nghe đồn có viên thổ hào dùng quyền thế cưỡng đoạt một thiếu nữ; ông giận dữ tìm giết chết người ấy. Định đến cửa quan thú tội, thì ông gặp Trần Quang Diệu. Nghe lời khuyên và nhờ sự tiến cử của vị tướng này, Vũ Văn Nhậm được nhận làm thuộc tướng của Tây Sơn Vương (Nguyễn Nhạc).

nhẹ theo Nhạc về cho mau.

Cứ xem như thế, kho vàng kia tất là của Nguyễn Hữu Chỉnh. Dựa vào lời phỏng đoán có nhiều phần đúng sự thực ấy, tôi viết bộ truyện ly kỳ này, một là để tưởng nhớ lại một thời oanh liệt đã qua, hai là để hiến các bạn một thể truyện lịch sử mới.

Câu chuyện này hoàn toàn là một truyện dã sử, nhưng nó có liên lạc rất mật thiết với chính sử nước nhà. Có lắm đoạn, tôi phải chép gần đúng văn của ông Trần Trọng Kim⁵ nhà làm sử

5 (chữ Hán: 陳仲金; 1883-1953) là một học giả, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu sử học, văn học, tôn giáo Việt Nam, bút hiệu Lệ Thần (遺臣), từng làm thủ tướng của chính phủ Đế quốc Việt Nam vào năm 1945 (chính phủ này được Đế quốc Nhật Bản thành lập trong thời kỳ chiếm đóng Việt Nam). Ông là tác giả của nhiều cuốn sách về lịch sử, văn hóa như Việt Nam sử lược, Việt Nam văn phạm, Nho giáo,...

cương trực và uyên bác đã soạn ra bộ ‘Việt Nam Sử lược’.

Những vật liệu tôi góp nhặt để xây đắp câu chuyện ‘kho vàng’ này, nó không đúng hẳn với các việc chép trong chính sử đâu: song, dù nó đúng hay không đúng tôi cũng không quản ngại: tôi chỉ muốn dựa vào lịch sử để tạo ra một tiểu thuyết, có phải muốn dùng tiểu thuyết ấy để làm sống một thời lịch sử đâu?

Các bạn đọc truyện này, hãy nên lượng cho tôi chỗ đó. Cái cốt truyện hay, giải bằng một thể văn không tẻ, đó là sở nguyện của tôi. Nếu bạn cho là tôi đã đạt được mục đích ấy, tôi tự lấy làm sung sướng lắm rồi. Một nhà văn còn

đâu dám tự phụ mình cùng là một sử
gia uyên bác?

Ngày mừng hai tháng tư năm Mậu
Dần

(01-5-1938)

TCHYA

CHƯƠNG 1

BÃI SẦM SƠN LÀM MỘT HÒN NGỌC CHÂU đặt trong địa giới một tỉnh đã làm trường thí nghiệm cho muôn ngàn cuộc hưng vong ghi chép trong lịch sử.

Một con đường đá trắng, một bãi cát mênh mông, hai dãy phi lao đêm ngày vi vút dưới ngọn gió biển ào ào, một tấm thảm kim cương lóng lánh chiếu ánh nắng buổi tà dương... với ai

đã biết Sầm Sơn, cảnh rục rờ tươi vui của bờ bể kia tất đã để lại cho một kỷ niệm sâu xa, mà ngọn sóng quên của thời gian khó lòng chìm lấp đi được.

Nhưng...

Nếu ngày nay chốn mỹ nhân ra nghỉ mát nó êm dịu đẹp đẽ, trước đây một vài thế kỷ, nó đã là một chốn điêu linh thảm khốc, nó đã thấy trong mờ sương bóng tối xiết bao tấn bi kịch hãi hùng. Bãi Sầm Sơn, chốn nghỉ chân của phường giặc Tàu Ô độc ác, tụ họp của lũ mẹ mìn ranh mãnh, bãi Sầm Sơn, cũng như Đồ Sơn đã làm mồ cho Bà Để, chứa trong làn nước thẳm không thiếu gì liệt nữ vô danh, không thiếu gì thuyền buôn bị bão hay bị cướp.

Trong muôn nghìn dãy thuyền buôn bị đắm đó, một thuyền có chứa một kho vàng.

Kho vàng ấy hiện đã được tải ra ngoài mặt nước.

Câu chuyện kho vàng, giờ đây tôi muốn ngả nó lên mặt giấy, hiến cho các anh em chị em một món quà dĩ vãng thiêng liêng. Mà cũng mới biết rõ chuyện kho vàng, tôi đã bị lao tâm, tổn lực đã cố len lỏi trong một lớp sóng người cũng như tôi, chạy theo vết bạc, cố tiến đi, đi mãi, đi tìm dấu vết của Đồng tiền Vạn Lịch chữ vàng.

Vì đồng tiền đó tức là chìa khóa mở cửa cho tôi thấy đường lối vào đời triệu phú.

Vì đồng tiền đó là đạo bùa giúp cho khách hữu duyên làm chủ một gia sản vô giá bị lấp chìm trong đáy nước Sầm Sơn.

Cái ngày tôi đi tìm đồng tiền Vạn Lịch, riêng đối với tôi nó nhuốm nhiều vẻ lạ kỳ, huyền bí. Nó chứa chan, không đếm xiết được những kỷ niệm êm đềm mà rùng rợn, không tài nào quên được vẻ đẹp lộng lẫy của hoàn cảnh, tựa như đóa hoa tươi đua sắc trên cạm lá um tùm xanh biếc, và nhất là vẻ bí mật của những khuôn mặt tôi thấy này hôm đó, những khuôn mặt kín đáo, hoài nghi, trái ngược hẳn với cái vui vẻ nồng nàn của một nơi phồn hoa tấp nập.

Độ ấy vào khoảng mùa hè năm 1933.

Tôi nhân được nghỉ ba tháng hè, vội thu xếp ra Sấm Sơn hứng gió bể và dưỡng sức. Vừa chân ướt chân ráo bước lên mặt cát vùng hải ngoại, tôi đã bị ngay một phen kham khổ, bực mình. Các khách sạn đều chật ních những công tử, vương tôn, tôi phải dẫn lòng trú ngụ trong lều tranh của một gia đình chài lưới. Nhưng cũng nhờ sự rủi ro vô lý ấy mà giữa quăng đêm trường tịch mịch, trong một bầu trời sôi nổi những mưa cùng gió, dưới mái lều của ông già đánh cá, tôi được quen một người bạn trẻ phi thường; một người bạn mà hình ảnh sau này tôi khắc mãi tận đáy găm ký ức.

Anh chàng đó có một khổ mặt rắn rỏi lạ thường, hai con mắt sáng như đèn, một cái trán bướng bỉnh gồ ra, với một cái cằm vuông quả quyết. Một

sống mũi thẳng dọc dừa trên hai làn môi mỏng, đỏ thắm, làm khuôn cho một cái mồm rộng, mỗi khi cười gần sát tới mang tai. Một làn tóc dài và đen nháy càng làm tăng màu da trắng mịn; hẳn thoạt trông thì ra vẻ thư sinh yếu ớt, mà trông lâu mới biết có hàm súc rất nhiều khí khái quật cường.

Cũng vì sự tình cờ đó, tôi được biết khuôn khổ đồng tiền Vạn Lịch. Nó là một đồng tiền vàng dày cũng có khía như đồng bạc hoa xòe ngày nay, nhưng giữa có lỗ vuông và bề to bằng miệng một cái chén tống. Trên dưới đều có dùi lỗ con để buộc tua và làm dây đeo quàng cổ. Ai đã trông thấy một chiếc ngân tiền hay kim tiền của vua thuở xưa ban cho các quan, người ấy sẽ rõ đồng tiền Vạn Lịch nó như thế nào. Nó chỉ khác những đồng kim tiền của ta ở

chỗ vành rìa nó to hơn và trên mặt nó một bên thì chạm rồng, một bên thì có bốn chữ rõ rệt: “Vạn Lịch thông bảo”.

Anh chàng lạ mặt đến bờ bể sau tôi độ hai ba tiếng đồng hồ. Cũng bị cảnh thiếu chỗ ở như tôi, chàng phải đi một quãng xa tìm vào làng chài, xin trọ cùng tôi trong một túp lều xiêu vẹo.

Tối hôm ấy, gió bỗng nổi lên, quay cuồng trong vũ trụ, làm cho nước kêu sóng réo âm âm. Rồi mưa trút xuống ào ào, đập chan chát vào cụm lá cành cây, nghe buồn rầu thảm đạm.

Quen lối ‘sách đèn, đao kiếm’, tôi mở va-li lấy ra một bộ khay đèn. Xin một mảnh chiếu rách, tôi tìm một chỗ ẩm cúng nhất trong lều, điểm tĩnh ngả bàn thờ Phù Dung nằm hút. Chàng thiếu

niên lạ mặt, thấy hay hay, cũng cởi áo lại nằm trước mặt tôi, bắt chuyện. Tôi nghiêng dọc tẩu mời chàng đến năm sáu lượt, chàng đều khiêm tốn chối từ. Mãi sau cùng, khi đêm đã quá khuya, khi hoàn cảnh bao bọc chúng tôi đã nhuộm một màu quá thê lương, buồn tẻ, bấy giờ chàng mới chịu bắt môi vào đầu dọc, lim dim nằm hút. Mừng được người bạn mới, tôi cố ép chàng hút mãi, chàng quen mùi, cứ điếu anh điếu chú, kéo hoài. Kéo đến nổi say không trở được mình, phải nằm yên trầm tĩnh để mặc ả Phù Dung xoa vuốt một cách huyền ảo, tê mê, hết cả các tia gân, thớ thịt. Rồi cả một đêm hôm đó chàng không sao ngủ được. Thì ra chàng nếm mùi thuốc phiện một lần đầu!

Khi mới nằm xuống khay đèn, thiếu niên có móc túi lấy ra một cái hộp gỗ

vuông con, đặt ngay trước mặt. Chàng mở hộp đem ra ánh sáng đèn dầu lạc một đồng tiền vàng xinh xắn, ngấm đi ngấm lại lâu lắm, rồi đặt trên mặt hộp, nằm nhìn. Tôi thấy lạ, cứ chú ý ngấm những bộ điệu của chàng và đồng tiền vàng nằm tròn xoe trong khay khám.

Thấy tôi ra vẻ tò mò, nhìn đồng tiền không chớp, người trẻ tuổi ấy bỗng nhích mép cười mà tôi cho là mỉa mai hay kiêu hãnh, rồi bỗng nghiêm nghị, hờ hững, nhặt lấy đồng tiền bỏ vào hộp, lại cầm cái hộp cho vào túi áo. Tôi tuy lấy làm lạ vì những cử chỉ ấy, nhưng không được phép hỏi mà cũng không dám hỏi, đành ngậm miệng làm thinh, tìm những đầu đề bâng quơ nói chuyện với ông bạn kỳ dị kia cho đêm sông ở một chỗ xa lạ vắng buồn không đến nổi tê trơ vì im lặng.

Cái đêm sông đó, may sao, lại là một đêm mưa dầm gió bắc, thành ra trong căn nhà tranh thấp, hẹp của ông già chài lưới, cả đêm chúng tôi được nghe tiếng rít của ngọn gió lửa vào khe đá, được nghe hơi thở mạnh mẽ của làn nước tung lên hạ xuống và giọng rền rĩ âm trầm của mấy dây phi lao xào xạc suốt canh trường. Nếu không có ả Phù Dung làm bạn với hai chúng tôi, có nhẽ tôi buồn đến chết. Mà cũng bởi mãnh lực thiêng liêng của chất nhựa nâu nâu và dẻo quánh, cũng bởi hoàn cảnh bao bọc chúng tôi như rủ rê kẻ yếu linh hồn mở phanh tâm sự mình ra, cho nên may thực là may, tôi không mất chút công nào, bỗng được lim dim đôi mắt, thưởng thức một câu chuyện vô song, tuyệt diệu, một chuyện ái tình nào ruột, lâm ly.

Rồi cũng bởi kết cục dị kỳ của chuyện lạ lùng tôi được biết, nên tôi mới lao tâm, tổn lực, cố len lỏi trong một lớp sóng người hoài nghi, nghiêm nghị, cố tiến đi, đi mãi, đi tìm dấu vết của kho vàng chìm lấp trong làn nước bãi Sầm Sơn. Kho vàng ấy, số tôi không được hưởng: Nhà nước, một năm sau khi tôi bó tay chịu thua thiên mệnh, đã khai lên tải vào công khố mất rồi!

Không được hạnh phúc trở nên một nhà triệu phú, tôi đã được hân hạnh biết nguồn gốc của sản nghiệp to lớn đó, một sản nghiệp cách đây độ 150 năm, đã vì ái tình mà bị chìm đắm vào lòng bể thẳm.

Sản nghiệp đó, ngày nay, lại vì ái tình mà hóa ra vô chủ: *Ái tình có cần đâu đến những kho vàng...?*

CHƯƠNG 2

ĐỘ ẤY VÀO KHOẢNG MÙA
THU NĂM BÌNH NGỌ
(1786).

Mùa thu ngoài xứ Bắc nó thường nhuộm vẻ tiêu sơ ảm đạm da trời một màu vàng sạm, những tàu ba tiêu xơ xác vẽ lên nền u ám của buổi chiều tà hình ảnh sự buồn rầu.

Trong một hoàn cảnh lạnh lẽo, điều hiu, giữa vẻ im lặng nặng nề mà bóng

tịch dương phủ lên sự vật, một đoàn kỵ mã làm náo loạn hản giấc ngủ thiu thiu của chốn đế đô nghiêm cấm, vừa mới tạm được êm tĩnh sau bao cơn binh lửa điêu tàn. Vó chiến mã gót tinh binh, làm cho mù trời, bụi cuốn; tiếng nhạc xen với tiếng trống khải hoàn âm ỉ, át hản tiếng sênh tiền dập dềnh theo điệu trúc tơ.

Đến trước cửa Nam, loa nổi hiệu gọi trong thành mở ải. Hai tấm cửa lim bấy giờ từ từ quay trên bánh gỗ, đón mời đoàn binh mã vào thành. Vượt qua cầu vòng, năm ngàn quân Tây Sơn, hùng hổ, tiến vào kinh đô đất Bắc.

Đi đầu, một võ quan mặc nhung phục, cầm loa đồng hô lệnh cho ba quân đi đứng, và báo trước cho dân gian trong thành được biết có quan Tiết

chế, Bình Bắc ượng tướng quân, ra Bắc Hà dẹp loạn giúp bản triều. Tiếp theo sau, dàn hai bên đường, một ngàn quân sĩ, nón sơn áo nẹp, sắp hàng tư đều rầm rắp, hăng hái mãnh liệt tiến lên, bước theo nhịp trống khải hoàn vang động một góc trời. Năm trăm quân đi đầu đều cầm mỗi đứa một lá cờ ngũ hành có giải bay phấp phới; năm dãy tinh kỳ san sát lấp không trung xếp thành năm hàng tề chỉnh, mỗi hàng một sắc đặc biệt, lấy bốn màu trắng xanh đen đỏ chỉ bốn phương Đông Tây Nam Bắc, còn màu vàng thì dùng làm hiệu Trung ương.

Theo hàng kỳ sĩ là một tốp quân tám đứa, mặc áo đỏ nẹp xanh, trịnh trọng khiêng trên vai một cái giá vuông, có đòn sơn son thếp vàng, trông tựa hồ một cái kiệu nhỏ không mui; trên

giá cắm một cái cột gỗ lớn, bề rộng độ một gang, sơn đỏ chói, cao đến hơn hai trượng, ngất nga ngất ngưỡng thẳng vút lên trời. Lưng chừng cột trụ đặt một tấm gỗ tròn sơn vàng, bốn bên có dây chảo vững bền buộc chặt chẽ với bốn góc giá. Trên đầu cột lại trạm một cái mũi nhọn trông như đầu một lưỡi sang, nhưng tròn. Quãng giữa đầu cột và tấm gỗ tròn, một cán cờ nằm hơi chênh lệch, chuôi cán có dây buộc vào ván gỗ, đầu cán thì cắm một lá cờ vuông bằng vóc vàng, viền lụa hồng, ngũ kim tuyến, giải nhiễu lam, trên thêu sáu chữ vàng chói lọi: “Bình Bắc Thượng tướng quân Nguyễn”. Đó là lá cờ sù.

Đi sau cờ sù là một đội quân năm trăm tên, lưng đeo gươm, vai vác mộc, tay cầm giáo trường sáng loáng chĩa

lên trời. Rồi đến một cặp voi nặng nề mà rục rở, đứng đỉnh vầu vầy đuôi vừa tiến theo lệnh hai viên quân tượng cầm búa cuời trên đầu. Đôi vật chiến ấy cùng trang sức giống nhau: con nào cũng phủ bành vóc đỏ viền xanh, có tua dải phất phơ rủ xuống, lại có khẩu tiền khẩu hậu nạm vàng bạc và thủy tinh lóng lánh. Trên bành, một cổ lầu son bọc lụa vàng đặt ngang lưng voi như một cái kiệu hoa thấp, và vững chãi. Cổ lầu ấy giống một cái ghế rộng rãi, chỗ ngồi có gối thêu, chỗ dựa lưng, dựa tay có gấm phủ, trông rất gọn gàng hoa mỹ. Chính giữa lầu, mé sau, một cái tàn hồng nhô lên để che hản cho tướng ngồi trên mình voi; hai bên chiếc tàn, hai lá cờ đuôi nheo ngấn cán chĩa ra ngoài, tuôn bay theo chiều gió thổi. Trên lầu son ngồi hai viên tướng: một viên trông

đã già nhưng còn quắc thước, mặc bào xanh giáp bạc gác ngang vai một thanh Yển Nguyệt long đao; một viên, trái lại, trông trẻ như măng non, đẹp như con gái, mình vận bào trắng, vai mang giáp mây đội mũ đầu mâu chỏm bạc, cầm ngang một thanh bảo kiếm ‘Lư hoàng’. Viên tướng trẻ đó rất tuấn tú khôi ngô, nước da trắng nuột, hình hài nhỏ nhắn, đều đặn, bàn tay mềm mại như tay đàn bà; gia dĩ cặp mắt phượng đen nháy lại say sưa gợn ra những tia sáng nồng nàn, làn môi tươi đỏ như son lại toả ra những nụ cười đằm đuối khiến ai thoát nhìn qua vị thiếu niên anh kiệt đó, cũng phải bảo chàng là một giai nhân cải trang đi tòng chinh, hay một nữ tướng giả trai chen vào đám quân sĩ để theo chồng.

Thực vậy, tướng trẻ tuổi đó quả là

khuê môn nhi nữ, nhưng nàng mặc nhung phục nam tử chẳng phải để đi theo chồng; nàng chỉ nhân dịp có binh tướng ra Bắc Hà thì cũng xông pha cho biết đó, biết đây, nàng len lỏi trong mũi tên hòn đạn mà vẫn được che chở chiều chuộng như một vị công chúa. Bởi lẽ không là công chúa, nàng cũng là Quận chúa. Ông chú ngoại nàng là Tiết Chế Thượng tướng quân Nguyễn Huệ⁶ mà cha nàng là Tả Đô Đốc Võ Văn Nhậm,

6 Nguyễn Huệ (1753-1792) hay còn gọi là Nguyễn Huệ, miếu hiệu Tây Sơn Thái Tổ (西山太祖; được dùng để phân biệt với Nguyễn Thái Tổ nhà Nguyễn), danh xưng khác là Bắc Bình Vương, tên khai sinh là Hồ Thơm, sau đổi tên thành Nguyễn Huệ, Nguyễn Quang Bình, là một nhà chính trị, nhà quân sự người Việt Nam, vị hoàng đế thứ 2 của Nhà Tây Sơn, sau khi ái Đức Hoàng đế Nguyễn Nhạc thoái vị và nhường ngôi cho ông. Quang Trung không chỉ là một trong những vị tướng lĩnh quân sự xuất sắc bách chiến bách thắng, mà còn là nhà cai trị tài giỏi. Ông đã đưa ra nhiều chính sách cải cách kinh tế, xã hội nổi bật trong lịch sử Việt Nam. Ông là một trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.

rể vua Thái Đức nhà Tây Sơn⁷.

Nàng tức là Võ An Trinh quận chúa. Còn viên tướng già đi cạnh nàng là tiên phong lão hổ Trần Quang Diệu⁸ người đã có công theo Bình Bắc

7 Nhà Tây Sơn (chữ Nôm: 家西山, chữ Hán: 西山朝/Tây Sơn triều) là một triều đại quân chủ trong lịch sử Việt Nam tồn tại từ năm 1778 đến năm 1802, được thành lập trong bối cảnh tranh chấp quyền lực cuối thời Lê Trung hưng (1533-1789). Theo cách gọi của phần lớn sử gia, nhất là các sử gia hiện đại tại Việt Nam thì “nhà Tây Sơn” được dùng để gọi triều đại của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ để phân biệt với nhà Nguyễn của Nguyễn Ánh (vì cùng họ Nguyễn). Ngoài ra, “Tây Sơn” cũng chỉ các lãnh tụ và quân đội khởi nghĩa xuất thân từ ấp Tây Sơn; cũng được dùng làm tên cuộc chiến của Tây Sơn. Người nắm quyền đầu tiên của nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, người anh cả, lên ngôi năm 1778. Tới năm 1788, Nguyễn Nhạc nhường ngôi cho em là Nguyễn Huệ, chính là Quang Trung hoàng đế.

8 Trần Quang Diệu (chữ Hán: 陳光耀; 1760-1802) là một trong Tây Sơn thất hổ tướng của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Ông cùng với vợ là nữ tướng Bùi ị Xuân đã cố sức chiến đấu để bảo vệ vương triều này nhưng không thành công, và cả hai đều bị vua Gia Long xử tội chết. Trần Quang Diệu, vốn có tên Trần Văn Đạt, là người ở làng An Hải (trước thuộc huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng), là con trai

Thượng tướng quân dẹp tan lũ Đinh Tích Nhưỡng, Bùi Thế Dân và Trịnh Tự Quyền, hạ được thành Sơn Nam, để kéo đến Thăng Long.

Tiếp theo cặp voi của Quang Diệu và quận chúa An Trinh, một đoàn giáp sĩ, hai mươi tên, đi hộ vệ cho quận chúa. Bọn giáp sĩ cùng mang gươm trần và hèo trượng, trông rất oai nghiêm tề chỉnh, sắp thành năm hàng, chia ra hai toán đi dàn hai bên đường.

Bây giờ, mới đến lượt đội quân âm nhạc đi trước, tăng thêm vẻ long trọng của cuộc hành trình, hai tên quân cầm trống tiểu cổ, cứ mỗi bước lại điểm một tiếng ‘tong tong’, xen lẫn vào tiếng nạo bạt mà một tên quân vừa đánh vừa nhảy múa như một anh kép hát. Cũng

nhảy múa như tên quân cầm nạo bạt, một lũ tám tên lính, áo xanh thắt lưng đỏ, nhịp nhàng vừa tiếng vừa gõ sênh tiền, hoà với tiếng trúc tơ mà phường bát âm nhã nhạc phía sau làm vang lừng tứ phía. ôi thì nào kèn, nào nhị, nào đàn, một khúc hùng hồn giục lòng hăng hái của ba quân, phấn khởi tinh thần của quần chúng, khiến ai ai cũng thấy mình cường tráng, vui cười đồng dục bước đều nhau, sắp thành hàng ngũ rất uy nghi nghiêm chỉnh.

Càng làm cho binh tướng tự cường, tự khởi, mà thỉnh thoảng điểm vào điệu trúc tơ êm ái một nét mạnh mẽ oai hùng, là những tiếng mã la inh ỏi, hợp với tiếng trống cái ầm ầm, tiếng khánh ngọc sang sảng của hậu đội gióng lên từng quãng một.

Nổi gót phường đàn sáo, dàn một lớp hơn trăm binh vác cờ thêu, tàn, quạt, cùng mọi thứ binh khí trong thập bát ban. Gươm trần tuốt sáng ngời, giáo mác dựng tua tủa, tàn tán biển quạt đỏ ối trời; những phướn, những giải, những tua, những ngù, đủ mọi sắc rực rỡ, đủ mọi màu choáng mắt, tất cả các khí giới bóng lộn, các tinh kỳ phất phơ, bao nhiêu những khí cụ có trộn lộn vẻ huê mỹ với năm ngàn bộ áo hung hung đỏ của quân sĩ, với làn da trời tẻ xám, để tạo thành một cảnh vật nửa oai vệ, nửa buồn rầu mà nhịp trống nhịp kèn càng làm cho thêm tôn nghiêm, dữ dội.

Giống dây cương lỏng lẻo, song song thúc ngựa đi sau lớp cờ quạt, tàn biển, một đoàn tùy tướng, đủ các tuổi, ăn mặc xuýt soát giống nhau, thông thả mở lối cho một đội quân ‘Hổ oai’ đi trước hộ vệ quan chủ soái. Đoàn tùy tướng có mười người, cùng đội mũ đầu mâu chỏm bạc, ngù đỏ, cùng mặc giáp đồng, thắt đai gấm, đi võ hài, cùng mang mỗi người một chiếc nỏ quàng vai, một túi tên ngang lưng, cùng giơ gươm trường chĩa thẳng lên trời rất là trịnh trọng. Họ chỉ khác nhau ở chỗ ngựa không cùng sắc, bào không cùng màu, tuổi không cùng trẻ nhưng ai nấy đều ngồi ngay thẳng trên mình chiến mã, đều có vẻ nghiêm nghị, đường đường, trông càng lẫm liệt.

Đoàn kiện nhi hộ vệ đi sau họ là một lũ mãnh hổ cứng cáp, rắn rỏi, nét

mặt gân guốc, con mắt sáng ngời, cùng mặc áo trần ngực, đội mũ ‘xì mẩu’, lưng đeo mã tấu, tay cầm thước khảm, sắp thành mười hàng tư, hiên ngang tự đắc tiến đều rầm rập vào thành, như muốn tỏ mình là hạng người có giá trị đang thị oai cùng lũ binh non yếu, nhát gan và vô dụng của họ Trịnh⁹ xứ Bắc Hà.

Bây giờ, mới đến lượt Trung quân đại tướng. Trên mình hai con bảo câu sắc tía, cùng sóng ngang nhau, đạo mạo, một bên là Tả quân Đô đốc Võ Văn Nhậm, phò mã rể vua Tây Sơn, một bên là Hữu quân Đô đốc Nguyễn

9 Họ Trịnh (chữ Nôm: 主鄭, chữ Hán: 鄭王/Trịnh vương; 1545-1787) là một vương tộc phong kiến kiểm soát quyền lực lãnh thổ Đàng Ngoài suốt thời Lê Trung hưng, khi hoàng đế tuy không có thực quyền vẫn được duy trì hoàng vị. Bộ máy triều đình lúc này hoạt động theo thể chế lưỡng đầu. Tổng cộng có 11 đời chúa Trịnh chính thức (nếu tính luôn cả Trịnh Kiểm là 12 đời chúa) cai quản xứ Đàng Ngoài trong hơn 2 thế kỷ.

Hữu Chính. Tả quân mặc áo vóc đại hồng, thắt đai gấm tía, đeo gươm ‘anh xương’, đi giày mũi phượng; Hữu quân, áo bào màu nguyệt bạch, nịt lưng bằng nhiều Hồng đô sắc lam, mang võ hài bằng nhung thêu chỉ bạc cấp ngang một thanh siêu đao ‘Cổ đỉnh’. Cả đôi cùng theo lối nhung phục, mặc quần chèn ống, bó sát vào cổ chân, lại cùng quần một vành khăn đầu rìu bằng nhiều Phú Xuân màu quan lục.

Hai quan Đô đốc cùng đeo sau lưng mỗi người hai lá cờ đuôi nheo bằng gấm, giải vàng, viền tía, trên để dấu hiệu của mình. Cờ hiệu của Võ Văn Nhậm một lá thêu bốn chữ nhưng đen ‘Tả quân Đô đốc’, một lá thêu ba chữ kim tuyến ‘Phò mã Võ’; còn của Nguyễn Hữu Chính thì cũng tương tự như thế, một lá thêu chữ Lam ‘Hữu

quân Đô đốc, một lá lóng lánh chữ vàng ‘Tướng quân Nguyễn Hữu.’

Đi kèm sau hai Đô đốc, lại một đội ‘Hổ oai’ bốn mươi tên nữa, dàn trước đầu voi quan chủ帥.

Cao chót vót trên bành, một ông ‘Quận công’ trang sức toàn bằng vóc hiếm, gấm quý, mà khẩu tiền, khẩu hậu, cho đến cả đôi ngà cùng yên cương, cũng đều chói lọi những vàng bạc châu ngọc lóng lánh, ngồi trong lầu sơn son chất nặng những gối thêu rồng phượng, dưới một đôi tán vóc hồng, viền lam, với một đôi cờ hiệu vàng lượn bay trong gấm trời bát ngát, là một trang anh hùng trông vẻ hiên ngang, xuất chúng, gác bên đùi hai trái đùi tặt lê sáng loáng, cử chỉ oai nghiêm chững chạc, nét mặt đẹp một vẻ cứng

cỏi, cường dũng, rõ ràng một vị thiên thần. Vị thiên thần ấy, trang anh hùng ấy, tức là chủ soái đội quân ngày hôm đó tiến vào kinh đô đất Bắc: Bình bắc Thượng tướng quân Nguyễn Huệ, sung chức Tiết chế, vâng lệnh anh là vua Thái Đức nhà Tây Sơn, ra Bắc Hà dẹp họ Trịnh giúp Lê Triều.

Ông Nguyễn Huệ mình cao một trượng, lưng rộng vai to, mắt sáng lóng lánh hào quang, mày dài và rậm, trán rộng và cao, tiếng nói sang sảng như chuông gióng. Trong người lực lượng trùn giời đất, khí dũng át ba quân, lẫm liệt, đường hoàng; vẻ bề ngoài đã khiến kẻ nhác trông cũng phải phục tòng và kính sợ. Ông mặc bộ áo chiến bào màu lục, hoa gấm, dùng một giải lụa xanh thắt chên ngang lưng. Chân ông mang một đôi võ hài bằng nhung, đế gai, có

thêu kim tuyến; hai ống quần lụa trắng bó nịt lấy cổ chân rất chặt chẽ gọn gàng. Trên tất cả bộ y phục sắc sỡ ấy, lộ ra một khuôn mặt tròn đầy đặn, có nhiều cương quyết mà phúc hậu, nước da trắng hồng càng rõ rệt dưới vành mũ trụ ‘Hoa khôi’ chòm vàng ngù tía. Trên đôi môi đỏ như son, hai làn râu mép nhỏ phăn điểm một nét tình tứ lảng lơ, cho dung mạo khách anh hùng không đến nỗi quá tôn nghiêm, dữ dội.

Trên đầu voi quan Tiết Chế, có một lão quân tượng khiến voi đi từng bước nhịp nhàng thông thả, không bao giờ để chủ súy bị hơi một chút ngả nghiêng. Sau chỗ thượng tướng ngồi, một tùy tướng cưỡi trên đít voi để giữ chặt lấy lấu xoan cho đừng xộc lệch, và nhân tiện để bảo hộ thân thể quan Tiết Chế, ngõ hầu tránh những quân gian

mưu hành thích mé sau lưng. Viên tùy tướng ấy vai đeo khiên, vai đeo nỏ, lưng đeo túi tên giắt dao găm, tay lại cầm một thanh ‘Á phương bảo kiếm’ chém sắt như bùn.

Đi kèm hai bên voi ‘Quận công’ là một toán bốn tên quân, hai tên cầm tàn, hai tên cầm lọng, che cho quan Tiết Chế. Rồi sau lưng ngài, lại một đội thứ ba bốn mươi tên giáp sĩ đi sau hộ vệ, cộng với hai đội kia, tất cả là một trăm hai kiện sĩ được liệt vào hàng thị vệ ‘Hổ oai’.

Hết hàng giáp sĩ này mới đến một dãy bộ tướng, độ hơn hai chục, ăn mặc cũng giống hàng tùy tướng đi phía trên lũ lượt, xếp thành đội một, thúc ngựa từ từ nổi gót theo chủ sủng. Sau đoàn bộ tướng, hai mươi bốn tên quân khiêng

một cái kiệu bát cống rất lớn, nhưng trong chẳng có ai ngồi. Ý chừng đó là để dành cho quan thượng tướng khi ngài không muốn ngự voi, hoặc để vọng tưởng đến Thái Đức hoàng đế, cho rằng vua Tây Sơn cũng có mặt trong ba quân. Nói là cỗ kiệu khiêng đi là ngôi của Nguyễn Nhạc, bởi lẽ hai bên kiệu có bốn tên lính cầm lọng vàng che phủ, và mé sau, một đoàn văn quan, áo mũ tề chỉnh, cầm hốt theo hầu.

Đến đây là hết đoàn Trung quân. Bây giờ, mới đến hậu tập. Đi trước, một đôi voi, trang sức tương tự như đôi voi đi tiên phong. Rồi sau lưng cặp chiến tượng hậu quân, ta được thấy một sự rất lạ. Ấy là một hàng bốn khẩu súng đại bác bằng đồng, đặt trên bốn cỗ xe mà mười sáu tên lính kính cẩn đẩy đi, giữa hai tổ quân tám đứa cầm

cờ, bốn đứa đi trước, bốn đứa đi sau. Đọc những chữ hiệu trên mặt cờ, mới biết bốn khẩu súng cổ lỗ ấy cũng có phẩm tước rất cao như mấy con chiến tượng. Hai cổ tước Bình định Công, hai cổ tước Phú xuân Hầu. Đi dưới hộ vệ cho bốn vị công hầu đó, một toán hai mươi giáp sĩ cầm giáo trường cùng mã tấu; rồi đến bốn trống cái, mã la cùng khánh, kiểng, theo đuôi.

Một viên quản, tay cầm roi, tay phát lá cờ đào nhỏ, đốc thúc lũ quân đẩy Bình định Công và Phú xuân Hầu cho đi đều hàng ngũ. Bốn tên lính cầm lọng tía che cho bốn cái trống cái, mã la, khánh và kiểng mà bốn tên quân khác, ăn mặc sắc sỡ như phường hát, quần khăn đầu rìu thắt lưng đỏ, vừa nhảy lên vừa múa, mỗi khi chúng điểm một tiếng ‘tùng boong’, hay ‘bu lu’... cứ mỗi

tiếng thùng thùng là tiếp một tiếng mã la định tai nhức óc, rồi một tiếng công inh ỏi lại xen vào một tiếng kiểng sang sáng vang lừng.

Đi với đoàn hậu quân thực là một cái nợ phải váng đầu váng óc. ế mà hơn ba ngàn quân nữa vẫn tự nhiên tiến theo nhịp trống, hình như không lấy sự vang động làm quan tâm mà trái lại, còn vì sự vang động ấy mà phấn khởi.

Ba ngàn quân đó chia ra làm mười đội, mỗi đội có một viên Chưởng quân đứng đầu. Mỗi hàng binh có bốn người, cả đoàn hậu tập, theo vết tiền và trung quân, tiến vào Thăng Long tựa như một con trường xà vươn khúc, dài dằng dặc kể không biết mấy dặm đường.

Sau cùng khóa chặt lớp binh cơ là một tướng quân còn trẻ, trạc hai mươi tuổi, sức vóc vạm vỡ, mặt trắng môi song, mày dài mắt sắc, rõ ràng có vẻ khí khái anh hùng. thiếu niên võ tướng ấy cũng là một kẻ xuất chúng, có công to trong khi diệt Trịnh phù Lê; chàng là con quan Hữu quân Đô đốc Chỉnh, mà cả hai thành Bình Định và Phú Xuân không ai không biết tiếng là một võ sĩ đại tài: Nguyễn Anh Tể công tử.

Cả đoàn quân Tây Sơn theo quan Tiết Chế vào thành Thăng Long, đóng đồn ở phía Nam thành ấy (nay thuộc về địa phận Hàng Lọng). Bấy giờ là ngày mùng 2 tháng bảy năm 46 đời Cảnh Hưng tức là năm Bính Ngọ (1786).

CHƯƠNG 3

LẦN ĐẦU TIÊN ĐEM QUÂN THỦY ĐI TIÊN PHONG vào cửa Đại Anh để lên sông Vị Hà, Hữu quân Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh cũng muốn ra tay anh dũng cho Tiết chế Nguyễn Huệ phục tài mình. Phải, vì Huệ như có lòng nghi kỵ đối với Chỉnh, phần ghét Chỉnh là người gian trá, xảo quyệt, phần sợ Chỉnh không thật lòng giúp cơ nghiệp nhà Tây Sơn. Bởi thế, muốn tỏ lòng tận tụy, trung

thành, Chỉnh cần phải đánh dẹp một phen cho lấy lòng để mua chuộc lòng Huệ.

Lấy lòng từ thuở còn học trò, Chỉnh đã là một nhân vật phi thường, xuất chúng. Mười sáu tuổi đỗ hương cống. Chỉnh làm cho tất cả nhà nho huyện Châu Lộc, tỉnh Nghệ An (quê hương của Chỉnh) phục Chỉnh như một vị thần đồng, nhất là vì phú Quách Lệnh Công của Chỉnh lại là một tác phẩm rất tài tình, tuyệt diệu.

Chỉnh bình sinh vốn tính hào hoa, phong nhã đã lắm cơ trí lại nhiều can đảm, mà giỏi khoa biện bác vô cùng. Không những chỉ nức tiếng là một văn tài siêu việt, chàng còn tỏ mình sau này là một võ tướng vô song.

Tục truyền khi Chĩnh mới lọt lòng mẹ cứ nằm ngửa khóc luôn sáu tháng không dứt; sau có một người thần nữ đến ru võng hát rằng:

Rau răm một cụm ba đồng,

Anh đi xứ Quảng xứ Đông chưa về.

Bao giờ rau mọc xanh rì,

Anh ra đất Bắc gửi yếm đào về cho em.

Nghe thần nữ hát, từ đó, Chĩnh không khóc nữa. Bốn câu ấy sau đúng với sự Chĩnh theo Hoàng Ngũ Phúc đánh giặc ở Xứ Đông và xứ Quảng, mãi tới khi được vời ra phò vua Lê ở Bắc Hà mới lừng lẫy thanh danh.

Năm Chĩnh lên chín, ngày tết, đến mừng thầy học, đốt một tràng pháo. Thầy lấy pháo làm đầu đề, bảo Chĩnh

vịnh một bài thơ, Chỉnh ứng khẩu đọc rằng:

Xác không vốn những cây tay người,

Khôn khéo làm sao cũng một đời;

Kêu lắm lại càng tan xác lắm

Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

Thầy khen khay, đoán biết Chỉnh tất sẽ làm quan to nhưng bạc hạnh, không ra gì.

Về sau, khi Chỉnh bị mất chủ là Huy Quận Công, long đong trôi giạt vào Quảng. Chỉnh buồn rầu làm mấy bài thơ tự thán, có một bài rằng:

Tóc chen hai thứ, chứ dành chi!

Thân hỡi là thân, thi hỡi thi!

*Chửa trả, chửa đền, thân đệ tự,
Thêm ngừng, thêm tủi chí nam nhi;
Kẻ yêu, nên ít bề cao hạ,
Người ghét càng nhiều tiếng thị phi;
Tay bé khôn bưng vừa miệng thế,
Giải lòng ngay thảo cậ thiên tri.*

Xem khẩu khí, ai cũng biết Chỉnh
có nhiều dục vọng.

Buổi thiếu thời, theo tướng nhà
Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc đi đánh giặc
bể và Quận He, Chỉnh đã được thiên
hạ khen là một thủy sư đại tướng. Giặc
bể sợ oai Chỉnh thường gọi chàng là
'con chim dữ'. Không đứa nào dám
mon men vào thủy trại, mỗi khi nghe
có Chỉnh ở trong.

Mãi tới khi Hoàng Ngũ Phúc lâm chung, Chinh phiêu giạt ít lâu rồi đi theo Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo. Tháng chín năm Nhâm Dần (1782), Tĩnh đô vương Trịnh Sâm tạ thế có để di mệnh lập con thứ là Trịnh Cán làm chúa và Quận Huy làm phụ chính đại thần. Nguyên sinh thời, Tĩnh đông vương say đắm nàng Đặng Thị Huệ, nên vì nàng bỏ con trưởng là Khải để lập con Đặng Thị làm thế tử. Trong phủ Liêu từ đó chia ra làm hai bè đảng, một đảng phò Trịnh Cán, một đảng phò Trịnh Khải. Kịp đến khi Cán lên ngôi, thiên hạ không mấy người chịu phục, thành ra biến loạn, bởi lẽ Cán đã ít tuổi còn lắm bệnh tật, không giữ được uy tín và quyền hành.

Trưởng tử là Trịnh Khải, lúc bấy giờ nhân dịp rối loạn, bèn mưu với

bọn kiêu binh, xưa nay vẫn đặc thế, để tranh ngôi Chúa. Có tên biện lại thuộc đội Tiệp Bảo là Nguyễn Trang, người Nghệ, đứng lên thủ xướng việc phế lập, vào phủ Liêu đánh ba hồi trống hiệu, rồi kiêu binh tứ phía kéo đến vây phủ Chúa, giết chết Trịnh Cán, Đặng thị Huệ và nhân tình thị là Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo.

Trịnh Khải nhờ đó, được lên ngôi chúa, tước phong làm Đoan Nam Vương.

Hoàng Đình Bảo chết rồi, Nguyễn Hữu Chỉnh hóa ra bơ vơ vất vưởng, không chỗ nương tựa. Chỉnh bèn về quê, vào thăm quan trấn thủ Nghệ An là Võ Tá Giao, xui Giao đứng lên tự lập ở đất Thuận Hóa. Giao nhút nhát không dám. Hữu Chỉnh chán ngán bỏ Giao

vào với vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc.

Nguyên xưa kia theo Hoàng Ngũ Phúc, vào Quảng Nam đánh giặc, Chinh vốn đi lại quen thân với Nhạc, hóa nên vì thế vua Tây Sơn đãi Chinh vào bậc thượng tâu.

Vương đệ là Nguyễn Huệ thấy Chinh được trọng đãi, lại xem cách cử chỉ của Chinh, rõ là xảo quyệt, trí trá, nên ngay từ lúc đầu đã có ý ghen ghét. Nhân Hữu Chinh đi đánh quân Chiêm Thành và quân Bồ Man lại được đại thắng trở về. Huệ đối với Chinh càng thêm hằn học khùng khỉnh như có vẻ e ngại tài chiến thắng và mưu lược của Chinh sẽ có ngày làm lu mờ danh thiên tướng của mình.

Trong một tiệc rượu, một hôm, Chinh hiển mưu tâu vua Tây Sơn cho đem quân ra đất uận Hoá rồi đi thẳng ra Bắc Hà. Vua Tây Sơn biết đất Thuận Hóa không có quân phòng bị mà quan trấn thủ đất ấy là Phạm Ngô Cầu vốn là người nhu nhược, đã biến lộn lại vô mưu, nên giáng chỉ sai em là Huệ làm Tiết chế cùng rể là Võ Văn Nhậm và Chinh làm tả hữu quân đô đốc, đem bộ quân, thủy quân ra đánh Bắc Hà.

Quân Tây Sơn đi đến đâu, sức mạnh như thác chảy, nhuệ khí và thanh thế lòng lấy đến đấy. Vừa đến Thuận Hóa, thượng tướng Nguyễn Huệ đã bắt sống được quan trấn thủ Phạm Ngô Cầu cho giải về Qui Nhơn xử tử. Thấy khí thế ba quân đương độ hăng hái cường thịnh, Hữu đô đốc Chinh bèn khuyên Tiết chế Huệ xông thẳng ra Bắc Hà.

Trong một buổi họp cả dưới trướng hổ để nghe thượng tướng truyền lệnh sửa sang đồn Đồng Hới và định giữ địa thế cũ ở bờ sông La Hà, Chinh hùng hồn đứng dậy:

– Bẩm quan Tiết chế, cứ như ngu ý thì bây giờ đang lúc thắng, ta chớ nên nề hà gì nữa, cứ kéo tuột quân ra đến Thăng Long.

Phàm ở đời, nhứt là trong phép dùng binh thì một là thời, hai là thế, ba là cơ. Có ba điều ấy đánh đâu được đó. Hiện tình, ở xứ Bắc, tướng thì lười, quân thì kiêu, triều đình không cương luật. Nếu Thượng công nhân uy thanh của mình mà đem binh ra đánh, thì quyết là không phải trở về không. Sao Thượng công bỏ cái thời cái thế và cái cơ hội ấy?

Nguyễn Huệ sẽ cau đôi lông mày dài và rậm, đăm đăm nhìn vào mặt Chỉnh, nửa ra vẻ nghiêm nghị, nửa ra chiều giễu cợt:

– Ở Bắc Hà lắm anh hùng tuấn kiệt, ông chó nên coi thường!

– Ô! ượng công nói đùa sao vậy? Nhân tài đất Bắc, chỉ riêng có một mình Chỉnh, nay Chỉnh đã bỏ đi, theo hầu dưới trướng Thượng Công, thì còn ai đâu nữa! Xin Thượng công đừng ngại.

Nói xong câu ấy, Hữu Chỉnh đắc ý cười ha hả, trong khi Nguyễn Huệ sẽ nghiêng đầu, nhếch mép, khoan thai vuốt râu mép, gật gù:

– Ấy! Chính người khác thì không ai đáng sợ; chỉ đáng ngại duy có một mình ông đó thôi!

Nguyễn Hữu Chỉnh đang vui cười tự đắc, bỗng xám xanh mặt lại, ngoảnh nhìn Nguyễn Huệ bằng một đôi mắt hối hận, buồn rầu. Huệ trông vẻ kinh khủng của Chỉnh cũng thương tình, bèn chữa lời, dịu giọng:

– Tôi nói đùa ông đó mà! Không phải sợ đất Bắc lắm người giỏi mà không dám đánh, chỉ tại nhà Lê làm vua đã lâu rồi, lòng dân đã chiếm được; nay nhất đán mình diệt đi thì ai phục mình?

Hữu Chỉnh bấy giờ mới hơi yên dạ:

– Nhà Lê làm vua mà bị hiếp dưới quyền chúa Trịnh, đó là một sự cổ kim đại biến cả nước không ai phục. Nay Thượng công lấy đại nghĩa, phò Lê diệt Trịnh, thì trong gầm trời này, ai không cảm phục Thượng công?

– Đành vậy, nhưng tôi chỉ phụng mệnh Hoàng huynh đi đến đất Thuận Hóa mà thôi, ra đến Bắc Hà, can phạm tội kiêu mệnh thì làm thế nào?

– Thượng công rõ câu nệ quá! Phàm giả anh hùng ở đời, hễ không bỏ được tiểu tiết thì toàn hỏng mất đại sự! Kiêu chiếu là tội nhỏ, đánh Trịnh là công to. Vả chẳng làm tướng ở ngoài, có điều không cần phải theo mệnh vua, Thượng công nhẽ nào không biết?

Nghe Hữu quân Đô đốc nói có lý, Tiết chế Nguyễn Huệ cũng đành trái mệnh vua, đem quân thẳng tới Bắc Hà. Ông bèn sai Hữu Chỉnh đem thủy binh đi tiên phong vào cửa Đại An đánh lấy kho lương ở bên sông Vị Hoàng, còn mình cùng Tả quân Võ Văn Nhậm và đại binh thì kéo đến sau, hẹn với Hữu

quân đến sông Vị sẽ đốt lửa lên làm hiệu.

Vì thế, ngày mùng sáu tháng sáu năm Bính Ngọ, từ cửa Luộc suốt một vùng trở lên, theo ven sông Vị Hoàng, một trận huyết chiến đã xảy ra giữa hai đại đội quân sĩ Tây Sơn và quân sĩ Trịnh.

* * *

Hữu quân Đô đốc Chinh đem binh tiên phong qua hai miền Nghệ An, Thanh Hoá, không bị ai ngăn trở cả. Quan trấn thủ hai tỉnh đó là Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thùy không ông nào dám ra cự địch, đều mở cửa thành cho

quân Chỉnh kéo qua. Khi ra tới sông Vị Hoàng quan coi đồn ở đấy sợ thế quân Tây Sơn mà thất đởm, vội vàng trốn chạy, bỏ cả lương thảo và kho tàng ở lại. Hữu Chỉnh thúc quân vào cướp phá, chiếm được hơn trăm vạn học lương, còn bao nhiêu các quí vật cùng vàng bạc châu báu thì sai đóng hòm, giấu kín đi một chỗ. Xong đâu đấy mới đốt lửa làm hiệu, cho đại quân của Nguyễn Huệ biết chỗ kéo đến hạ trại.

Tin Nghệ, Thanh thất thủ do ngựa lưu tinh liên tiếp đưa về Liêu Phủ làm cho náo động Bắc thành. Trước kia khi thành Phú Xuân đã vỡ rồi, báo tin về đến Thăng Long thì các quan đều bàn tán, cho rằng xứ ấy vốn không phải đất nhà vua, có mất cũng không đáng ngại. Vì thế, Triều đình chỉ sai Thái đình hầu Trịnh Tự Quyền đem hai mươi bảy

cơ binh giữ đất Nghệ An, rồi không ai thèm nghĩ đến sự phòng bị nữa. Quyền dùng đình thu xếp hơn một tuần (10 ngày) mà vẫn chưa xong công việc; lúc bắt đầu ra đi, vừa tiến quân được non 30 dặm đã nghe đồn quân Tây Sơn ra đóng ở Vị Hoàng rồi. Quyền bèn đem quân xuống giữ mặt Kim Động. Quan trấn thủ Sơn Nam là Bùi ế Dận thì đem quân phòng giữ mặt bộ, đóng ở xã Phù Xa, huyện Đông An. Còn tất cả bao nhiêu quân thủy thì do Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng cai quản, đóng ở cửa Luộc để ngăn ngừa mặt thủy.

Kể ra, binh xứ Bắc cũng nhiều, mà suốt một vùng dọc sông Vị đồn trại liên tiếp nhau đến mấy dặm đường, thanh thế cũng khá to; song le quân Trịnh toàn là một đám hỗn độn, ô hợp, nhát như cáy, lười biếng và phản trắc, không thể

dùng được. Bởi thế, mặc dầu tài chinh chiến của lũ Liễn trung Hầu Đinh Tích Nhưỡng và Bùi Thế Dân, mấy tòa đồn trại men bờ sông Vị, sau này, chỉ là một đồng tro tàn.

Chỉ một trận, Bình bắc ượng tướng quân Nguyễn Huệ đã làm cho quân tướng Bắc Hà phải kiếp đảm; chỉ một trận, em vua Tây Sơn đã hạ Sơn Nam như trở bàn tay.

Tối hôm mừng sáu tháng sáu năm Bính Ngọ ấy, trong khi Liễn trung hầu đương thông dong ngòi uống rượu trong trướng, trên một chiếc chiến thuyền to nhứt dàn ở mé trung ương thủy trại quân Trịnh bỗng nghe tiếng mả la âm ỉ, tiếng trống giục âm âm, chen với tiếng reo vang trời dậy đất.

Nhìn ra ngoài trại, giữa vùng đầm tối và sóng nước, một dãy chiến thuyền của bên địch đang thuận gió kéo tràn sang vun vút, trên thuyền muôn ngàn quân mặc áo đỏ chói, cầm giáo mác sáng lòe, đốt đèn đuốc rực rỡ, trông uy nghi, mãnh liệt vô cùng. Bấy giờ, gió đông nam thổi mạnh, mặt nước cuộn cuộn nhô lên hạ xuống làm cho lũ chiến thuyền Tây Sơn khi ẩn khi hiện, khi sáng khi tối, lập lờ như ma trời.

Trong thủy trại quân Trịnh, một hồi trống hiệu từ hành doanh vẳng ra, làm kinh động cả một vùng cửa Luộc. Các chiến tướng vội vàng lo về hàng ngũ, nhưng xưa nay từng quan hỗn độn, hóa nên chậm mất đến nửa giờ mới tạm gọi là tề chỉnh để nghinh chiến quân Tây Sơn.

Theo lệnh Liễn trung hầu, bao nhiêu thuyền trong trại đều kéo ô ra, dàn thành hàng chữ nhất. Bao nhiêu đèn đuốc thắp lên sáng rực mà nhìn ra mé xa, cũng không được rõ ràng. Bóng tối trùng trùng điệp điệp đen dày như mực. Chỉ xa xa thấy tiến lại phía quân Trịnh một đội 20, 30 chiến thuyền đầy lính tráng, tinh kỳ và khí giới, chỉ nghe thấy chiêng trống hò reo, huyền não, mà không biết địch quân nhiều ít dường nào.

Đinh Tích Nhuỡng bèn sai lấy súng bắn ra một lượt. Mấy loạt thần công liên tiếp nhau xé không trung im lặng, đoành đoành bắn vào cũi tối mịt mù. Trời nước bao la náo loạn, sóng cồn dào giạt tứ tung.

Thế mà đội chiến thuyền Tây Sơn
vùn vụt theo nước trôi tiến mãi.
Tiến mãi giữa làn tên đạn bời bời.

Ồ! Một cái cháy!Ồ! Hai cái cháy
rồi!

Ồ! Cả đoàn thuyền bên địch cùng
phát hỏa rồi!

Thế mà sao chúng nó vẫn oai hùng
tiến đến? Dũng cảm thật!

Cả gan thật!

Sóng to nước lớn, lớp chiến thuyền
vùn vụt như bay. Cái nào cũng cháy
bùng đỏ rực. Cách quãng lại nghe thấy
thuốc súng nổ tỏa ra một làn khói lửa
mù mịt lấp lóe như tia chớp loáng.

Một dịp thân công bên thuyền
Trình lại thị oai lần nữa. Nhưng, ôi

thôi! Còn lần này thì thuốc đạn hết rồi! Mà sao thuyền Tây Sơn nó vẫn tiến mau gấp lại? Trời ơi! Chúng nó đến nơi rồi!

Bao nhiêu quân Trịnh, bị đội hỏa thuyền đụng vào, áo quần đầu râu đều sém cháy cả. Các chiến thuyền Trịnh cái nào không bị lửa đốt cháy, thì mau chạy trốn, trốn vào quăng tối, giữa vùng gió cuốn nước gào. Cả thủy trại của Liễn trung hầu, phút chốc, bị đánh ta như đàn quạ bị cơn bão táp. Bao nhiêu quân sĩ đều bỏ thuyền bè, lặn lên bờ ẩn núp, trốn cho xa, không còn dám quay đầu.

Vì trong quăng tối mịt vùng, giữa lớp sóng cồn dào giạt, lần này mới thực đại đội quân thuyền Tây Sơn kéo đến, vây các thuyền Liễn trung hầu như vây

cá vào lưới, rồi súng thần công mới nổ tung ra tàn phá thuyền Trịnh cho tan tành.

Đoàn chiến thuyền trước kia chịu súng đạn của Liễn trung hầu chỉ toàn là một đoàn hỏa thuyền chứa thuốc súng và người gõ cầm khí giới và đuốc để thị lập cho uy nghi.

Đinh Tích Nhuỡng mới nhận ra rằng mình đã mắc mưu, mà trận của Luộc ngày nay, thực chẳng khác gì trận Xích Bích ngày xưa, khi Tào Tháo bị thất bại về tay Chu Công Cẩn.

Nguyên nhân hai vụ bại trận, kim và cổ, có chăng, chỉ tại gió đông nam?

Một trận hỏa công ấy đã khiến Liễn trung hầu phải bỏ thuyền mà chạy, trong khi các thủy quân thủy tướng bị

đánh thất điên bát đảo, trôi giạt mỗi người một xó, hoặc bị chìm đắm hàng đàn hàng lũ xuống đáy trường giang...

Đinh Tích Nhuỡng cố sống cố chết tháo lầy một đường huyết lộ để lánh nạn, mong ở thế ỷ giốc của đám quân mặt bộ đến cứu mình trong lúc nguy nan. Nhưng, hỡi ôi! Vừa đổ bộ, Nhuỡng đã thấy quân Thái đình hầu Trịnh Tự Quyền và quân Sơn Nam trấn thủ Bùi Thế Dận bị phá tan tành, rời rạc, ôm đầu lủi thủi trốn đi. Cho đến Quyền và Dận, cũng người thúc ngựa, kẻ cưỡi voi, đương tìm đường thoát nạn.

Thì ra toán quân Phù Xa và Kim Đồng cũng bị quân Tây Sơn đánh úp tự bao giờ!

Thượng tướng quân Nguyễn Huệ, nhờ sức mãnh liệt của tướng sĩ, hạ ngay được thành Sơn Nam như trở bàn tay. Đoàn Tây Sơn thắng trận, vui vẻ tiến vào thành, nhưng đã được lệnh của bề trên, không ai cướp bóc và phiền nhiễu dân gian cả.

Đi tiên phong vào trước Hữu quân Đô đốc Chinh vội cho lục lợi các kho tàng. Bao nhiêu châu báu bạc vàng, Chinh sai con trai là công tử Anh Tề thu nhận lấy, bỏ vào hòm kín, tải đi. Lúc đại quân vào được trong thành, thì đã thấy kho tàng trống rỗng mất hơn một nửa, mà các quý vật chẳng còn sót lại tí gì. Nguyễn Hữu Chinh cho phao lên rằng quan trấn thủ Sơn Nam đã đem vận tải vàng bạc tự lâu rồi, hóa nên kho tàng vì thế không còn sót lại một bảo vật nào đáng giá cả. Quân Tây Sơn, không rõ

biết mưu gian của Chỉnh vẫn tin rằng lời nói phao kia đúng với sự thực, hóa không nghi ngờ gì cả.

Hạ được thành Sơn Nam rồi, Tiết chế Nguyễn Huệ một mặt truyền hịch đi các nơi, nói cho thiên hạ biết rõ nghĩa ‘Phù Lê diệt Trịnh’, một mặt thúc quân đi lấy thành Thăng Long.

Trong thành Thăng Long, Đoàn nam Vương Trịnh Khải ngày đêm lo lắng. Bởi, trong kinh thành, lúc bấy giờ, kêu binh thì không dùng được mà nhận tài có thể ra giúp nước thì không còn có người nào. Khải bèn cho lên Sơn Tây gọi lão tướng Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ về giúp sức.

Quận Thạc đem tám người con trai về đóng bộ quân ở hồ Vạn Xuân còn

thủy binh thì lên giữ mặt Tây Long để phòng quân địch.

Nhưng đã đặc thế, nhuệ khí của Tây Sơn mạnh lắm, quân Nguyễn Huệ tiến lên phá tan tành thủy quân của Trịnh, Hoàng Phùng Cơ phải thúc voi bỏ chạy, sau khi sáu người con của lão tướng vong thân giữa chốn chiến trường.

Chúa Trịnh lâm bước nguy, cũng mặc nhưng phục lên mình voi tiến vào đánh quân địch. Song le, sức cô thế kém, đánh không thấy giặc núng chút nào, chúa Trịnh phải chạy lên Sơn Tây lánh nạn.

Lòng Trời như không tựa nhà Trịnh nữa. Bởi lòng dân oán rửa họ Trịnh tự lâu rồi. Chạy đến làng Hạ Lô, huyện

Yên Lãng, Trịnh Khải bị tên Nguyễn Trang đánh lừa đem nộp cho Tây Sơn. Tội thân mình là một bậc Vương giả, một sớm thất thế phải hóa ra cực khổ, lưu ly, chúa Trịnh, khi bị giải về đến giữa đình làng Nhật Chiêu, bỗng nhân lúc quân canh nhãng ý, cầm gươm cắt họng từ trần.

Đến đây kết liễu cuộc đời Trịnh Khải cũng như kết liễu, sau hai trăm mười sáu năm oanh liệt, cơ đồ họ Trịnh đã gây nên.

Thượng tướng Nguyễn Huệ, thương tình, cho dùng vương lễ để tổng táng thi hài chúa Trịnh. Nhân dân Bắc Hà, ai cũng cảm phục đại lượng và công đức của vị anh hùng.

Đẹp xong mầm biến loạn từ mấy trăm năm nay làm náo động Lê triều, quan Tiết chế bèn cho dựng bản chiêu an, và ngày mừng 2 tháng Bảy năm Bính Ngọ, kéo quân toàn thắng vui vẻ vào thành Thăng Long để lên đền Vạn ọ làm lễ yến kiến Lê Cảnh Hưng Hoàng đế.

Bởi thế, trong cảnh lặng lẽ điều hiu của chốn đế đô nghiêm cấm, người ta mới được ngắm vẻ uy nghi lộng lẫy của cuộc diễn quân ngày hôm đó, cuộc hành trình của 58 cơ binh sĩ Tây Sơn, chỉnh tề đưa Chủ sủy vào thành.

CHƯƠNG 4

Ừ KHI QUÂN TÂY SƠN RA GIỮ HỘ TRẬT TỰ cho xứ Bắc Hà, nhân dân thành Thăng Long được trải qua một buổi thái bình êm ái, một quãng đời sung sướng mà non hai thế kỷ rồi, họ không được biết mùi. Họ đã bị sống luôn luôn dưới quyền áp chế, nào của lũ tham quan dựa vào quyền Chúa Trịnh, nào của lũ ưu binh cậy thế cướp bóc nhà giàu và hãm hiếp đàn bà.

Đến lúc Tiết chế Nguyễn Huệ diệt tan nhà Trịnh nhất đán phế được các chế độ khốc liệt của Trịnh phủ gây nên, thì thiên hạ chiếm lại được một ít tự do, nhân dân khỏi bị đè nén, lo ngại, khổ sở. Bởi thế nên, trong thành Thăng Long, cho suốt cả đến một vùng mấy mươi dặm mé ngoài thành, ai ai cũng đều chúng ca tụng công đức của Nguyễn thượng công, nhất là khi được biết quan Nguyên soái đã ra lệnh cho ba quân không ai được phép quấy nhiễu các tư gia cả.

Sau một cơn biến loạn điêu tàn thâm, lại được thấy ngày sáng suốt, được an cư lạc nghiệp không phải lo canh cánh bên lòng cái nạn cướp bóc; nhân dân vui mừng hể hả, mở tiệc ăn mừng mỗi khi hơi có hội hè. Rằm tháng bảy ở Thăng Long, năm ấy, rất náo

nhật. Gia dĩ trong buổi quân Tây Sơn đóng ở trong thành tạm nghỉ, người ta còn được mục kích nhiều cuộc vui lộng lẫy chưa từng thấy tự ngày xưa. Những cuộc vui đó bắt đầu từ ngày mồng bảy tháng bảy từ cái phút đường hoàng long trọng mà Tiết chế Bình bắc tướng quân vào yết kiến vua Cảnh Hưng.

Khi quân sĩ Tây Sơn theo nhíp trống khải hoàn, tiến vào thành Thăng Long, các quan văn võ trong triều sợ bị tội bèn rủ nhau trốn cả. thậm chí xung quanh mình Cảnh Hưng hoàng đế chỉ có vài ba tên nội thị, không còn lấy ai ra mà khai trào để tiếp rước Nguyên Soái Tây Sơn.

Hữu quân Đô đốc Chính thấy tình thế như vậy, lén ngay vào tàu vua Hiến Tôn giáng chỉ xuống phủ dụ và gọi các

quan về. Được chiếu của vua họ mới lục tục kéo nhau về chịu mệnh, đến ba bốn ngày mới đủ mặt tại triều.

Bởi vậy, ra từ hôm mồng hai, mãi đến hôm mồng bảy. ượng tướng Nguyễn Huệ mới vào yết kiến Cảnh Hưng Hoàng đế.

Ngày hôm mồng bảy, trên điện Kính Thiên, lần đầu tiên trong ngót một trăm năm nay, người ta mới thấy khai đại trào. Từ năm giờ sáng, lúc còn chưa đến bình minh, các quan đã áo đai mũ mãng tể chỉnh đứng hai bên điện chờ đợi. Một vẻ im lặng tôn nghiêm phủ lên sự vật, mà không một lời nói, không một tiếng cười làm náo loạn, dẫu rằng trong một khắc một giây. Càng làm tăng vẻ uy nghi của sự tôn kính đế vương là những chiến

tượng, chiến mã, trang sức cực kỳ rực rỡ, những tàn vàng, lọng tía, cùng binh khí sáng loáng bày tua tủa trên các giá sơn son.

Đương lúc im phăng phắc, chìm đắm sự đợi chờ trong một gấm không khí buồn tẻ, bỗng đâu, một hồi trống long phượng âm âm làm náo loạn cấm điện, rồi tiếp theo ngay hồi trống, một hồi kiểng rung sang sảng gợn ra những tiếng ngân nga. Trúc tơ nhã nhạc cũng nổi dậy vang lừng tứ phía, đồn, sênh, nhị, sáo, cùng nhịp nhàng tấu khúc ‘Triều thiên’.

Các quan đều răm rắp, phủ phục xuống tung hô ‘Vạn tuế’, trong khi một hồi khánh ngọc leng keng báo hiệu đoàn nội giám đã vực vua ra ngự ở long sàng. Một viên ngự lâm quan kéo

bức rèm châu phủ trước bệ rồng, Cảnh Hưng Hoàng đế hiện ra, ngồi nghiêng trên sập Chúa, dựa lưng vào gối cẩm la. Vua mặc long bào vàng, đội mũ miện mười hai tua ngọc. Ngài se mình nên không ngồi dậy được, hóa nên không ngự ngai vàng mà nằm trên sập rồng, chỗ xưa nay vẫn để dành cho Chúa Trịnh. Hoàng thượng phân cảm tạ thượng tướng Nguyễn Huệ đã cướp lại quyền hành và tự do cho đế thất, phần rất mến tài vị anh hùng nhà Tây Sơn nên dù đương mệt, cũng gắng gượng khai đại trào cho khỏi sai lời hẹn.

Ngài vừa ngự ra chưa được nửa giờ, các thân thần, tôn thất cùng các vị công khanh mới làm lễ triều kiến vừa xong, trong khi các quan đương lặng yên túc trực cúi đầu, trên kỳ đài trước Ngọ môn bấy phát pháo lệnh nổ liên

thanh bấy lượt, rồi loa đồng đồng dục báo có quan Tiết chế, Bình bắc Thượng tướng quân Nguyễn, vào yết kiến Thánh hoàng.

Văn võ bá quan đều đứng thẳng như tượng gỗ, soi vào hốt. Nhà vua cũng giơ tay sửa lại áo long bào. Hai con voi chầu hai bên điện cũng quỳ xuống.

Một khắc mong đợi... thời gian như đứng lại, không trôi.

Hốt nhiên, những binh lính thị lập ngoài cửa điện cúi rạp cả một lượt. Rồi các quan, theo sau, đều rầm rập, nghênh mình. Cảnh Hưng Hoàng đế, cố gượng ngồi ngay lên chút đỉnh.

Từ trên đầu voi bước xuống, hiên ngang, lẫm liệt, một cái bóng vạm vỡ,

thẳng giữa hai lớp rào người trùng trùng, điệp điệp, đường đường tiến lên bệ rồng. Trên mặt khác anh hùng, một vẻ nghiêm nghị, một nét cương quyết, làm cho những kẻ liếc nhìn phải tự nhiên kính sợ.

Gần tới sập ngự, Nguyễn Huệ đứng lại, hai mắt đăm đăm nhìn Cảnh Hưng Hoàng đế, lông lánh hào quang, rồi chàng tiến lại mé án son để trước ngai, toan làm lễ.

Hoàng đế không để cho Nguyễn soái nhà Tây Sơn phải khuất thân quỳ lạy, vì Nguyễn soái mặc nhung trang không tiện bễ làm lễ, lại muốn tránh cho Nguyễn soái sự khó khăn trong khi xử trí, Ngài bèn giơ tay, tươi cười phủ dụ khách anh hùng:

– Hiền khanh miễn lễ! Trẫm trong mình đau yếu tiếc rằng không tiếp được hiền khanh cho đúng phép Hoàng gia! Hiền khanh vị trẫm, cũng nên lượng tình cho nhé! Thái tử đâu! Con khá mau thỉnh tướng quân lại an vị trên giường nào, bên cạnh trẫm!

Hoàng Tôn Duy Kỳ, vội vã lên điện cúi mời Nguyễn Huệ lại sập rồng. Huệ khiêm tốn chối từ ba lượt, mãi sau cùng mới xá Vua năm xá, vén áo bào nhũn nhận ngôi ở một góc long sàng.

Trong lúc ấy Tả, Hữu quân Đô đốc cùng lũ Trần Quang Diệu đã theo ngôi thứ tự đứng dưới thềm túc trực. Nguyễn Huệ vừa an vị xong, thái tử làm hiệu cho tấu nhã nhạc. Rồi trống long phượng cùng chuông khánh lại từng bừng nổi dậy, bách quan lại, một

lần thứ nhì phủ phục để tung hô ‘Vạn tuế và chào mừng vị quý nhân đã giúp yên xã tắc lúc chênh vênh.

Lễ yết kiến xong xuôi, Hiến Tôn Hoàng đế cầm tay Chủ soái quân Tây Sơn, ôn tồn trò chuyện, trong khi nội thị dâng trà.

– Trẫm từng nghe danh lừng lẫy của Hiến khanh, vẫn mong mỗi gặp quý nhân mà mãi tới nay mới được phỉ lòng khát vọng.

Thực là trẫm được vui vẻ không biết dường nào! Hiến khanh! Khanh thực là một nhân vật hiếm có trong đời; từ ngàn dặm không quản xa xôi đem binh tới để dẹp tan lũ loạn thần hộ trẫm, khiến ngôi trẫm đã lung lay sắp đổ, một buổi mai, lại được vững vàng.

Công đức ấy, trầm thâm khắc trong cốt tủy, mà khắp xứ Bắc Hà này, không họ nào không cảm phục Hiền khanh!

– Bệ hạ quá ngời khen ngoại thần này, thần rất lấy làm hổ thẹn. thần là một kẻ quê mùa, mọi rợ, một kẻ áo vải ở Tây Sơn, có làm nên công cán gì mà Bệ hạ hậu đãi quá như vậy? Chẳng qua sự lăng bức Đế vương mà Chúa Trịnh đã làm kia, nó là một cổ kim đại biến, đến Trời còn không dung thứ, nữa là người! ấy sự tối vô lễ ấy, thần rất lấy làm chướng mắt nên phải thuận lòng trời mà xướng lên chủ nghĩa ‘Diệt Trịnh phù Lê’. Nay may công cuộc đã yên rồi, cũng là nhờ hồng phúc và uy đức của Bệ hạ đó.

Hiền khanh thực quá khiêm tốn. Ôn sâu của Hiền khanh dẫn đến đòi

sau, trẫm còn nhớ mãi, không quên. Trẫm hiện tình không biết lấy sự gì để đáp nghĩa Hiền khanh, bởi lẽ không có một vật gì có thể bì với công đức của Hiền khanh được. Bạc vàng, tước lộc, đối với Hiền khanh thực chẳng có đặc sắc gì, Hiền khanh cũng có thừa rồi. Song le, theo tục lệ đãi thượng tân, trẫm gọi là tặng Khanh chút tước nhỏ mọn này, xin Khanh vui lòng nhận lấy, để khỏi phụ tình mến yêu của trẫm.

Vua bèn sai quan ái giám lấy bút vàng nghiên ngọc, rồi tự tay ngài thảo sắc phong Nguyễn Huệ làm Đại Nguyên soái, Uy quốc công.

Huệ đứng dậy vái tạ, nhận lấy chiếu chỉ, đoạn ngỏ lời cảm ơn vũ lộ:

– Thần đức bạc, phận mỏng, thực không đáng để Bệ hạ phải tiếp đãi trọng thể thế này! Tâu Bệ hạ, thần vì đại nghĩa tôn phù Lê triều mà phải tới đây, thực không có ý gì khác nữa. Bệ hạ có lòng rộng dung cho vết kiến Long nhan, thế cũng đã là quá lắm.

Thần có đâu dám kể công lao? Đây, những văn võ quan cùng theo thần ra dẹp lũ tặc tử lằng loàn, họ cùng nổi gót thần vào triều bái.

Bệ hạ; đây, sổ quân sĩ và dân đinh của đất Bắc, thần nhân ngày hôm nay vào lạy chào Bệ hạ để dâng lên Cửu trùng những sổ sách ấy; ngô hầu tỏ rõ giữa thanh thiên bạch nhật cái chí “tôn phù nhất thống “ của thần. Một mai công việc yên rồi, thần xin bái biệt Long nhan để trở về Thuận Hóa.

Huệ nói xong, vấy Nguyễn Hữu Chinh đem giấy má lên điện, rồi nâng các sổ quân sĩ và dân đinh quỳ xuống dâng lên cho Hiến Tôn Hoàng đế. Hiến Tôn vội vàng sai thái tử Duy Kỳ đỡ Huệ dậy, rồi vỗ vai Huệ, khóc mà nói rằng:

– Trẫm vẫn rõ biết lòng chính đính quảng đại của Hiến khanh đã lâu rồi, trẫm may được gặp khanh, thực là đại hồng phúc cho nhà Lê ta đó! Trong 16 năm nay, trẫm tuy mang tiếng làm vua, mà thực chỉ ngồi làm vì trên bệ ngọc, không được dự một tí gì vào việc đất nước của mình. Nay Hiến khanh tháo bỏ gông cùm cho trẫm chiếm lại cơ đồ của Liệt thánh, trẫm có lòng nào dám nghi kỵ Hiến khanh? Song le, nay trẫm tuổi đã già, cháu thì còn bé dại, nước nhà lại lắm nạn mà Hiến khanh không muốn giúp trẫm, nói đến chuyện về,

trăm nghĩ lấy làm lo lắng. Hiền khanh đã vì đại nghĩa tôn phù mà đến, Hiền khanh có thể ở ít lâu giúp trăm thêm chút nữa, cho an định giang sơn cho ngôi bảo tọa của Liệt thánh để lại cho trăm ngày ngày không đến nỗi lung lay như thuở trước?

Giọng nói run run của Cảnh Hưng Hoàng đế như cảm được lòng sắt đá của anh hùng. Nguyễn Huệ thấy nhà vua đem lòng thành thực đối đãi trung hậu với mình cũng không lòng nào đối lại một cách quyết liệt. Bèn nói:

– Tàu Bệ hạ! Thần chỉ phụng mệnh Hoàng huynh ra đến địa giới Thuận Hóa mà thôi. Nay vì muốn đại ý chí tôn phù mà ra tận Thăng Long, đáng lẽ không ở lâu được. Song Bệ hạ đã rủ lòng quá thương thần mà muốn khiến

thần ở lại, thần cũng không dám trái thánh ý, xin hoãn thời kỳ giã biệt đến sau này.

Một nụ cười hờn hở bỗng nở trên nét mặt nhăn nheo của vị lão quân. Ngài cảm động cầm tay Nguyễn Huệ:

– Trẫm còn có nhờ này muốn nói, chẳng hay Hiền khanh có chịu nghe chăng?

– Xin bệ hạ cứ truyền chỉ; hễ việc nào sức thần có thể đương được, không khi nào thần dám từ nan.

– Trẫm không nhờ Hiền khanh việc gì cả! Chỉ có một vấn đề tâm sự muốn cùng khanh giải quyết mà thôi. Hiền khanh! Nay trẫm đã đúng bảy tuần rồi, chả còn sống được bao ngày nữa. Nhà trẫm kiếm bạc, không có bảo vật nào

đáng giá để kính tặng Hiền khanh, phải gọi là theo lễ cổ biểu khanh một tước danh nhỏ mọn, tạm để tỏ bụng chân thành của trăm đó mà thôi.

Trăm nghe Hiền khanh nhận nhời nán lại ít lâu trăm rất đẹp ý. Nhưng sợ sau này, Hiền khanh lại trở về Nam, thái tử thì còn non nớt, việc chính sự hệ trọng không còn biết cậy vào ai. Có lẽ nào cơ đồ nhờ Hiền khanh lấy giúp lại cho, mà một sớm để tan tành như thuở trước?

Ngoài Bắc thành này, nhân tài xuất chúng như Hiền khanh không có mặt nào đương nổi việc định quốc. Phi Khanh ra, không còn ai giúp trăm giữ yên được mãi cơ đồ. Vậy trăm muốn cùng Khanh được kết dây thân ái về mai hậu, chả hay Khanh có thuận tình?

Hai mắt đen sắc của anh hùng bấy giờ như mờ ám trông vào quầng không gian vô định. Hiễn Tôn vẫn run run thủ thỉ nốt lời:

– Trẫm có sáu vị công chúa. Trong sáu ngôi, không ngôi nào đáng nâng khăn sửa túi cho Hiễn khanh, chỉ có công chúa Ngọc Hân¹⁰ là đáng mặt làm nội trợ cho kẻ hào kiệt lỗi lạc như khanh đó. Ngọc Hân đủ mọi vẻ nét na thuần thực, lại tài hoa nhan sắc hơn người. Gả nó cho khanh, trẫm thực có chết cũng không hối hận gì nữa. Hiễn khanh! Khanh nghĩ thế nào? Chẳng hay dưới gối Khanh đã có ai hầu hạ chưa?

10 Lê Ngọc Hân (chữ Hán: 黎玉昕, 1770-1799), còn gọi Công chúa Ngọc Hân hay Bắc cung Hoàng hậu, là một nhân vật lịch sử nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời thế kỉ 18. Bà là công chúa nhà Hậu Lê, sau trở thành thứ hậu nhà Tây Sơn với tư cách là vợ thứ của Quang Trung hoàng đế Nguyễn Huệ – một nhân vật quân sự nổi tiếng.

Nguyễn Huệ lim dim đôi mắt. Chàng nửa mừng, nửa ngại, nửa băn khoăn, không biết đáp thế nào. Chàng tự thấy cảm động vì lòng chân thành tử tế của Hiền Tôn, cũng toan ừ phất ngay một tiếng để chiều ý vì lão quân đã có lòng yêu mến mình một cách sốt sắng. Song chàng lại sợ về nỗi bận rộn trong khi hành binh, sợ mang tiếng là một kẻ không chí khí.

Hiền Tôn như rõ biết tâm lý chàng, vội rút trong tay áo một bức chân dung, tươi cười đưa cho Huệ:

– Đây là tiểu tượng Ngọc Hân đó. Hiền khanh thử nhìn qua xem cho biết mặt vị hôn thê.

Đức Vua nói xong vui cười hớn hở. Thượng tướng quân Nguyễn Huệ hai

tay nâng đỡ lấy ảnh công chúa, ngắm nhìn hồi lâu, tâm thần như say đắm... Ôi! Giai nhân! Con người đâu có dung nhan kiều diễm thế này, hay bức ảnh vẽ tôn lên để mê hoặc lòng người ngắm? Nếu quả Ngọc Hân công chúa đẹp một vẻ thần tiên dường ấy, thì dù cở cả công danh sự nghiệp, Huệ cũng cam đổi lấy để phỉ nguyên! Dưới lớp khăn vành dây, một khuôn mặt trái xoan làm tăng vẻ khuynh thành của đôi mắt bồ câu tinh anh sắc sảo đẹp một vẻ đẹp phúc hậu, nhu mì, đôi mắt say sưa mà thùy mị, mơ màng dưới đôi mày lá liễu xinh thậm là xinh; rồi đến một cái trán sáng của thông minh hiện dưới làn tóc mượt đen rể thành một đường ngôi lịch sự; rồi đến hai cái tai, ôi! Xiết bao đều đặn, một cái mũi thẳng đuột và ngay ngắn trên làm môi son không dày không

mỏng tỏa ra một nụ cười óng ả, thực có duyên, nhưng không hề tí chút lẳng lơ nào...

Cái diện mạo ấy lại là của một hình hài yếu điệu, tha thướt, giấu dưới làn áo cẩm bào dài rộng, dưới nếp xiêm lĩnh xuề xòa, chỉ để lộ ra hai bàn tay nhỏ nhắn, mà dài: một tay mỹ nhân tài tử. Xem qua bức chân dung phác họa ấy, cũng đủ biết Ngọc Hân là một vì công chúa thiên kim. Gia dĩ từ thuở chưa đạp chân lên đất Bắc Hà, Huệ đã nghe Hữu quân Đô đốc, nhiều phen, tán tụng về vẻ đẹp độc nhất vô song của thiếu nữ mà giờ đây, một nhời của chàng sẽ cho chàng được phép làm chủ cả đời, mãi mãi...

Giấu kín vẻ xúc động của con tâm, Huệ vẫy Hữu Chinh lên thêm, trở

Chỉnh tàu cùng Hiễn Tôn Hoàng đế:

– Tàu Bệ hạ! Quan Hữu quân Đô đốc Chỉnh ngày xưa đã theo Huy quận công ăn lộc của triều đình Bệ hạ, ngày nay ắt hẳn hết lòng giúp nhà vua giữ vững sơn hà. Chỉnh cũng là người có tài không kém gì thần, thiết tưởng y sẽ là một tay an bang định quốc cho Lê Triều ta đó.

Hiễn Tôn nghe nói, tưởng Huệ có ý chối từ, nét mặt đương phớn phở bỗng trở lại buồn rầu. Ngài nặng nề ngả đầu xuống gối:

– Trẫm có hỏi đâu Hiễn khanh việc an bang, định quốc, chỉ cầu khanh cho biết một nhời rằng khanh có vui lòng cùng Ngọc Hân gá nghĩa hay không?

Hiếu rõ chuyện tâm sự của vua Lê, Hữu Chinh sẵn khoa lém lĩnh tinh ranh, vội đỡ lời Nguyễn Huệ:

– Tàu Bệ hạ, Bệ hạ đã rũ lòng thương, lấy tình thành thực đối với Thượng công của kẻ tiện thân này, chắc Thượng công của thần cũng không nỡ nào lấy lòng giả dối tạ lại Bệ hạ. Vả chẳng, Ngọc Hân công chúa là một vì kim chi ngọc điệp, gồm đủ cả sắc lẫn tài, trên trần này thực chưa có giai nhân nào sánh kịp. Nay đem gả cho một trang anh hùng như Nguyên soái, thì thực đẹp đôi loan phụng, còn ai cần nhắc đúng hơn? Nguyên soái của hạ thần vừa đúng dịp, lại chưa có tể gia nội tướng...

Chinh nói xong, quay lại nhìn Nguyễn Huệ:

– Bẩm Thượng công! Thánh hoàng đã giáng chỉ ban cho Thượng công cái đặc ân ấy, tiểu tướng trộm phép khu-yên Thượng công chớ khá nề hà. Xin bề trên cứ nhận lời. Nếu sau này tài sắc công chúa không đủ hài lòng đẹp ý Thượng công, bao nhiêu trách nhiệm Chính này xin chịu cả!

Nguyễn Huệ trong lòng đã chứa chan tình cảm, nhưng mặt ngoài còn làm ra bộ khiêm tốn, chữa vâng lời.

– Thần đức mỏng, phúc bạc, không biết có đáng sánh vai cùng công chúa hay không! Bệ hạ đã rộng lượng cho thần được dự vào hàng phò mã Đông sàng, thần đâu dám không tuân theo Thánh ý. Nhưng xin cho thần được phép một vài giờ suy nghĩ, có thể nào, sáng mai, Hữu quân Đô đốc đây sẽ vào

tâu Bệ hạ rõ. Xin Thánh thượng rộng xét. Thôi! Hôm nay triều bái Bệ hạ đã lâu rồi, làm cho Thánh thể đã vi hòa càng thêm mỏi mệt. Xin rước Thánh giá vào cung tĩnh dưỡng; thần tạm xin lui về nơi quân lữ, bất nhật thần sẽ vào chầu...

Cảnh Hưng Hoàng đế cầm tay Huệ ngân ngữ không muốn rời ra. Vua tôi lưu luyến mãi. Khi Nguyễn Huệ bái từ về phủ, vua cha râu rầu nét mặt, ứa lệ phán rằng:

– Hiền khanh những lúc thanh nhàn chớ nên bỏ trăm một mình, mà cũng đừng nên phụ tình trăm quý thương khanh nhé!

Nguyễn Huệ bước xuống thêm về phủ, mà Hiền Tôn còn chống nạnh

nhìn theo. Ngài sai bách quan tiễn vị anh hùng ra quá Ngọ môn, rồi truyền giống trống bãi châu.

Ngày hôm sau, Nguyễn Hữu Chỉnh vào nội cung tâu vua rằng Nguyên soái đang sắm sửa trang hoàng Súc phủ để đợi ngày làm hôn lễ. Lại xin Vua quyết định ngày nào cho công chúa lên kiệu hoa xuất giá.

Bởi thế, ngày tốt lành là ngày mười một tháng bảy, vừa mới tan khói lửa, dân thành Thăng Long đã được xem một đám cưới rất linh đình, một cảnh tượng rực rỡ đệ nhất trong lịch sử: cuộc nghinh hôn Ngọc Hân công chúa đẹp duyên cùng đấng anh hùng danh tiếng nhất nước Nam: Nguyễn Huệ.

CHƯƠNG 5

 TỪ NGÀY MÙNG HAI THÁNG BẢY cho tới ngày 17 tháng tám, trong một tháng rưỡi trời đội quân Tây Sơn ở lại Bắc Hà để giúp cho nhà Lê vững ngôi bảo tộ, Quan Tiết chế lấy Trịnh phủ làm phủ Nguyên súy; còn các tướng sĩ theo ngài ra diệt Trịnh, thì chia nhau, mỗi người chiếm một cơ sở, đóng binh.

Trong khoảng 45 ngày mà quân

sĩ Tây Sơn đóng đại doanh ở đất Bắc, thiên hạ được mục kích không biết bao nhiêu là cảnh long trọng rực rỡ, vui cũng như buồn.

Thoạt đầu tiên, một cuộc diễn binh lộng lẫy, xong, đến đám ma Chúa Trịnh cử theo vương lễ, đám cưới Ngọc Hân công chúa lấy Uy quốc công, rồi sau này, đám tang Hoàng đế Cảnh Hưng cùng cuộc chào đón vua ái Đức khi ngài đem quân ra xứ Bắc. Năm cảnh trọng thể, hùng tráng, bi ai hay vui vẻ đó nối tiếp nhau, cứ cách vài ngày lại có. ầu ra rầm tháng bảy năm Bính Ngọ ấy, vì sẵn có mấy cuộc tế lễ linh đình cùng cuộc tiếp rước uy nghi xảy ra từ trước, cũng hóa ra náo nhiệt vô cùng.

Trong khắp thành Thăng Long, không nhà nào không đèn hương tế lễ,

làm chay, đốt mã, kỷ niệm ngày xá tội vong nhân. Giữa sân chùa Pháp hoa, ở phía Đông Nam, các vị hoà thượng thiết đàn tràng rất to và tụng niệm cho chúng sinh được siêu sinh tịnh độ.

Mập mờ bóng đèn chen bóng tối, lúc bây giờ đã gần tới canh hai. iên hạ nô nức đến văn chùa nhân tiện xem các sư ông chạy đàn và phá ngục.

Ngày hôm ấy trong các chùa làm chay to lắm, nào vàng hồ, nào áo giấy, nào cháo, nào bỏng, nào hương hoa lễ vật, nào đèn nến oản xôi, không biết bao nhiêu thứ bày la liệt khắp nhà Tam bảo, trên Phật điện, có khi đến cả sân chùa. ôi thôi, chỗ nào cũng xì xà xì xụp, chỗ nào cũng đốt mã cho vong nhân.

Sau một cuộc chinh chiến điêu linh, không nhà nào không có tang, không nhà nào không khóc con, khóc chồng, khóc anh, khóc em, khóc chú, khóc cháu, khóc những kẻ khốn nạn mà vì việc quân thú, một sớm kia đã vong mệnh chốn sa trường. Các nhà sư giấu lòng bác ái đều cầu nguyện cho những hồn oan tử sĩ, được siêu thăng tịnh cảnh.

Bởi lẽ ấy, ngày rằm tháng bảy năm Bính Ngọ, ngoài Bắc Hà nhộn nhịp vô cùng. Chỗ nào cũng làm lễ cúng vong nhân, nhưng không đâu thiếp lập tuần chay to hơn chùa Pháp Hoa ở về phía Đông Nam cả.

Trong chùa, đèn nến thấp sáng trưng như ban ngày, khói hương toả xanh rờn cả một vùng không khí.

Cảnh thập điện hiện ra trên mặt một cái nhà mã làm rất con phu tử mĩ, xung quanh có bày các hình nhân, ngựa voi tàn quạt, bằng giấy cả. Một lát nữa, hòa thượng trong chùa sẽ cầm thiền trượng đi vòng quanh cái nhà mã ấy, vừa tụng kinh Địa Tạng vừa phá ngục, cứu cho các vong hồn được giải thoát ra ngoài. Khắp sân chùa cũng chật như nêm cối, rào mất cả đường đi của mấy sư ông, sư bác, luống cuống ra vào như bận rộn lắm, tiếp chỗ này, sửa chỗ kia, tất ta tất tưởi, nét mặt vui hơn là buồn.

Các binh tướng nhân cơ hội có tuần chay náo nhiệt, rủ nhau từng đàn, từng lũ đến các chùa xem tế lễ, và đi lòng con gái lương dân. Trước cửa chùa Pháp Hoa, hai viên võ quan cầm tay nhau đi đi lại lại, tìm những chỗ bóng tối đứng đàm luận sự gì bí mật, hình như bàn

về những vấn đề quan trọng của quốc gia. Hai viên võ quan ấy trông khôi ngô tuấn kiệt, tuổi độ vào khoảng hai mươi. Cùng mặc đồ nhung phục miền Nam, nghĩa là theo cách ăn vận của quân Tây Sơn, không giống lối nai nịt người Bắc. Lại gần, trông kỹ, ta sẽ thấy trong hai thiếu niên võ tướng, một người mặt vuông, trán gồ, lông mày rậm, mắt sáng, môi mỏng và mồm rộng, trông uy nghi lẫm liệt, rõ ràng ra vẻ con nòi. Không những thế, người đó còn lưng to, vai rộng, cười nói sang sảng, đi đứng hùng dũng, bề ngoài đủ mọi nét tỏ rằng chàng khí khái, ngang tàng. Người thứ nhì, nhìn bộ điệu và hình dung lại khác hẳn người vừa mới tả. Anh chàng này hình dáng bé nhỏ, mảnh dẻ, ăn nói thì nhũ nhủ mà đi đứng lại có bề yếu điệu, nhu mì. Đến khi trông rõ mặt, ai chả

bảo là một thư sinh bạc nhược: Lông mày lá liễu kẻ vàng trên đôi mắt bồ câu dài nhỏ, đen lay láy; một chiếc mũi dọc dừa xinh xắn trên đôi môi đỏ chói như son; hai hàm răng trắng nuốt như ngà, một khuôn mặt trái xoan đều đặn mà làn da trắng bóc, hơi điểm hồng hai bên gò má, càng làm cho tươi tắn, mỹ miều.

Hai trang anh tuấn thiếu niên kia, tựa như một đôi bạn chí thân chí thiết; họ cầm tay nhau chán thì bá cổ vịn vào nhau đi bách bộ trước chùa. Vừa đi vừa cười nói vui vẻ, to nhỏ cùng nhau những sự gì không rõ. Đến khi trống điểm sang canh, cả đôi cùng dắt nhau theo một đường hẻm lẩn về dinh quan Đô đốc.

Rồi đêm nào cũng thế, hai viên tiểu tướng lại dìu nhau đi trò chuyện trước cửa chùa Pháp Hoa. Mãi đến tối ngày 18 tháng 8 giữa tiết Trung u, thì mới không thấy bóng dáng hai chàng đó nữa.

Nhưng đêm hôm mười bảy, cũng vào khoảng trống canh hai, những du khách tình cờ đi lại bên chùa Pháp Hoa, vẫn được mục kích họ bá cổ nhau, ngồi bàn luận trên tảng đá.

Người mặt vuông to lớn bảo người mặt trái xoan mảnh khảnh rằng:

– Nay đã quá tiết Trung thu, mà quân ta vẫn không thấy nhổ trại trở về Thuận Hóa. Không biết bao giờ quan Nguyên soái mới truyền lệnh xuống? Phụ thân tôi càng ở ngày nào, càng bị

tân khách quấy nhiễu ngày ấy, thực là
tổn công tổn của mà chung qui chẳng
có ích lợi gì!

Người mảnh dẻ khe khẽ gật đầu,
không đáp. Mặt chàng mơ mộng nhìn
quãng tối vắng thăm thẳm, hình như
đang mải mê nghĩ ngợi sự gì. Bỗng
chàng mở miệng, muốn nói, rồi lại
ngập ngừng không nói nữa. Người to
lớn không trông thấy vẻ ngần ngại
ấy. Mãi hồi lâu, vụt một cái người bé
nhỏ đứng phắt dậy, vỗ vai bạn:

– Anh ạ, em có một lời quan trọng,
muốn nói anh rõ. Nhưng... khó xử quá!
Em nghĩ đà nát óc, chẳng ra kế gì. Chỉ
còn cách chúng ta phải tạm biệt nhau
là hơn cả, song le, biết bao giờ ta mới
được trùng phùng?

– Có chuyện gì, em cứ nói. Dẫu phải chết vì nhau, anh cũng không lấy làm ngại. Lời thề xưa dưới bóng trăng còn đó, có lẽ em quên mất rồi sao?

– Không, quên thì chả khi nào quên được; chuyện này tuy đối với ta không có gì nguy đến mạng, nhưng muốn cho toàn vẹn, ắt ta phải tìm ngay một phương thoát thân cho gọn gàng! Mà làm thế nào cho bố mẹ chúng ta đừng vì thế uống mất thanh danh của nhà võ tướng!

– Em nói phải, nhưng mà... câu chuyện này nó quan trọng thế nào? Anh nóng ruột quá, chỉ muốn nghe ngay cho rõ.

– Anh đừng vội. Chỗ này không phải là chỗ có thể giải bày tâm sự được.

Anh nên theo em ra đây, em sẽ kể anh hiểu.

Người bé nhỏ nói xong, dắt người to lớn đi qua mấy con đường hẻm, ra tới một cánh đồng bát ngát vắng tanh. Hai người cùng ngồi xuống bên bờ ruộng lúa.

* * *

Hữu quân Đô đốc Nguyễn Hữu Chinh, mặc dầu đã hết sức làm đẹp lòng Uy quốc Công Nguyễn Huệ – nào khuyên Huệ ra diệt Trịnh, nào tận tụy săn sóc đến đám cưới công chúa Ngọc Hân – hình như khó thu được bụng ông chủ soái Tây Sơn, mà vẫn bị Huệ ghét cay ghét đắng. Chỉ tại tính Chinh không đường đường quân tử, chàng đã

hay ô mị còn tham lam, giảo quyệt, kh-
iến lòng cương trực Uy quốc công khó
nổi bao dung. thì vừa mới hôm nào còn
ở Thuận Hóa, nửa bốn, nửa thật, Huệ
đã làm cho Chỉnh phải kinh hồn.

– Ấy, ai thì không ngại, duy chỉ ngại
có ông đó thôi!

Lại đến hôm Huệ lên châu đức Hiến
Tôn, Huệ tâu vua để một mình Chỉnh ở
lại Bắc Hà, giúp nhà Lê đương thiếu kẻ
hiền thần định quốc. Huệ trong lòng
vẫn muốn trừ Chỉnh, nhưng vì công
việc còn nhiều bề bộn nên phải dằn
lòng dùng đến tài Chỉnh ít lâu. Huệ
không bao giờ không rõ Chỉnh là người
lỗi lạc, song không muốn cùng Chỉnh
cộng sự là bởi sợ một mai, kẻ gian giảo
kia sẽ có cơ làm hại đến mình.

Ghét Hữu Chỉnh, không những chỉ một mình Nguyễn Huệ.

Vốn sẵn tài hùng biện, Chỉnh là một tay nói khoác và tự phụ ít ai bì. Cho nên chàng bị vạ miệng, không cách nào tránh được. Hồi vừa vào Bình Định, được vua Thái Đức yêu phong làm tướng, Chỉnh có ý kinh tài Phò mã con rể vua Tây Sơn, Võ Văn Nhậm, bởi có ấy, không bằng lòng Chỉnh. Nhậm là người Quảng, xuất thân là một tay cung, rồi dần dần lên đến hàng tướng, không có chữ nghĩa, đến khi được kén làm Phò mã, Nhậm lên mặt khinh bỉ Chỉnh là một kẻ đầu hàng. Trái lại, Chỉnh tự ý mình là một văn tài xuất thế, một thủy sư có tiếng vang lừng, một võ quan sinh trưởng trong một danh gia vọng tộc, nên khinh Nhậm là người vô học đặc thời lĩnh tước công

khánh. Chỉnh, trước mặt Nhậm, nhiều khi mĩa mai ngâm mấy câu thơ của Đặng Dung truyền lại:

“Trời lai đồ điều thành công dị”...

Bởi mấy lẽ ấy, tuy cùng đồng triều, đồng sự, hai quan Đô đốc ghét nhau như hai kẻ cựu thù. Hai nhà không bao giờ đi lại với nhau; dầu có tết nhất, giỗ cưới cũng không biếu tặng nhau một chút quà nhỏ mọn.

Kịp khi cả hai cùng ra đến Bắc thành, sự hiềm khích đã chất chứa trong hai tâm hồn, vì những lẽ rất ngẫu nhiên, càng ngày càng tăng mãi. Tình cờ dun dủi cho Tả quân và Hữu quân cùng ở chung một phủ. Nhậm giữ chái bên Đông. Chỉnh ở mé bên Tây. Tuy cùng ở một nhà, hai quan Đô đốc không

bao giờ ghé tạt vào thăm hỏi nhau, trừ khi cùng hội diện trong sù y phủ.

Hữu quân Chỉnh thuở xưa vốn làm tướng thờ nhà Lê, ông đã theo quan Hiệp đồng Hoàng ngũ Phúc và Huy quận công Hoàng Đình Bảo. Bởi vậy, lần này ra tới Thăng Long, thân bằng cố hữu kéo lại chào mừng rất đông, tiếp đãi từ sớm đến chiều mà không ngớt. Trước cửa dinh Đô đốc, không ngày nào không dập dìu những xe cùng ngựa; người lui kẻ tới tấp nập như hội chợ; vương tôn quý khách ra vào chẳng thiếu mặt nào.

Chỉnh trước đã ở lâu đất Bắc nên nói tiếng Thăng Long thành thạo, chỉ hơi lơ lớ đá một vài tiếng Nghệ mà thôi. Quan khách đều ngỡ Chỉnh là người bản xứ. Vả chẳng, Hữu quân sẵn tài

cao đàm hùng biện, tiếp đãi tân khách rất niềm nở lịch sự, hóa nên càng ngày thiên hạ kéo tới càng đông. Có lẽ bao nhiêu quý quan, bao nhiêu danh tướng, bao nhiêu đại gia, có ở trong thành Thăng Long không ai không đến tiếp kiến Chính để nghe giảng thuyết và lý luận.

Nhưng, phủ Đô đốc tuy nhiều khách khứa, mà bên chái đông, tuyệt nhiên chẳng có bóng ma nào. Đến chơi một vị ư? Vị ấy đi rẽ sang chái tây, nhìn về phía đông một cách hững hờ lãnh đạm. Cái đó không lấy gì làm lạ. Tả quân Võ Văn Nhậm nguyên là người Quảng ra đến Bắc Hà xa lạ không có ai đi lại quen thân. Nhậm đã nói tiếng trọt trẹ khó nghe, lại không có học thức gì, tiếp khách buồn như chấu cấn. Ngoài sự mời trà, mời thuốc, Nhậm chỉ biết

bàn những chuyện thông thường, hoặc giả một vài môn võ, còn ngoài ra, chả biết câu gì, chỉ ngồi ngẩn mặt vuốt râu, há mồm nghe diễn giải những ý tưởng cao siêu thâm thúy.

Bởi thế, ngoài một vài võ tướng đến thăm Tả quân, không còn ai vào dinh Đô đốc mà đi sang viện phía đông hết cả.

Hai cha con, Nguyễn Hữu Chỉnh và Nguyễn Anh Tể cả ngày phải cặm cùi tiếp rước tân khách; cha đi vắng vào châu trong phủ sếp thì con ở nhà phải đưa đón thay cha. Chả bì với hai cha con Võ Văn Nhậm lúc nào cũng rồi rãi an nhàn; Quận chúa An Trinh thì luôn luôn cải trang đi du ngoạn khắp phố phường trong khi Phò mã ở nhà đánh chén hay đánh giấc.

Thỉnh thoảng cuốn rèm nhìn ra cổng chính, Phò mã lại buồn rầu tức bực thấy bên mái tây nô nức những người, khiến vẻ tẻ lạnh của toà dinh cơ phía đông càng thêm rõ rệt. Tựa hồ trong phủ Đô đốc, chỉ mé bên kia có người ở; còn bên này thì rêu phủ cỏ phong, chả ai đoái hoài trông đến, coi như một chỗ bỏ hoang. Mình cũng đường đường một quan đô đốc, nào có kém gì kẻ kia, cứ sao lại có sự chênh lệch quá thiên như vậy?

Nếu sự chênh lệch ấy chỉ thoảng qua một hai ngày, có lẽ Nhậm cũng không để ý. Nhưng đằng đẳng hơn một tháng trời, mà ngày nào cũng phải gượng gạo nhai nuốt sự bất công, Nhậm không thể nào chịu nổi. Mình đây ngang hàng với nó, vì lẽ gì thiên hạ lại về hòa với nó mà rẻ rúng mình? Đây một lòng hổ

thẹn, tức bực, ghen ghét, Nhậm càng nuôi một mối tử thù đối với Chính.

Chính xưa nay vốn là người khéo xử, thấy tình hình như vậy, biết ngay thế nào Nhậm cũng bẽ mặt với quan lại xứ Bắc Hà; ông bèn sai con trai cả là công tử Anh Tề cùng một đội gia nhân đứng ở Chính môn, hễ có khách thì đón một nửa sang trái đông để vào thăm hỏi Nhậm. Lần đầu tiên, một vài người làm tướng Hữu Đô đốc cho đón vào, đi sang mé đông vào tiếp Phò mã Nhậm. Nhưng thấy Nhậm ăn nói rầm rẫn, đã không lịch sự lại có nhiều tự đắc, lần sau họ không để bị mắc mưu. Mặc dầu Anh Tề mời mọc lôi kéo họ sang trái bên đông, họ cứ tìm cách đi cả sang tòa lầu Chính ở. Người nào cũng thế, không ai bảo ai, mà đều tránh mặt Nhậm, không muốn phải chịu nổi bực

dọc ngồi nói chuyện với Tả quân. Một là tiếng phương Nam lơ lơ khó nghe, hai là Tả quân, thấy khách Cảnh Hưng không vào chơi nhà mình, thì đâm ra ghét khách; hễ có ông nào vô phúc lò dò mò đến là thế nào cũng bị Nhậm ban cho những câu lỗ mãng tục tằn. Gặp được người nào, Nhậm trút cả trên mặt người ấy những nỗi căm tức bấy lâu vẫn lèn trong đáy dạ. Rồi ngày lại ngày, mỗi căm tức ấy bởi không tiêu đi được, hóa ngay thành mối đại thù đối với cha con Nguyễn Hữu Quân.

Cha con Chỉnh tưởng đón rước hộ khách vào nhà Nhậm ắt làm cho Nhậm vui lòng; ngờ đâu, trái lại, Nhậm đã không cảm ơn còn đâm ra oán giận. Nhậm tưởng lầm Chỉnh có ý điều cốt mình nên làm thế để mình hổ thẹn; lòng ghen tuông đố kỵ của Nhậm càng

thêm sôi nổi, khiến sau này, vì những câu chuyện nhỏ nhặt không đâu ấy, vì sự hiểu lầm nhau ấy, biết bao tấn bi kịch xen vào gia đình họ Võ và họ Nguyễn, phá tan hạnh phúc của cả đôi, rồi khiến cả đôi cùng bị giết một cách thảm thương, khốc liệt.

Thế mới biết đối những kẻ đầy lòng Trịnh Tùng tiểu, hay ghen ghét, hay thù vặt, sự nghiệp không bao giờ được vĩnh viễn vẹn toàn.

Mỗi hiểm khích mà ngẫu nhĩ, không chú ý, Nguyễn Hữu Chỉnh đã gây cho Võ Văn Nhậm, mối thù ấy, dựa vào lắm việc nhỏ nhen, vô lý, càng ngày càng bành trướng dần dần. Nó thông thả, âm ỷ chiếm tâm hồn Nhậm, nung nấu tâm hồn ấy, rồi một ngày kia, biến hẳn thành một ý nghĩ duy nhất trong

óc Nhậm, ngày đêm cắn rứt Nhậm, bắt Nhậm phải luôn luôn hoài bão nổi căm hờn.

Mà giữa lúc Tả quân Đô đốc tâm tâm niệm niệm xây đắp trong tư tưởng những phương pháp báo thù cừu địch một cách hiểm độc sâu cay, giữa lúc ấy ông Hóa công tinh nghịch đã mưu sẵn một trò đùa ác nghiệt, tựa hồ muốn dùng trò đùa ấy để mai mỉa Chỉnh và Nhậm, dạy cho hai kẻ tiểu nhân một bài thí nghiệm đau đớn, cho bõ ghét thói ghen hờn.

Thần Ái tình đã lướt qua, điểm một nét êm ái dịu dàng trên vẻ tối đen của sự oán thù đê hạ. Đây một lòng căm giận, Võ Văn Nhậm nào có hay đứa con gái bấy lâu nay một niềm yêu dấu, đứa con vô nghi vô phúc ấy, nó đã cùng con trai

Nguyễn Hữu Chinh, thể sắt son sinh tử
những bao giờ...!

CHƯƠNG 6

THÀNH QUI NHƠN NĂM GIÁP THÌN (1784).

Tiết Trung thu năm ấy, dân trong thành, được buổi trăng rằm rạng tỏ, mua vui mở một cuộc rước đèn múa sư tử từng bùng. Đám rước, đi đến đâu, khua chiêng trống mã la inh ỏi; nhà nào có treo giải thì cho gọi đám sư tử vào giỡn cầu trước cửa cho vui.

Về phía nam trong thành, trước

cửa dinh quan Tiết chế, có hai đám rước, vì cùng tranh đua nhau một giải thưởng đặc biệt, đâm ra gây lộn lẫn nhau. Kết cuộc là một sự ẩu đả mịt mù tụi bụi, người la trẻ khóc vang lừng. Giữa lớp sóng người tấp nập đi xem, bỗng đâu nhảy xổ ra một thiếu niên hùng dũng, chen vào đám rước can những tay loạn đã ngông cuồng. Can mãi không được chàng tức giận, múa quyền thưởng cho mấy kẻ ngang ngạnh một bài thí nghiệm rõ rệt về sự hay cấu xé lẫn nhau. Quyền chàng xông vào đến đâu, lũ người đương hăm hở đâm đá đều giãn ra đến đấy; sau cùng, bao nhiêu tay hung hãn phải ngừng cả lại, đứng nhìn người tuổi trẻ nhảy múa; chúng càng ngắm kỹ, càng đâm ra kính phục hãi hùng. Thì ra anh chàng vào can đó có một môn quyền tuyệt diệu;

nào khi lui, khi tới, nào lúc đá, lúc dấm, chàng hoành hành một cách rất ngoạn mục, biến hóa diệu bộ không biết đầu mà lường. Tuy chàng hăng hái tiến thẳng vào đám đông, như muốn đánh cho bọn vô lại một trận đòn nhừ tử, kỳ thực chàng chẳng để ai đến nỗi bị thương cả, chỉ cốt làm cho mấy tên đầu sỏ hoa mắt lên vì ngón võ chàng diễn, ngõ hầu chúng dừng tay lại, không đánh nhau kịch liệt nữa. ành thử chỉ trong một thời khắc nhỏ, hai đám rước bỏ cuộc xung đột; những kẻ rước đèn và những khách đi xem đều giãn lui ra hết, nhường chỗ cho thiếu niên tráng sĩ trở tài.

Tráng sĩ thấy sự can thiệp của mình đã có hiệu quả, vừa muốn lui vào đám đông để lẩn tránh ra về, thì thành linh như một tia chớp, một người bé nhỏ,

mảnh khảnh nhảy vọt đến trước mặt chàng vừa vươn tay đánh, vừa la lớn:

– Ông đã phô tài, ta thử chơi nhau một keo!

Tráng sĩ hết sức ngạc nhiên, song cũng định thần né mình sang một bên, lấy thế thủ, rồi chẳng nói chẳng rằng xông vào đánh người bé nhỏ. Hai bên vờn nhau như rồng tuôn, phượng múa; người ngoài xem chỉ thấy chân tay vùn vụt như gió đập, quần áo phấp phới như hoa bay, tịnh nhiên không biết ai thua, ai được. Công chúng đứng chờ ra ngắm nghĩa, lại reo hò vỗ tay trợ lực cả đôi bên. Hai người ganh sức nhau một lúc lâu, chẳng biết đến bao nhiêu hiệp; mãi sau cùng, tráng sĩ thứ nhất mới dùng kế lùi ra ngoài, tránh cái đá song phi của bên địch. Anh chàng bé nhỏ đá

hụt, bị tráng sĩ nằm rạp xuống ngáng chân, làm cho ngã sóng xoài trên mặt đất.

Thiên hạ vui mắt, cười la rầm rĩ, khua chuông gõ trống om xòm. Khi tráng sĩ nhún mình trỗi dậy, thì không thấy bóng người bé nhỏ đâu nữa; người ấy hổ thẹn đã phi thân trốn đi tự lúc nào rồi. Tráng sĩ đành rẽ đám đông lui ra về, vừa đi vừa nói một mình, vừa tắc lưỡi:

– Thực là một tay đối thủ!

Tay đối thủ ấy, nào có phải ai xa lạ: chính là con quan phò mã, rể vua Tây Sơn, Hổ oai tướng quân Võ Văn Nhậm đó! Mà người tráng sĩ xông vào can đám rước tình cờ đã muốn cho là con trưởng Phiêu Kỵ tướng quân Nguyễn

Hữu Chinh: Công tử Nguyễn Anh Tề. Công tử Nguyễn Anh Tề mới theo cha vào ở Qui Nhơn, thành ra đấu võ với con Hồ oai tướng quân mà chẳng biết tên biết mặt!

Mãi sau này, gặp gỡ nhau trong một trường hợp lạ lùng ngẫu nhĩ, cậu Anh Tề mới được biết con quan Phò mã là một nàng quận chúa ngàn vàng. Một buổi chiều, trời êm ả, ngồi họa đàn thổi sáo trước cửa dinh cùng vài người bạn, công tử thấy đi vào phủ Phò mã một trang thiếu niên anh tuấn, sau lưng có đến năm sáu tên thị nữ theo hầu. Ngạc nhiên hỏi bạn, Anh Tề mới rõ thiếu niên anh tuấn kia, chính là một giai nhân giả dạng: Võ An Trinh quận chúa, con gái Phò mã Võ Văn Nhậm, cháu ngoại yêu của Thái Đức hoàng đế, cháu quan Tiết chế Nguyễn Lữ cùng Long

những tướng quân Nguyễn Huệ, một trang anh thư tài sắc vẹn toàn.

Quận chúa vốn con nhà võ tướng, thân mẫu nàng, Thọ Huệ công chúa, cũng là tay nữ kiệt trong nghề cung binh đao. Mười lăm tuổi đã sành khoa phi ngựa, múa gươm; Võ Phò mã vì thế đón một ông giáo sư Tàu có danh tiếng sang dạy nàng những ngón quyền đặc biệt, và thập bát môn võ nghệ cho tinh tường. Nàng bình sinh chỉ ưa ăn mặc giả trai, ưa thi quyền với nam nhi hào kiệt. Lại thường sử một đôi kim giản, múa đôi roi ấy như tuyết rủ, hoa bay. Thực là một mỹ nhân kỳ dị.

Nghe bạn kể rõ lai lịch của An Trinh quận chúa, công tử Anh Tế mới nhớ rằng chàng đã cùng nàng, hôm rằm tháng tám, ganh đua hơn kém với

nhau. Từ đó, chàng càng để tâm đến quận chúa. Dinh Phò mã cách dinh Phiên Kỵ tướng quân chỉ có một con đường, hóa nên những dịp Anh Tề được gặp An Trinh cũng không hiếm. Nhân đã từng biết nhau trong khi thí võ cả đôi bên chả mấy chốc quen nhau, rồi mến nhau vì sắc vì tài. Từ chỗ mến đến chỗ yêu mê khăng khít, nó chỉ xa nhau bằng một khoảng cón con. Lạ gì những trai gái cùng loài tình chủng, ái tình chả tốn chút công nào cũng có thể len lỏi rất mau chóng vào đôi con tâm còn non nớt, bắt hai trái tim kia phải cùng nhau vỗ chung một nhịp nồng nàn. Yêu đương... yêu đương... quận chúa, một tháng sau khi biết tình lang, đã cùng công tử cắn ngón tay thể thốt.

Từ đấy, nguồn ân suốt ái không ngày nào không âm thầm lai láng, hai

linh hồn trong sạch đã hòa vào nhau đúc nên một chữ ‘chung tình’. Rồi dẫu thời gian, dẫu hoạn nạn, dẫu đến dâu bể đổi thay, không mãnh lực nào có thể tàn phá mối tơ duyên đã buộc kỹ đôi tráng sĩ anh thư và cạm bẫy ái tình thần chẳng sẵn. Sức âu yếm của hai thiếu niên bông bột không sự gì đè nén nổi; nó chỉ càng ngày càng tăng mạnh, nhất là khi cả đôi phải thương yêu nhau giấu giếm, chưa được quyền công nhiên nên vợ nên chồng.

Nên vợ chồng, một vấn đề khó giải quyết cho công tử Anh Tề và An Trinh quận chúa! Anh Tề không dám nói rõ lòng mình ước muốn cho phụ thân chàng biết, cũng như An Trinh cứ bo bo giữ rất bí mật chút bầu tâm sự của nàng. Cả hai, dẫu không hay đích xác rằng Phò mã cùng Phiêu kỵ tướng

quân không ưa nhau lắm, nhưng vẫn có trực giác rằng, nếu hở cơ, sẽ chịu nhiều điều trắc trở, lo buồn. Vậy nên cùng kín miệng như bưng, chỉ cố tìm những dịp hẹn hò nhau ra tình tự giữa nơi hoang vắng.

Những dịp hẹn hò không phải là hiếm, bởi lẽ An Trinh quận chúa, nhờ cái trang, nhờ giỏi võ, thường được phép nhà trốn lầu khuê đi du ngoạn luôn luôn. Vả chẳng Phò mã Võ Văn Nhậm, lại lấy thế làm đặc sách, tưởng như con gái mình sẽ ngang tàn bạo dạn hơn cả lũ nam nhi. Đi đến đâu, Nhậm cũng cho con gái mặc giả trai theo với lũ gia nhân, tùy tướng: An Trinh quận chúa vì thế được theo cha ra mãi Bắc Hà.

Trong khoảng một tháng rưỡi mà quân Tây Sơn đóng ở Thăng Long, chả mấy khi quận chúa và công tử không gặp nhau trong bóng tối chập chùng trong sân chùa Pháp Hoa đầy cây cối um tùm xanh ngắt. Ngôi chùa thanh vắng ấy đã làm chỗ hẹn hò của cặp uyên ương tình tự, nó đã hiểu thấu tâm sự của đôi bên. Hai viên võ tướng thiếu niên thường đi văn cảnh Phật, chính là Anh Tề cùng An Trinh đó.

Tối ngày 17 tháng tám rạng ngày 18, An trinh kéo tình lang đi qua nhiều khúc đường hẻm, tới một nơi hoang vu tịch mịch, rồi cả hai cùng đến ngôi bên bờ ruộng lúa, tự tình.

– Em vừa nói có chuyện gì bí hiểm, xin mau mau kể lại cho anh nghe, anh nóng ruột quá.

– Chuyện này không phải chuyện đùa đâu, anh đừng vội. Số mệnh hai Anh Tề ở cả trong chút tâm sự này. Anh phải điềm tĩnh lắng nghe, đừng làm nhộn lên nhờ có kẻ lảng trộm được thì khốn. Anh có biết phụ thân anh và thầy em không bằng lòng nhau đó hay không?

– Anh cũng mang máng thế.

– Ai ngờ đâu hai nhà thù nhau rất hiểm, mà hai quan Đô đốc cùng nhau bất cộng sự từ lâu. Thầy em... hình như ghét phụ thân anh lắm lắm...

– Sao vậy?

– Nào ai hiểu! Mãi hôm qua hỏi dò, hỏi gạn thầy em mới rõ. ầy em lại cấm không được hở cơ cho ai biết đến sự tình. Cách đây ba bốn hôm, thầy em

có lên thăm quan Nguyên soái, tàu kín rằng phụ thân anh là người nham hiểm, xảo quyệt, nên kéo kín quân về, bỏ một mình ông ở đất Bắc. Quan Nguyên soái nghe lời thầy em, đã ra mật hiệu cho tướng sĩ, nội đêm nay, lui quân về Thuận Hóa, không bảo cho Hữu quân Đô đốc biết. Hiện bây giờ quân đã đi rồi, thầy em cũng đã về rồi.

– Sao em chưa về?

Quận chúa (cười):

– Em ở nán lại đợi anh... anh ạ, em không về được nữa: Nếu về... thì chả bao lâu... đôi Anh Tể sẽ minh dương chia rẽ, em phải ngậm hờn mà chết, anh thì ở lại một mình...

– Em nói gì mà kỳ quặc vậy?

Quận chúa (đau đớn):

– Nào có gì mà kỳ quặc? Em đây đã có mang rồi! Trở về, em sẽ khó lòng giấu kín được duyên nợ đôi Anh Tề, thầy em chả giết em cũng sẽ bắt em tự ải. Vì thế, trong khi quân sĩ sửa soạn trở về tập nập, em đã thu dọn quần áo và những đồ châu bảo, rồi nhân lúc hờ cơ, trốn biệt một nơi. Thầy em, tìm em mãi chả thấy đâu, nhưng sợ trái lệnh bề trên, phải đem binh tướng về ngay, không dám chậm trễ, bỏ mặc em ở lại. Thầy em tin rằng em có thể theo kịp ba quân trở về Phú Xuân, rồi sẽ cùng thầy em về Qui Nhơn một thể.

Công tử (luống cuống):

– Bây giờ thì làm thế nào?

– Làm thế nào! Cái đó là tùy lòng phụ thân anh. Nếu phụ thân anh muốn về, thì nên thu xếp về ngay; mà muốn ở, thì cứ ở lại phù vua Mẫn Đế, giữ non sông nhà Lê cho được vững vàng!

– Còn hai ta?

– Hai ta đã có kế. Em đây định sẵn cả rồi! Ví dù anh nghĩ đến ân tình, em sẽ theo anh về nhà, làm dâu họ Nguyễn.

Anh sẽ giấu kỹ em là Quận chúa, chỉ phao lên rằng em là một thiếu nữ lương dân. Rồi sau này, em cứ việc đóng kín cửa ở trong phòng, cha mẹ em khó lòng mà nhận được! Khi nào hai họ hết điều hiềm khích, bấy giờ ta sẽ lộ ra.

Nếu thân phụ anh không cho phép đôi Anh Tề thành gia thất, mà liệt em vào hạng gái bất nghi, thì lúc đó, như

anh quyết chẳng phụ em, Anh Tề nên bỏ hẳn cuộc vinh hoa, tìm một nơi cây xanh bóng mát, sống một cuộc đời thanh nhàn sung sướng cùng cỏ cây bầu bạn đêm ngày.

Ví bằng anh muốn theo đuổi công danh, không nghĩ đến nhời thể thốt cũ, em sẽ chỉ còn một cách, một cách rất dễ là đoạn tuyệt hẳn với cõi đời đa lụy, đi tìm sự thoát tục bằng một lưỡi gươm.

Chẳng hay anh nghĩ thế nào, anh nên nói thẳng một lần, để em biết mà quyết định đời em cho ổn thỏa! Em tin rằng lòng em đã yêu anh chan chứa, thì mối ái ân kia, không đời nào anh không trả lại cho em. Chúng ta, tuổi còn thơ, chỉ sống bởi ái tình, một khi ái tình đã nhỡ, mà một kẻ trong hai ta chẳng trong nguyên ước cũ, thì người

bị rẻ rúng có sống một mình để ngậm
hồn nuốt tử, quãng đời kia cũng chỉ là
một quãng đời thừa.

Công tử (cảm động):

– An Trinh em ơi! Anh đã rõ lòng
em cả. Em đã bỏ vinh hao phú quý, bỏ cả
cha mẹ, thân danh, em đã không quản
giá ngàn vàng, một chiều kia, hiến cả
sinh mệnh cho anh, anh nữ nào trong
buổi em cùng khốn, bơ vơ, phụ tấm
lòng em, không then? Anh cũng như
em cùng một giống hào hoa khí khái,
trót đã thể thốt cùng sinh cùng tử, dẫu
tử sinh anh đâu dám ngại vì tình?

Em cứ an tâm. Sự bạc đãi, hắt hủi
em, anh chẳng khi nào nghĩ tới, nhưng
việc đem về nhà cùng ở, quyết khó lòng
ta được vẹn toàn. Vậy chỉ còn cách ta

đem nhau cùng trốn biệt tích là hơn; song le em phải nán đợi một hai ngày, để anh đủ thì giờ và mưu kế thoát thân cho vô sự. Bây giờ, tuy em đã cải trang thành võ sĩ, nhưng cũng nên vẽ mặt cho khác hẳn; rồi em theo anh về dinh, anh sẽ giấu em trong phòng anh, không cho ai biết. Đợi khi phụ thân anh tính xem nên về hay ở, bấy giờ ta sẽ thu hành trang đào tẩu phương xa. Chẳng hay như thế em có vui lòng ưng thuận?

Quận chúa:

– Em hiện tình như quả trứng non nớt nằm lỏng lẻo trên bàn tay anh, anh muốn nâng niu thì quả trứng đó được nguyên lành, mà bỏ xuống đất thì nó vỡ ra lênh láng...

CHƯƠNG 7

 NGÀY 13 THÁNG 8 NĂM
BÍNH NGỌ.

Nhân dân thành Thăng Long, từ ngày Uy quốc công cho dùng vương lễ để tổng táng thi hài chúa Trịnh, được mục kích không biết bao cảnh từng bùng rục rở, liên tiếp nhau bày ra trong khoảng hơn nửa tháng trời.

Mỗi khi anh mỡ đi diễu phố này qua phố khác, vừa gõ miếng sừng cóc

cóc vừa lên giọng khàn khàn báo cáo cho dân gian phải trang hoàng nhà cửa và nghênh bái những đám rước tôn nghiêm long trọng sắp đi qua, thiên hạ lại nhao nhao sắm sửa để chào đón những cảnh vui mắt, mới lạ, mà từ xưa, họ chưa từng được thấy. Rồi đến ngày đã dự định, họ tùm nập tùm bầy ở các ngã tư ngã ba, họ dặt nhau họp đông đúc trước cửa Ngọ môn, trước phủ Liêu hoặc trước đền Vạn ọ, họ leo lên cây, lên gác, lên tường, ở ven những phố phường mà họ cho rằng thế nào đám rước cũng phải dàn qua.

Ngày 13 ấy, tấp nập nhộn nhịp hơn mọi ngày, nhân dân thành Thăng Long kéo nhau đi xem hội. Họ bỏ cả nhà cả cửa, họ bồng bế xô đẩy nhau, họ bàn, họ tán, họ làm náo động cả một vùng.

Thôi thì nào già nào trẻ, nào con gái, nào con trai, từ người giàu kẻ nghèo cho đến ni cô hoà thượng, tất cả bao nhiêu sinh mệnh nường nấu trong thành, tất cả bao nhiêu thôn phu an cư ngoài thành, hôm ấy không ai rủ ai mà hình như đã hẹn sẵn với nhau từ trước, đều lũ lượt ùa cả ra một lúc, dày như nêm cối.

Lính tráng, từ sáng sớm đã cầm roi quất vào những làn da dày dạn, những manh áo rách bươm, những chiếc nón xộc lênh, những cái dù ngất nga ngất ngưỡng lấp trời. Một đội quân Ngự lâm, mỗi tay, mỗi mồm, mới bắt được kẻ đi xem đứng theo lệ luật, không được lấp bờ đường, mà từng quăng, có cọc đóng và dây thừng chằng sẵn để làm giới hạn.

Chính giữa đường từ cửa Nam đi thẳng suốt đến Ngọ môn đền Vạn thọ, một hàng chiếu cạp điều phủ trên mặt đất; rồi cứ năm mươi bước một, lại một chiếc án thư bày ngoài cạp chiếu, ven đường. Một chiếc tàn vóc hồng hoặc một chiếc lộng vàng che ánh nắng cho án thư mà trên mặt, bày một đỉnh trầm hương nghi ngút, một đôi bình sứ cắm hoa, hoặc những đồ thất sự bằng đồng. Cách vài trăm bước, có chỗ lại thiết lập những cái thể môn chót vót kết bằng lá tươi và các thứ hoa đủ sắc, trên treo những bức nghi môn, bảo cái, lóng lánh chữ vàng. Dưới cổng hoa, mỗi bên cột lại có bày chiêng bày khánh; cảnh tượng trông uy nghi, trọng thể vô cùng.

Lúc ấy vào khoảng giờ Sửu. Từ bạch nhật, thiên hạ đã mọi lòng chờ

đội, các võ quan, binh sĩ, thị lập để giữ trật tự, cũng chán nản mệt mỏi, bưng mồm ngáp vật hoặc vươn vai. Người đi xem đã náo nức muốn về, đành ninh rằng đám hội, chắc sai ngày, không có.

Bỗng đâu, một viên kỵ mã lướt qua đường như bóng nhoáng; thiếu niên ngồi trên mình ngựa như không để ý đến nghi vệ lộng lẫy dàn ra trước mắt, cứ xăm xăm ra roi chạy riết, làm cho vó ngựa xông pha trên dãy chiếu cạp điều. Ngầy ầy mặc võ trang ngắn mà chèn, trông y phục thì ra một tên tùy tướng, không hiểu sao hăng ngang tàng như vậy, mà cũng không hiểu vì sao hấn có một con tuần mã chỉ nhìn sắc lông và kiểu chạy cũng rõ là một con vật quý vô ngần. Hỏi ra mới biết bảo vật ấy là ngựa ‘Lưu tinh’ mà người cưỡi nó là một tên thám tử.

Tên thám tử đi đến đâu cũng lấy tay ra hiệu và hô lớn, mỗi lần gặp bọn quan quân:

– Sắp đến! Sắp đến!

Như bị một mãnh lực gì tiêm vào gân cốt những mầm hùng dũng, khảng khái, sau khi nghe hiệu ‘sắp đến’, các tên lính canh đều hết cả buồn ngủ, ngáp vặt, tên nào cũng đứng ngay thẳng, coi bộ linh lợi hoạt động lắm; rồi cuộc ra roi đập ô, đập nón, đập áo, đập vai, lại một lần lượn khắp mặt khách đi xem, bắt họ phải đứng ngay ngắn, không được sát vào các dây chằng làm giới hạn ở bên đường. Bây giờ thì dân chúng không tập tễnh muốn về nữa, họ đều hồi hộp, đều tỉnh táo, đều bấm nhau sẽ nhủ thầm:

– Sắp đến! Sắp đến!

Quả nhiên, độ ít lâu, một hồi trống kiểng âm âm báo hiệu trước có ngựa xe đi tới. Tiếng nhã nhạc trúc tơ bắt đầu từ mé Ngọ môn đưa lại, lẫn với tiếng sênh tiền nhịp nhàng êm ái như ru. Chẳng mấy chốc, một cuộc biểu diễn của Hoàng gia bày trước mắt khán quan không biết bao nhiêu sự rực rỡ uy nghi không bút nào tả được. Cũng gần như đám rước hôm nọ của đội quân Tây Sơn đại thắng đưa quan Tiết chế vào thành, đám rước hôm nay có quân lính đi một dãy dài có tàn, quạt, cờ, voi, ngựa, súng. Có chiêng, có trống, có đàn sáo, sênh tiền. Có khí giới sáng loáng, có tinh kỳ rợp trời, có bào vàng giáp bạc, không một vẻ lộng lẫy nào kém những cuộc điểm binh buổi trước, chỉ kém bề hùng tráng mà thôi.

Hôm nay còn có thêm cỗ loan xa vua ngự, bốn con ngựa ‘Hoa tôn’ trắng kéo, chung quanh có bốn lọng vàng cùng các quan thái giám theo hầu. Lại có kiệu hoa của Phò mã Uy quốc công, và các mao vàng, việt bạc, nghi vệ của thiên tử đi dàn trên thánh giá.

Đám rước to lớn ấy từ Ngọ môn ra đến cửa Nam, rồi thẳng đường mãi tới Nam Giao thì đứng lại. Đến Nam giao thì đứng lại. Đến Nam Giao, vua Chiêu Thống¹¹ cùng bách quan và tướng sĩ đứng dàn cả hai bên đường để đón một vị quí nhân sắp ra thăm đất Bắc.

11 Lê Chiêu Thống (chữ Hán: 黎昭統 1765-1793), tên thật là Lê Duy Khiêm (黎維), khi lên ngôi lại đổi tên là Lê Duy Kỳ (黎維祁), là vị hoàng đế thứ 16 và là hoàng đế cuối cùng của Hoàng triều Lê nước Đại Việt, giữ ngôi từ cuối tháng 7 âm lịch năm 1786 tới đầu tháng 1 năm 1789. (Nguyễn Huệ ra Bắc Hà chưa được bao lâu thì Lê Hiến Tôn, tức là Cảnh Hưng Hoàng đế mất. Cháu nội Hiến Tôn là Duy Kỳ lên nối ngôi, tức là Lê Mẫn Đế, niên hiệu Chiêu Thống. Ông này sau chết ở bên Tàu)

Vị quý nhân ấy nào có phải ai xa lạ: chính là Thái Đức đế Nguyễn Nhạc, anh ruột Phò mã Uy quốc công. Nguyên trước kia, vua Tây Sơn không có ý ra đánh Bắc Hà, chỉ sai em là Nguyễn Huệ, rể là Võ Văn Nhậm cùng tướng là Nguyễn Hữu Chỉnh, ra lấy Thuận Hóa mà thôi. Khi Ngài tiếp được thư Huệ nói sắp ra đánh họ Trịnh, Ngài vội vàng sai người ra uận Hóa ngăn Huệ. Nhưng sứ ra đến nơi thì muộn quá rồi: quan Tiết chế đã cử đại binh ra đất Bắc từ lâu lắm. Kịp đến khi vua Thái Đức được tin quân Tây Sơn đã diệt Trịnh, đại thắng vào thành Thăng Long nhưng còn ở nán lại giúp nhà Lê, Ngài rất lo ngại. Thực tình Nhạc chỉ lo Huệ ở lâu ngoài Bắc thì sinh biến, nên vội vàng đem 500 quân ra Thuận Hóa, lấy thêm 2000 nữa ở đó, rồi không quản ngày

đêm, đi tuốt một mạch ra Bắc thành.

Quân Tây Sơn ra tới đèo Tam Điệp, bốn chuyển ngựa ‘lưu tinh’ liên tiếp nhau báo tin về chốn Triều đường. Vua Lê Mẫn Đế bèn sai thiết lập các cổng hoa rải chiếu khắp đường và bày hương án để tiếp rước vua Thái Đức. Hơn nữa, chịu ơn sâu Nguyễn Huệ, lại nghĩ mình còn trẻ tuổi, mới lên ngôi chưa được vững vàng trong một thời rường mối xã tắc đương đổ nát, vua Chiêu Thống chịu nhún mình đưa tam quân ra tận Nam Giao đón Nhạc, mong rằng sự khiêm tốn ấy sẽ cảm động vua Tây Sơn và chú dượng của mình là Huệ, ngõ hầu hai người ấy, từ đây, sẽ giúp mình giữ vững được sơn hà.

Vua tôi nhà Lê đợi ngót một giờ, lúc ấy nẻo xe mới thấy bụi cuốn mịt

mùng trắng xoá. Rồi phút chốc một đoàn binh tiến lại nhanh vùn vụt, đi đầu một tướng mũ kim khôi, giáp lấp lánh những vàng. Tướng đó sức vóc vạm vỡ, mặt trông rắn chắc, mắt sáng như mắt điều hâu, mồm rộng, trán gồ, lông mày lưởi mác; dưới cằm và trên mép có ba chòm râu huê râu, rủ xuống, càng làm tăng vẻ anh hùng. Chính là vua Thái Đức nhà Tây Sơn đó. Vua Thái Đức năm ấy đã gần sáu mươi tuổi, nhưng trông ngài còn quắc thước, tướng chừng mới độ năm mươi. Ngài mặc võ phục giáp vàng, bào vàng, thắt lưng gấm, đi võ hài thêu rồng. Trên vai ngài lỏng lẻo treo một cái cung sơn son; hai bên sườn ngài, một bên buộc một túi tên bằng xích cầm, một bên buông thông một thanh gươm ‘Giốc chủy’ mà võ nam ngọc đựng leng keng vào dây

xích vàng buộc bàn đạp với yên thêu.

Đàng sau vua Tây Sơn, hai viên đại tướng theo hầu, cai quản 500 tên dũng sĩ cùng 2000 hùng binh chia ra làm 5 đội. Xem hai lá cờ hiệu phát phối bay sau lưng hai tướng, vua quan nhà Lê mới nhận rõ một viên là Tư Mã Ngô Văn Sở, còn viên kia là Nội hầu Phan Văn Lân.

Thái Đức Hoàng đế vừa tới, vua Chiêu Thống cùng các quan tiến ra đón rước chào mừng. Nhạc cứ hiên ngang thúc ngựa đi thẳng, dẫn binh theo sau, cũng không thềm xuống yên, không thềm quay đầu, cứ giả vờ như không biết đó là vua tôi nhà Lê ra nghênh tiếp.

Vào đến cửa Nam, Nhạc không cho ngựa đi qua đường rải chiếu lại rẽ

cương sang lối tắt đi thẳng tuốt về phủ Liêu, tức là hành doanh của Uy quốc công Nguyễn Huệ.

Trong lúc đó ngoài thành Nam giao, vua Lê vừa ngạc nhiên, vừa bẽ mặt, buồn rầu lên loan xa cùng các quan lui thủi trở về. Nhưng trở về thì chiêm không đánh, kiểng không rung, đàn sáo bát âm không tấu. Một đoàn binh mã, trước kia hùng tráng, giờ đây uể oải phản hồi.

Thấy anh cử chỉ một cách quá kiêu hãnh, lạ lùng, Nguyễn Huệ cũng ngượng ngùng khó chịu. Không đợi cho vua Lê ra lệnh lui ngự binh vào nội. Huệ đã cùng gia tướng và quân bản bộ, phi vào thành để theo kịp vua Thái Đức cùng bọn Ngô Văn Sở, Phan Như Lân.

Huệ tiếp tất cả bọn ấy ở trong sù y phủ, còn hai nghìn rưởi quân thì giao cho Tả Đô đốc Võ Văn Nhậm trông coi liệt cả vào hàng quân cũ.

Ngày hôm sau, trong sân triều, ngóảnh mặt lên điện Kính Thiên và phủ phúc tung hô vạn tuế, một tên sứ giả của vua Thái Đức vào bái kiến vua Chiêu Thống đệ lên Hoàng đế nhà Lê một bức thư vắn tắt có vài dòng:

“Vua Tây Sơn là Thái Đức gởi cho vua nhà Lê là Chiêu ống được rõ:

“Chúng tôi ngày đêm vất vả ra Thăng Long để đón thẳng em Huệ trở về, cuộc hành trình mệt nhọc khó khăn khiến cho khi đến nơi không còn sức lực và thì giờ yết kiến nhà vua, xin nhà vua lượng xét.”

Chúng tôi còn ở lại Kinh đô đất Bắc vài ngày, vậy ngày khác xin cùng nhà vua tương hội.

Ngày khác, tức là hôm 17 tháng tám năm Bính Ngọ đó. Hôm ấy, Nhạc cho mời vua Lê sang phủ đường, để vua Lê ngồi bên tả, Nguyễn Huệ ngồi bên hữu, còn mình thì chính tọa trên sập rồng. Các quan võ thì chia ngôi thứ tự túc trực đôi bên. Một hồi trống long phụng nổi lên, tiếp theo một hồi khánh ngọc. Các quan cùng làm lễ triều kiến cả ba người.

Trong khi thị vệ dâng trà, Chiêu Thống thốt nhời cảm tạ hai anh em Thái Đức:

– Chúng tôi còn nhỏ dại, vâng mệnh tổ phụ lên giữ rường mối cho

xã tắc nhà Lê, giữa buổi đường mỗi ấy đương bị nghiêng lệch. Xứ Bắc ngày nay loạn lạc, bốn phương giặc nổi như ong, bởi tại chính sách nhà Trịnh mà nên vậy. Cơ đồ Liệt Thánh để lại cho công tử hầu bị tan tành, suy bại, nếu không có lệnh đệ thế thân ra giúp tổ phụ công tử. Nhờ thế mà quả nhân còn giữ được giang sơn, công đức ấy kể sao cho xiết. Nay nhà vua lại chiếu cố ra chơi đất Bắc, cho quả nhân được chiêm ngưỡng tôn nhan, thực lấy làm hân hạnh và cảm kích vô cùng.

Nhà quả nhân đạm bạc, không có gì quý báu để tặng nhà vua; vậy gọi là lòng thành lễ mọn, xin biểu nhà vua mấy quận đất để khao quân, mong nhà vua không chê là ít quá, vui lòng nhận lấy cho, quả nhân được đội ơn nhiều lắm.

Vua Chiêu Thống nghĩ tủi thân cố nén lòng để nước mắt khỏi trào ra, vừa nói vừa run, chỉ sợ rằng vua Tây Sơn nếu không có lượng bao dung thì sẽ hoàn toàn nhục nhã, mà không biết xử trí làm sao cho được.

Nguyễn Nhạc, ngoài mặc dù khinh bỉ Lê Mẫn Đế là một hậu sinh còn non nớt, nhưng trong lòng cũng ái ngại thay cho vị vương giả đương bị cơn thất thế đáng thương.

Nhạc bèn làm ra vẻ đàn anh rộng lượng nghiêm sắc mặt lại, cố tỏa một nụ cười hiền hậu trên dung mạo dữ dội, liếc mắt nhì Huệ như để hỏi ý kiến, rồi đáp rằng:

– Nhà vua đã có lượng muốn khao thưởng tam quân, chúng tôi xin cảm

tạ. Song le, nhà Trịnh bạo ngược lăng loàn khiến chúng tôi, phải thuận ý trời mà tuyệt diệt, đó chỉ là vì đại nghĩa chứ không phải vì tư tình. Nếu xứ Bắc Hà này là đất của Chúa, thì một thước chúng tôi không để lại; nhưng đây hiện là đất của nhà vua, thì một phân chúng tôi cũng không dám lấy. Xin nhà vua cố giữ lấy sơn hà cho vững, sửa sang nền chính trị cho dân gian được hưởng thái bình. Hễ có sự gì khó khăn xảy ra, chúng tôi sẽ đem binh đến giúp, nhà vua nên thận trọng giữ lấy quý thể và xã tắc, gắng sức làm việc để định an cõi đất, ngõ hầu đời đời giao hiếu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đó!

Trà nước xong, vua Lê từ tạ ra về. Bách quan đưa loan giá trở vào trong nội.

Bấy giờ, trong Sứ phủ, chỉ còn hai anh em vua Thái Đức ngự trên long ỷ, cùng các quan Tây Sơn đứng hầu hai dãy giữa sân. Nguyễn Nhạc sai Đô đốc Hữu Quân đem một toán binh tiễn vua về đến Vạn Thọ, còn mình và em, và các tướng thì bàn việc về Nam. Nhân lúc Hữu Chinh không có mặt ở Sứ đường Phò mã Võ Văn Nhậm bèn tiến lên đại diện mặt tấu cùng Thái Đức:

– Tấu lạy Phụ vương, Hữu Đô đốc là một người rất phản trắc xảo quyệt. Con e rằng dùng y sẽ có một ngày sinh biến; âu là Bệ hạ nên để y một mình ở lại Bắc Hà. Y sẽ giúp vua Lê giữ yên ngôi bảo tộ, lại sẽ được ở đất nước trước kia y vẫn ở, gần các cố hữu thân bằng. Nếu Phụ vương không muốn để y ở lại Bắc thành thì chỉ còn cách là đem giết y đi, không nên để sống khỏi lo nhiều

tai họa sau xảy đến. Lúc ấy có hối cũng không kịp nữa, mà Hữu Chinh sẽ là con cú dữ, được thời thì hoành hành đánh bặt hết các loài chim. Vả chẳng, chính nó đã vì lợi riêng xui quan Tiết chế đánh Bắc Hà, tội kiểu mệnh là ở nó cả, tàu Phụ vương soi xét.

Nguyễn Nhạc xưa nay vẫn biết Chinh là một Ngụy Diên tái thế. Nhưng một Ngụy Diên thông minh, nhiều cơ trí, biện bác như nước chảy, lại có dũng cảm ít ai bì. Song le Nhạc yêu Chinh, coi Chinh như một con ngựa hay có nhiều chứng tật cón con. Trước kia, thuở vừa khởi nghĩa đánh với quân nhà Nguyễn, Nhạc bị một phen cùng khốn, mắc chèn giữa đạo binh của quan Lưu thủ đất Long Hồ là Tổng Phúc Hợp đóng ở Bình Khánh và đạo quân của họ Trịnh dàn ở Quảng Nam. Liệu thế

chống không nổi, Nhạc phải xin hàng Hoàng Ngũ Phúc, chịu nộp đất và chịu sắc phong tước Tây Sơn hiệu trưởng của Chúa Trịnh ban cho. Sắc ấy so Nguyễn Hữu Chỉnh mang vào cho Nhạc, và nhân tiện giao cho Nhạc cờ và ấn kiếm của triều đình nhà Lê.

Nhờ thế, không lo mặt Bắc, Nhạc mới có đủ lực chinh phục phía Nam, dựng nên cơ nghiệp. Trong khi theo Hoàng ngũ Phúc vào Quảng Nam. Chỉnh cũng đã có đi lại cùng Nhạc. Tài xu nịnh cùng khoa biện bác của Chỉnh khiến Chỉnh chiếm được lòng tin cậy của Nhạc, nhất là vì sự được Hoàng Ngũ Phúc thuận cho chúa Tây Sơn qui phục mà Nhạc cứ tưởng lầm là nhờ có Chỉnh mới xong. Từ buổi ấy, Nhạc đã có bụng dung Chỉnh. Thấy sự hục hặc giữa Chỉnh và em cùng rể mình, Nhạc rất

lấy làm khó chịu. Ý Nhạc không muốn bỏ Chỉnh cũng như không muốn giết Chỉnh. Song le, mang Chỉnh về Nam ất sau này khó tránh khỏi những sự xung đột trong hàng tướng tá. Nhạc phân vân khó xử. Biết rõ tâm anh không nỡ lia Chỉnh, Huệ nhân dịp, cũng chêm vào một câu:

– Phò mã nói chí phải! Nguyễn Hữu Chỉnh thực là một cái mầm họa lớn về sau! Vừa ra tới Thăng Long y đã lên ngay vào điện Kính Thiên ton hót với Cảnh Hưng; y sẵn tính tình ranh giảo quyết, không trừ trước đi thì chỉ tổ phải lo cho công việc tương lai. Vả chăng, để y ở Bắc Hà, cũng không thiệt hại gì cho y cả, mà mình thì trút được khối nặng chất bên lòng. Chỉnh trong một tháng rưỡi ở Thăng Long, không này nọ trước cửa không ồn ào những

khách, tất cả các hàng quan lại, tướng sĩ, đều quen y chả thiếu mặt nào. Thiết tưởng đất Bắc Hà này chính là đất nước của y, y ở đây thân bằng cố hữu đây đàn, còn chẳng vui hơn thui thui một thân trơ trọi ở miền Nam ư? Hoàng huynh không nên lưỡng lự bịn rịn như thường tình nhi nữ, phải có nghị lực mới phải!

Tiếng sang sảng như chuông gióng, tia mắt sáng như điện quang của Huệ tựa hồ có một thứ mãnh liệt vô địch cảm hóa tâm linh Nhạc; sau khi ngần ngừ một khắc, Nhạc cũng phải cho lời Huệ là chí lý, nên theo.

Bởi thế, mật lệnh bèn truyền xuống cho tất cả hàng quân hàng tướng, định ngay tối này hôm đó thì phải sẵn sàng hàng lý, phải đúng cơ ngũ để nhổ trại

phản hồi.

Chiều hôm ấy, Trần Quang Diệu được chỉ vơ vét hết tiền của lương thực chất trong kho tàng của vua Lê và Chúa Trịnh. Trong kho có bao nhiêu lấy sạch, không còn để lại chút gì. Rồi đến cuối giờ Tuất, khi dân gian đã bắt đầu đi ngủ, khi đèn đuốc đã gần tắt cả, người ngậm tằm, ngựa tháo nhạc, đoàn quân Tây Sơn như một dãy bóng ma ẩn hiện, im lặng lướt nhẹ nhàng trong quãng tối tăm mù mịt, dần dần ra khỏi bắc thành.

Trước kia vào Thăng Long hùng hổ thế nào, bây giờ ra khỏi Thăng Long lại trái hẳn; lúc ra đường hoàng mạnh mẽ, khi về lẫn lút êm đềm. Vào thành ấy chính là Nguyễn Huệ, cử chỉ giữa thanh thiên bạch nhật; bỏ thành ấy thì

là Nguyễn Nhạc, người chỉ quen kiêu hãnh, nhưng hành sự có bề xảo trá, ươn hèn.

Nội đêm hôm ấy, vua Thái Đức cùng em kéo quân về Thuận Hóa.

CHƯƠNG 8

 ẶNG NGÀY 18 THÁNG
TÁM NĂM BÌNH NGỌ,
khi trời vừa mới bình minh, ba chiếc
thuyền buôn to lớn, từ bãi cát bờ sông,
nhổ neo rời bỏ thành Thăng Long, đi
xuôi xuống biển. Trong ba chiếc thuyền
đó, thuyền đầu chở quan Hữu quân
Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh cùng các
gia môn tỳ tướng, thuyền thứ nhì chở
đầy khoang quần áo và đồ đặc quí giá,
thuyền thứ ba chỉ chở có vào bốn hòm

niêm phong khóa kín mà sáu người võ sĩ theo kèm.

Quan Đô đốc được tin công tử cấp báo quân Tây Sơn đã rút lui rồi, vội truyền lệnh cho thám tử đi dò xét thực hư của tin dữ đội ấy. Lúc đã rõ biết Nguyên soái Uy quốc công bỏ mình ở lại, Đô đốc Chính đâm ra lo sợ, luống cuống, kíp thâu đêm cho dọn đồ đạc châu báu, thuê thuyền buôn dùng đường thủy chạy theo quân sĩ Tây Sơn, Đô đốc muốn vượt bể cho nhanh, đi chiếc thuyền nhẹ nhất, không hề đem bên mình một chút của cải nào sợ thêm bận bịu, chỉ dặt độ mười lăm viên dĩnh tướng để hộ vệ trong lúc hành trình. Đến nửa đêm, thuyền chạy được nửa đường, bỗng nhiên thấy ánh sáng rực rỡ, tiếng kèn trống vang lên, thuyền dừng lại, quan Đô đốc thấy trước mặt là một thành trì vững chắc, trên thành có nhiều người cầm cờ, quan Đô đốc thấy vậy, vội truyền lệnh cho thuyền rẽ vào, quan Đô đốc thấy trước mặt là một thành trì vững chắc, trên thành có nhiều người cầm cờ, quan Đô đốc thấy vậy, vội truyền lệnh cho thuyền rẽ vào, quan Đô đốc thấy trước mặt là một thành trì vững chắc, trên thành có nhiều người cầm cờ, quan Đô đốc thấy vậy, vội truyền lệnh cho thuyền rẽ vào.

nhị công tử Nguyễn Anh Du và tên người nhà ấy, dùng hai mươi tên quân tráng kiện.

Hồi Đô đốc theo Uy quốc công Nguyễn Huệ ra Bắc Hà, diệt Trịnh, có đem thủy binh vào cửa Đại an, cướp được kho lương trăm vạn học ở ven sông Vị. Rồi khi hạ thành Sơn Nam, và kéo quân vào Thăng Long đều bị tướng nhà Tây Sơn thu cả, trong lúc hỗn độn, Nguyễn Hữu Chỉnh có vợ vết được nhiều của cải, ước ra đến mấy rương vàng. Giờ đây vội vàng thuê thuyền theo cho kịp chúa Tây Sơn, Đô đốc không dám đem hết gia tài, phải để một phần đồ đạc và ngựa xe ở lại. Còn bao nhiêu vàng bạc, ông sợ mang kèm bên mình thì e có nhiều điều hiểm trở, nhiều nỗi gian nguy, lại sợ khi tiết lộ, bị mang

tiếng là người không liêm trực. Chỉnh bèn cho tải cả bốn năm hòm vàng bạc, tiền đồng và châu báu xuống chiếc thuyền vững chãi nhứt, rồi bắt con trai là công tử Anh Tề phải giải thuyền kia đến tận bến Nghệ An. Muốn cho khỏi sự nghi ngờ, trong thuyền Nguyễn Anh Tề chỉ có năm tên quân ăn mặc giả lái buôn hộ vệ.

Trong năm tên ấy, một tên còn trẻ non, lại khôi ngô tuấn tú khác thường. Tên ấy, chính là An Trinh quận chúa cải trang theo tình lang đó.

Được dịp phụ thân trao riêng cho một thuyền của cải, công tử Anh Tề lòng mừng hồi hộp, vội vàng mật báo người yêu. Rạng sáng hôm sau, cặp tài tử giai nhân đã nghiễm nhiên nhảy nhót, ôm ấp nhau trong khoang, dưới

tầm mắt ngạc nhiên của bốn tên quân theo hầu.

Thuyền đi hơn một ngày ra tới biển đông. Độ ấy về tiết Trung thu, nước dâng to lắm. Hai con thuyền đi trước, nhân chở hành khách và hàng hóa không lấy gì làm nặng, và lại thuận theo chiều gió, tuần tuột chạy nhanh, không tài nào theo kịp, bỏ lại thuyền chuyên vàng lẽo đẽo theo sau.

Bể đông mùa thu đông tố luôn luôn không ngớt, hết trận này sang trận nọ, khiến tàu bè kinh sợ không mấy khi dám đánh bạo ra khơi. Duy chỉ có lũ hải tặc ‘Tàu Ô’ giỏi nghề bơi lội, kiếm ăn trên mặt nước đã quen, lũ đó coi phong ba bão táp như không, cho thuyền lượn trên sóng bể như ngựa phi trên cạn. Bọn khách bán người, buôn lậu, cướp

của, giết lương dân đó không mùa nào không lãng vãng trên vũng Bắc Kỳ để tìm mỗi kiếm lợi. Cũng là vì sự chẳng lành run rủi, đảng Tàu Ô kia chạm trán cùng công tử Nguyễn Anh Tế.

Thuyền công tử đi được bốn ngày trời thì bị bơ vơ một mình trên làn nước thẳm. Một trận bão cuồng khấu đã đưa con thuyền ra tận mãi ngoài khơi. Công tử lo sợ, hoảng kinh, nhưng cũng chẳng biết thế nào chống chọi với mệnh trời, đành cho chiếc thuyền nhỏ bình bồng trôi vào nơi vô định.

Bỗng, đương cơn hoạn nạn, một đoàn hải tặc bơi xuống ra vây chặn hản đường. Vô phúc lũ bọn Tàu Ô gặp phải tay Anh Tế và An trinh quận chúa; một trận đánh nhau kịch liệt khiến lũ giặc kia bị một phen táng đờm tiêu hồn.

Nhưng càng chết nhiều, càng thấy số chúng nó tăng bội mãi; thì ra một đại thuyền làm sào huyết cho bọn đó, cắm neo đậu ở phương xa. Quận chúa, công tử cùng bốn tên gia binh phải gắng sức đến quá nửa ngày, mới trừ tiết được bốn chiếc xuống con chở hai mươi tên giặc bề.

Thấy thế núng, cả đại đoàn ùa lại; trên mũi thuyền sắp hàng một lũ Tàu Ô đen chũi, đầu trọc, răng trắng nhớn, da bóng nhoáng và mặt mày dữ tợn vô cùng. Công tử xét thế cô, bèn nghĩ ra một diệu kế. Chàng lấy bút viết vào mảnh hoa tiên một bức thơ chữ Hán, đại khái nói rằng thuyền chàng là thuyền của quân Tây Sơn sai ra Bắc Hà thám thính, không có đem tiền bạc, chỉ tải nhiều binh khí mà thôi. Chả may bị bạt phong, lưu lạc ra khơi, không biết

đường về bờ bến. Nếu thuyền khách có thể giúp chàng đưa chàng về bãi Sầm Sơn hay bờ Nghệ Tĩnh, chàng sẽ xin ngay quan trên thưởng cho một vạn quan tiền. Bằng như muốn cùng chàng thử sức hơn thua chàng sẽ liều sống mái một phen cho biết ai là hảo hán.

Bọn hải tặc đáng chùng đã trông rõ bản lĩnh cao siêu của Anh Tể công tử, hóa nên đành vui lòng nhận việc đưa thuyền chàng về tới bãi Sầm Sơn. Họ bèn vớt một sợi dây to sang buộc lấy mũi thuyền con, rồi mở lái giương buồm, tuốt một mạch chạy về miền Hải ngạn. Vùn vụt ba ngày, hai chiếc thuyền tới vùng Sầm Sơn đỗ lại, bây giờ công tử sai khiêng một rương tiền sang tạ lữ Tầu Ô. Nhưng công tử cũng hơi sơ ý: quân giặc thấy hòm tiền tự trong khoang đưa lại, đoán rằng chiếc

thuyền con hản còn chứa lắm bạc vàng.

Bởi thế, không đợi cho công tử và quận chúa kịp để phòng cẩn thận, họ trói gô ngay bốn tên kiện nhi khiêng rương tiền vào thuyền họ, rồi sắp binh kéo ùa sang cướp phá chiếc thuyền con. Công tử Anh Tề, lâm thế cô, mất cả lũ gia binh, liệu sức mình cùng An Trinh quận chúa không thể giữ nổi gia tài cho họ Nguyễn, bèn cầm tay quận chúa nhủ rằng:

– Lũ hải tặc nó đang reo hò, sắp sửa sang tới đây cướp của, anh em mình khó bảo hộ được mấy rương vàng này cho thoát. Âu là em soạn lấy những đồ châu bảo giắt cả vào mình, rồi mình đục thuyền cho nước chảy vào, dìm cả xuống biển. Vứt cho nước thấm còn hơn để về tay giặc, em nghĩ thế nào?

An Trinh quận chúa gặt đầu; công tử bèn lật ván lên, lấy búa bổ sàn thuyền, tan nát. Hai vợ chồng dắt nhau nhảy tùm xuống nước, lặn vào bờ, nhô lên. Thuyền nặng nước to, chả mấy chốc mấy rương vàng đã chìm lỉm giữa khơi để mặc lũ Tàu Ô sừng sốt, chửi rửa lúu lô một lúc rồi kéo buồm đi mất.

Bốn tên gia binh bị chúng phanh gan, mổ ruột, đều thiệt mạng trong một trường hợp buồn. Thế là sự bí mật của công tử Anh Tề và quận chúa An Trinh, ngẫu nhiên, trừ hai người biết với nhau, người ngoài không ai rõ nữa.

Sở dĩ câu chuyện này lọt vào tai hậu thế là bởi cặp uyên ương kia đã chép nó vào gia sử, gửi về cho hai nhà được biết rõ nguồn gốc của sự mất kho vàng.

Trong một làng nhỏ ven bờ bể, cách bãi Sầm Sơn chừng ba bốn dặm đường, dưới một dãy tre mọc um tùm xanh ngắt, một chiếc nhà lá ba gian sạch sẽ làm chỗ cư trú cho một đôi thiếu niên thanh nhã, đến chung đụng cùng dân chài lưới, phút chốc đã ba bốn tháng trời. Chiếc nhà lá kia vừa dựng lên được đúng trăm ngày, đôi thiếu niên kia hình như tự xa xôi đến ngụ, và trước khi lập thành cơ sở, họ ở trọ nhà một ông già đánh cá trong vùng.

Hai vợ chồng người lạ mặt đó không hề nói đến lai lịch của mình bao giờ cả, cũng không ai biết rõ tung tích họ ra sao. Tuy nhiên chẳng ai muốn dò

la cặn kẽ làm gì: cặp uyên ương đó được cả chồng lẫn vợ: họ vừa tử tế, nhã nhặn vừa có nhân từ độ lượng, biết thương kẻ khó và cứu mạng giúp đỡ người nghèo.

Dân trong hạt, chả mấy chốc, đều kính yêu cả hai người thiếu niên đó.

Người chồng ăn mặc xuềnh xoàng như một nhà hàn sĩ; người vợ cũng quần nâu áo vải, cả ngày tảo tần khâu vá, không lộ ra vẻ gì đài các phong lưu. Như thế mặc dầu, người ngoài thoạt thấy dung nhan và dáng điệu cặp thiếu niên ấy, cũng biết ngay họ không thuộc về những gia đình tầm thường, mà họ tất xuất thân ở chốn lầu vàng gác ngọc. Bởi lẽ, từ lời ăn tiếng nói, từ cách tiếp đãi các láng giềng, hoặc cách sinh nhai thường nhật, họ đều tỏ ra rằng họ đứng

vào một từng giai cấp cao hơn. Tuy họ tuyệt nhiên không khi nào tự xưng là quý phái, nhưng thấy họ sống an nhàn sung sướng, chả bao giờ phải vay mượn ai một đồng tiền nhỏ, nhưng thấy họ một đôi khi nể ráo, phoir vài mảnh quần áo cực kỳ hoa mỹ, sang trọng, thấy trên vách tường nhà họ có treo một đôi gươm rất quý, rất dài, lại có nhiều binh khí khác vút ngổn ngang dưới gầm giường, gầm tủ, thiên hạ không khỏi không bàn ra tán vào nhiều lối, cho họ là một đôi dị nhân ra truyền bá một sự gì quan hệ, hay ra nghiên cứu ở bờ biển một việc gì bí mật, phi thường.

Có kẻ đoán họ là dòng chúa Trịnh đi ẩn thân lánh nạn. Có kẻ bảo họ là nòi vua Lê, thấy trong nước nhiều giặc giã, chán việc đời, đi ẩn dật cho thanh thoi.

Thiên hạ còn đoán nhiều, nhiều nữa, song không ai dám hỏi cặp uyên ương kia con cái nhà ai, và ra ở bờ biển làm gì. Không dám hỏi mà cũng muốn hỏi, vì ai ai cũng biết rằng hỏi đã vô lý, mà càng thêm thiệt hại cho làng nước, nếu hai người khách lịch sự kia, vì phiền phức phải bỏ nơi trú ngụ mà đi. Vả chẳng, hai vợ chồng người lạ mặt đã không quấy quả và làm hại ai cả, lại chỉ nai lưng ra giúp đỡ cho khắp mặt dân chúng trong vùng. Từ khi họ đến ở được hơn 10 ngày, thì ông chồng mở ngay một ngôi trường học. Rồi từ đấy, hôm nào ông cũng dạy trẻ con trong làng học tập, tuyệt nhiên không hề lấy của bố mẹ chúng một đồng tiền học phí bao giờ. Đến tiền nhập môn, ông cũng không lấy, cho chí những lễ vật đưa đến tết, ông cũng gạt đi không khi

nào thu nhận cho ai. Hình như ông đã có vốn sẵn để sinh nhai, không lấy của thiên hạ, dù là một đồng kẽm nhỏ. Nhà của ông bà đồ lúc nào cũng sạch sẽ thơm mát, ông bà ăn uống thường cơm tấm cá tươi; ăn mặc cũng quần nâu áo vải như người; nhưng hình như trong cách sinh hoạt, ông bà vẫn có một vẻ đặc biệt, tỏ rằng cả hai cùng là người quý phái, tự hạ mình sống cái đời khổ sở của thường dân. Tuy bát đũa, đĩa tre, mâm gỗ, mà bữa cơm nào cũng long trọng, vợ cúi nâng qua tầm mắt dâng chồng. Tuy quần áo thanh đạm sơ sài, mà luôn luôn thơm tho tề chỉnh, không bắn ngấu những đất bùn, những ghét như đồ dùng của dân quê.

Bởi thế, trong làng, ngoài xóm, không ai không kính trọng ông đồ. Đánh được con cá tươi nào, nhà chày

vội vàng đem biếu ông làm đồ nhắm. Rượu Ngôn Nghi, mỗi khi có ai cất được, lại gánh vào nhà ông dâng cho ông xơi trước một vài chai. Rồi tôm tươi, rồi cua bầy, chả ngày nào mâm cơm ông không đầy chan chứa, mặc dầu ông đã mỗi mồm cấm bà con không được biếu quà ông.

Kể sống như thế, ông bà đồ thực đã được an nhàn sung sướng. Bà đồ, dầu không có vốn riêng đi nữa, cũng không phải lo đến gạo củi cùng các đồ ăn uống thường dùng. Bà, dưới bộ áo vải quê kệch, xuềnh xoàng, tuy không hề tô phấn điểm son, mà vẫn trẻ non trẻ nõn, trắng nuột trắng nà, đẹp một vẻ đẹp lộng lẫy, thiêng liêng, không tài gì giấu kín được... Bà đã hết sức sống theo lối dân quê chài lưới, nhưng bao giờ tư cách và bộ điệu của bà cũng

là bà xa biệt lũ thôn dân. Bà chỉ ngày đêm chăm nom săn sóc đến chồng, thờ chồng hết bốn phận của một người hiền phụ. Chả thế mà ông đồ, không những yêu thương bà rất mực, còn quý trọng bà như quý trọng một bảo vật hiếm hoi. Đối với bà, ông cũng chấp tay lễ phép khi mời bà ăn uống, ông đáp lại bà bằng những ‘bẩm, thưa, vâng, dạ’ ai nghe cũng phải lạ lùng. Về ban ngày, ai cũng chỉ biết rằng ông bà đồ xử với nhau như khách. Nhưng nếu ai đã, lúc đêm khuya, len lỏi, vào đời tư đôi uyên ương trẻ đẹp ấy, người ấy sẽ hiểu rằng ông bà đồ chỉ dùng vẻ ngoài lễ nghĩa để che lấp vẻ nông nân khăng khít của sự ái ân đầm thắm mà bề trong, ông bà vẫn tặng dải nhau.

Tối đến, khi ông đã làm xong bốn phận dạy học trò (sự dạy học của ông

đây chỉ là một việc tiêu khiển cho qua ngày tháng), ông lại trở vào phòng cùng bà ngâm nga, chúng ta vịnh, cùng bà đọc kinh ân ái bằng một giọng náo nức, thâm trầm. Đêm nào cũng như đêm nào, nếu ông bà không cùng xem hoa đua nở, thì vịnh vai nhau đứng đợi trăng lên, nếu không, gặp buổi mưa rầm âm ỷ tuôn rơi, một cuộc cò hãm nước trà sen đã chìm đôi lứa vào một cảnh tiêu sấu cao thượng. Chưa từng thấy vợ chồng ai say mê nhau đến thế; ông bà đồ tự hồ như sinh ra để mến yêu nhau cho phỉ nguyện ba sinh. ú văn hoa một đôi phen làm yếu ớt tính tình, vợ chồng nhà hàn nho lại diễn một trò kỳ dị. Họ tìm buổi trời tối đen như mực, ra giữa sân đấu kiếm múa quyền.

Cũng vì sự đấu quyền, một tai nạn lớn lao đã phá tan hạnh phúc của ông bà mất non hai tháng! Bà đồ quên rằng mình đang kỳ thai nghén, cùng chồng thử sức hơn thua.

Nhân bà nhảy múa quá mệt trong hồi lâu, cái thai nhỏ bà mang bị trụy, thoát ra ngoài, làm bà phát sốt mất năm ngày mới khỏi. Trong khi bà ốm, ông đồ chỉ dạy học mỗi ngày một buổi sáng, để buổi chiều săn sóc đến bà. Ông tỏ cho họ biết ái tình ông đối với bà không có mãnh lực gì kiềm chế được. Nhất là giữa cơn đau yếu, ông càng còn yêu bà hơn, cho bà vui lòng chóng lại sức lực người.

Có nhẽ cũng vì thế nên chả mấy chốc bà đồ khỏi bệnh. Song thường thường, bà tựa hồ như buồn rầu, hồi

hận, bà thương tiếc cái thai vô tội vì bà mà không được thành người, hóa nên nhiều khi bà không được vui vẻ sung sướng như xưa nữa.

CHƯƠNG 9

 HẮM THOÁT MỘT NĂM
TRỜI ĐÃ LƯỢT QUA, kể từ
lúc hai vợ chồng ông đồ đến nhập tịch
làng chài lưới. Một hôm mùa đông rét
lạnh, gần tới vụ tết Nguyên đán, ông
đồ xách ô lên tỉnh có việc gì. Hình như
ông đi sắm đồ dùng để ăn tết cho thanh
thú. Trước ngày ấy độ ít lâu, nếu ai
ngắm kỹ bà đồ, người đó sẽ nhận thấy
một vẻ buồn rầu đau đớn in trên nét
mặt rõ rệt, dấu bà cố ý tươi cười cho

ông chồng đừng căn vặn hỏi han.

Ông đồ vừa đi buổi sáng thì buổi chiều ở nhà ông xảy ra một chuyện tối quan hệ, trong khoảnh khắc phá tan đập đổ hết hạnh phúc mà tốn biết bao nhiêu tâm cơ huyết lực, ông đã gây nên trong một năm trường.

Không hiểu bà đồ đưa mật thư đi khắp làng xóm tự bao giờ, mà chiều hôm đó, hầu hết các hào mục đình tráng đến tụ họp la liệt ở nhà bà, ngồi ngổn ngang chật ních cả sân và nhà học.

Mấy ông hào trưởng khăn thâm áo dài ngồi vắt vẻo trên cổ chiếu thượng, vừa vuốt bộ râu ba chòm đốm bạc vừa mở hầu bao lấy cối chầy ra giã trầu một cách nhọc nhằn. Xung quanh bộ phản

mà mấy cụ an tọa kê ở giữ nhà. Lúc nhúc một đàn đình tráng, kẻ ngồi xồm, người chóng nạnh, người đứng dựa cột, kẻ đi đi lại lại trong sân. ôi thì sức nức khói thuốc lào, đỏ ối quét trầu nhỏ tứ tung ở góc nhà xó sân, ngổn ngang bã trầu vút rải rác trên mặt đất. Người phe phẩy chiếc quạt nan, kẻ kéo tà áo lau ghèn mắt hay mồ hôi trán, người nhai trầu bồm ba bồm bẻm; mấy ông cụ già thì vừa uống trà, vừa hơ miệng chén lên mắt để xông hơi nước vào đôi đồng tử nhấp nhem.

Ai cũng như ai, họ đều ngạc nhiên, không biết bị gọi đến để mục kích sự gì quái lạ, rồi họ bàn ra tán vào không ngớt, đánh cuộc với nhau rằng hẳn ông bà đồ có sự vui vẻ nên mời làng đến đông đủ để tuyên bố cho làng biết, và nhân thể sẽ mời làng đánh chén một

bữa linh đình. Họ hỏi nhau việc đại hỉ đó là việc gì, lại cố bắt bộ óc dần dần của họ nghĩ ngợi và làm việc để đoán cho đúng ngày họ sẽ được no say phê phỡn.

Một vẻ ồn ào náo nhiệt làm vang động cả vùng thôn dã, tựa hồ như nhà ông bà đồ là một cái chợ giữa hôm có buổi chợ phiên.

Thôi thì nhộn nhịp, từng bừng; hơi mồ hôi trộn lộn với mùi quần áo lam lũ, tạo thành một bầu không khí nặng nề khen khét, nồng nực và khó thở.

Thiên hạ đến tụ họp ở nhà bà đồ đã ngót nửa giờ mà chưa thấy chủ nhân ngỏ ý ra làm sao cả. Họ có ý sốt ruột muốn ra về. Nhưng, chưa kịp về, họ thấy một vị nữ lang mặc rất kỳ dị ở trong buồng

đi ra; vị nữ lang ấy bước tới hiên vái chào các hào mục. Nhân dân đều lấy làm lạ quá khi thấy thiếu phụ đó là một mỹ nhân đẹp như tiên giáng thế; họ lại càng kinh khủng lúc nhận rõ vì tiên nga nào phải ai đâu xa lạ, mà lại chính là bà đồ. Nhưng bà đồ hôm nay ăn mặc một cách kỳ khôi khôn kể. Bà đội một cái hoa khôi bằng vàng nạm ngọc, mặc một bộ y phục chẽn bằng gấm huyền thêu phượng, thắt lưng bằng vóc mầu lam, đi võ hài trăn châu giát kim tuyến. Bên sườn bà đeo một thanh bảo kiếm ‘long phương’ chuôi ngà vỏ bạc, tay bà cầm một hộp nhỏ bằng trắc khảm với một gói nặng trĩu mà đặt nhẹ nhàng giữa phản, trước mặt mấy vị thân hào.

Trong khi dân chúng đương ngỡ ngẩn không rõ việc quan trọng gì, bà đồ ngoảnh mặt nhìn hết cả mọi người,

rồi bằng một giọng nói hùng hồn, đồng dục, nhưng trọ trẹ tiếng đường trong:

– Thưa làng, hôm nay tôi phiên làng tới đây là bởi có một câu chuyện khẩn yếu, tối hệ trọng, muốn ngỏ cùng chư vị. Từ khi hai vợ chồng tôi tới đây xin nhập tịch, chưa bao giờ chúng tôi kể rõ lai lịch cho làng biết.

Vậy bây giờ chính là buổi tôi phải khai tông tích của phu quân tôi và tôi, xin làng chịu phiên lắng nghe tôi phân giải một hai lời. “Phu quân tôi tên là Nguyễn Anh Tế, con trưởng quan Tây Sơn Hữu Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh, về sau này được triều Lê phong cho tước Đại Tư đồ Bằng Trung công. Còn tôi... tôi là quận chúa Võ An Trinh, con gái quan Phò mã Tả Đô đốc Võ Văn Nhậm, rể Thái Đức Hoàng đế.

Hai vợ chồng tôi quá yêu nhau nên lấy nhau, không được cha mẹ hai bên cho phép. Bởi lẽ ấy nên phải dặt nhau ra ẩn nấp ở vùng này. Tôi những tưởng cùng Nguyễn lang thủ phận an bản, ăn ở với nhau cho đến buổi da mồi tóc trắng. Nào ngờ trời xanh ác nghiệp, khiến vợ chồng tôi khó long trọng tình tư mà không nghĩ đến thù nhà. Cha tôi vừa gây nên một mối oán ngàn thu cho dòng họ Nguyễn. Tôi không thể nào trông thấy mặt phu quân tôi nữa, phải buộc lòng mang mối ái tình cắt đoạn làm hai. Tôi sẽ chết.

Song le, khi theo chồng, tôi có đem ít nhiều của cải. Ngày nay tôi thác đi, chồng tôi cũng khó lòng sống để hưởng phong lưu phú quý một mình. Tuy biết trước như vậy, tôi cũng không thể sống được nữa. Gia sản của vợ chồng tôi

thành ra vô chủ. Bởi vậy, tôi muốn đem chút của ấy phân phát cho dân trong hạt gọi là một chút vi thành. Hạt này có hơn trăm nóc nhà, toàn sống khổn khó về nghề chài lưới. Tôi muốn cho dân cư có chút đỉnh vốn để làm ăn, ngô hầu chóng được phú cường, thịnh vượng. Chỗ vàng ngọc và châu báu này giá đáng tám ngàn lạng bạc, chư vị nên bán đi rồi chia rất đều cho lũ dân nghèo. Chư vị nên tư túi lấy phần, tôi chết đi tất thế nào cũng phù hộ cho người ngay, mà trừ bỏ những phường gian giảo. Chư vị không nên khuyên can tôi, vô ích! Trí tôi đã định rồi thì khó lòng ai chuyển cho lay... tôi chỉ xin chư vị một điều: là giữ kín chuyện này cho tới lúc lang quân tôi mất hay bỏ hạt này đi biệt. Trước khi ấy, đừng nên nhỏ to bép xép, cho bề ngoài họ dị nghị lắm điều.

Tôi lại xin làng ra ân cho một việc này: vợ chồng tôi chết đi sẽ không có ai nối dõi; vậy trong khoảng 50 năm, tôi xin làng nhớ đến ngày hôm nay làm giỗ cho hai vợ chồng tôi, thì hồn tôi sẽ được thỏa mãn ở dưới chín suối mà bao giờ tôi cũng nhớ ơn làng. Vợ chồng tôi còn trẻ, chẳng may xấu số phải lìa rẽ nhau mà thác, vừa bất đắc chí, lại vừa bất đắc kỳ tử, tất thế nào cũng linh thiêng, làm thần phù hộ vùng này. Xin liệt vị chớ coi rẻ những lời tôi nói!

Hào mục và dân làng nghe xong đều ngạc nhiên kinh sợ, không ai hiểu vì sao bỗng dưng lại có câu chuyện quá dị kỳ. Họ được rõ hai vợ chồng ông đồ là con các quan đại thần đi lánh nạn, thì càng tôn kính bà đồ; lại nghe nói bà ban cho dân làng sở tại những mấy muôn vàng, thì vừa mừng vừa sợ, chỉ

nhìn nhau không biết nói thế nào cả.

Quận chúa không đợi cho hào mục trả lời có ưng thuận hay không, nàng đã chỉ gói bạc vàng châu báu để ở giữa giường, rồi giơ hai tay trịnh trọng giao cho ông Tiên chỉ hộp gỗ trắc khảm:

– Tôi mời làng tới đây là để từ giã bà con và cảm ơn làng đã có lòng yêu mến hai vợ chồng chúng tôi, coi những người hàng thôn chớ không phải người đến ngụ. Chúng tôi rất lấy làm cảm kích. Vậy gọi là xin có chút báo đền, mong chư vị vui lòng nhận lấy.

Tôi ra đi, không bao giờ còn gặp các ngài nữa, nói ra đau đớn thế nào! Sau khi khuất mặt tôi rồi, chư vị sẽ vì tôi, giao cho phu quân tôi hộp gỗ nhỏ này, kỷ niệm cuối cùng của cuộc tình duyên của vợ chồng tôi đó!

Thôi xin chào các ngài ở lại!

Nói dứt lời, An Trinh quận chúa vái chào mấy ông hào mục. Rồi trong khi dân chúng còn nhao nhao bàn tán, trong khi ông Tiên chỉ kinh hoàng chỉ ngồi chờ ra chả biết khuyên giải hay ngăn trở thế nào, quận chúa đã như một cái bóng, lẽ làng thoãn thoắt, phi thân nhảy vọt ra ngoài biến mất.

Từ lúc đó, không ai biết nàng sống hay chết; nàng không để lại một tăm tích gì rõ rệt, tuyệt mù khuất hẳn bóng hồng. iên hạ chạy ủa ra bờ bể đứng xem, chỉ thấy bọt sóng tuôn cao nước cồn cuộn cuộn; xác người bạc mệnh có nhẽ đã chìm sâu đáy biển, hoặc nữ anh hùng đã ro roi, quất ngựa, téch lên ngàn...

An Trinh chỉ để lại một mối ngậm ngùi thương tiếc, đè nén lòng lữ thôn dân chất phác, hiện ra trên mí mắt họ trong những dòng lệ lóng lánh, chảy từ từ xuống mấy trăm gò má đen sì...

Nguyễn Anh Tế về đến Sầm Sơn thì nhà cửa vắng teo, vắng ngắt, hỏi gia đình mới biết vợ chàng yêu đã hóa người thiên cổ mất rồi. Ông Tiên chỉ cho cầm lại giả chàng hộp khảm nhỏ bằng gỗ trắc, chàng mở ra nhìn thấy vật kỷ niệm, càng vật mình lẫn khóc, tâm can như bị mối thương đau vò cho tan nát rồi nhàu. Trên án thư trong buồng, quận chúa để lại một bức thư vĩnh biệt; chàng vội vàng bóc ngay ra, đọc một lượt rất nhanh.

Phu quân thân ái đích,

Thiếp không thể nào cùng sống với chàng được nữa, xin cúi lạy chàng, khóc mà từ biệt, mong chàng nghĩ ân tình mấy trăng chẵn gởi tha tội cho thiếp, thiếp đội ơn muôn thuở cũng không quên.

Ngày nay thiếp có ở lại trên đời cùng sống với lang quân, hai vợ chồng ta sẽ chỉ vì quá yêu nhau mà hối hận, rồi cùng chết cả. Nếu chúng ta không chết, trong hai người cũng sẽ có một người cắt bỏ mối tơ duyên. Âu là thiếp làm người ấy trước, cho khỏi phụ lòng chàng âu yếm thiếp mai xưa. Bởi lẽ gì, chàng cứ xem xong thì rõ.

Hiện bây giờ chàng chưa biết căn nguyên việc quyên sinh của thiếp, chắc chàng trách thiếp bạc tình. Nhưng khi

đã tỏ nguồn cơn, có lẽ chàng lại thương thiếp là người xấu số.

Ngày cùng chàng ngẫu nhiên thành gia thất, thiếp có ngờ đâu rồi ra chúng ta phải ép lòng vĩnh quyết nhau đây! iếp những muốn cùng chàng ngâm câu bạch đầu cho tới buổi mắt mờ răng rụng, trông mong ở tình trong sạch của đôi ta để cùng hưởng thú ái ân cho phỉ nguyện ba sinh. Có hay đâu, chàng ôi! Nửa đường gãy cánh uyên ương, khiến trên gôi phượng loan chàng phải ngậm sầu nuốt tủi!

Chàng vẫn biết cha thiếp và phụ thân chàng không có tình đồng sự, mà hai họ chúng ta có hiềm khích với nhau. Bởi quên nỗi oán thù gá nghĩa cùng chàng, nên thiếp hằng ngày vẫn cầu khẩn Trời Phật vì đôi ta, làm cho mỗi

nghi kỵ kia phải rã rời tiêu tán. Nhưng nhờ thiếp nào được Hoàng thiên soi xét, hai họ nhà ta đã mỗi ngày thêm một mối oán hờn, thì vừa mới được mấy hôm nay, phụ thân thiếp đã bắt được ông thân sinh chàng đem về Thăng Long đó! Tả quân đã hành tội Hữu quân, dựng lên giữa đôi ta một bức tường thù oán không thứ ái ân nào đập đổ.

Vẫn biết chàng hết lòng yêu thiếp, nhưng thù cha, chàng há nỡ quên sao? Thiếp dù ở lại, đôi ta cũng không còn mặt mũi nào trông thấy nhau nữa. Mối thù kia đã xen vào phá tan hạnh phúc êm đềm mà chúng ta hết sức giữ gìn xây đắp bấy lâu. Dẫu thiếp còn chung sống với chàng, mà vì tình, chàng vẫn yêu thiếp như xưa thì chàng chỉ là một kẻ nam nhi hèn mạt, quá mê nhan sắc vợ quên cả đến thù cha, chàng sẽ không

đáng mặt trượng phu làm chồng thiếp nữa.

Còn thiếp, nếu thiếp không biết liêm sỉ, dùng các thủ đoạn nhi nữ để mê hoặc lòng chàng, khiến chàng vong hẳn phụ thù, thì thiếp cũ Nguyễn Nhạc là một con tiện tỳ dâm dật, há phải người để chàng quý mến, yêu đương?

Vậy nên, không đợi chàng biết rõ tin tức đau đớn của gia đình, thiếp tự xử trước đi là hơn.

Chàng đã thấu lòng cho thiếp, đã hiểu nỗi đau đớn và sự hy sinh của thiếp, thì tội thiếp nặng trăm phần, có lẽ chàng cũng giảm nhẹ đi cho. iếp thác đi, đem xuống dạ đài một mối hận ngàn thu không giải được. Xác thiếp sẽ nằm dưới đáy bể, bên cạnh kho vàng mà hai

ta làm chìm đắm trong khi bị nạn Tàu Ô.

Thiếp sẽ làm thân giữ kho vàng ấy đó!

Thủa bình sinh hai ta có dùng hai đồng tiền Vạn Lịch để làm kỷ niệm cuộc tình duyên. Bao nhiêu châu báu trong nhà thiếp đã cho dân hạt này hết cả. Chỉ giữ lại cho thiếp đồng tiền bằng bạc, cho chàng đồng tiền bằng vàng. Đồng tiền vàng ấy, thiếp gửi ông Tiên chỉ giao lại cho chàng đó. Chàng nên giữ nó trong người cẩn thận, gọi là còn chút tang vật của một cuộc chung tình ngắn ngủi, nhưng nồng nàn.

Bức thư sau đây, thiếp xin chàng trao lại cho cha thiếp. Gặp cha thiếp, chàng dù muốn báo thù thì cứ báo, đó là

tự lòng chàng, thiếp đâu dám cản ngăn.

Rồi xin chàng cố gìn thân cho được mạnh khoẻ, quên hẳn thiếp đi, đừng nghĩ đến kẻ bạc mệnh này làm gì cho mệt. Chàng phải gắng lập công danh cho rạng rỡ gia tộc, rồi nối lại dây đàn để sau này có lấy mụn con trai.

Trân trọng mấy lời, chúc chàng ở lại, thiếp cúi đầu lạy chàng xin vĩnh quyết, chàng nên vì tình tha cho tội bất nghi này.

Võ An Trinh đón thủ.

Nguyễn Anh Tề đọc xong bức thư còn tưởng như mình mơ mộng; chàng giụi mắt đọc lại hai lần nữa; đọc bao nhiêu ruột càng như xé như bào. Một hồi, chàng ngậy ra như tượng, hai mắt đăm đăm nhìn vào quăng văn xa xôi.

Một lúc rõ lâu bỗng chàng đứng dậy, cau mày, giậm chân xuống đất, vươn tay với thanh kiếm treo trên tường xuống, tuốt vỏ ra. Kiếm tuốt ra được nửa chừng, chàng lại chán nản tra nó vào vỏ, ngồi phịch xuống ghế, ôm đầu nức nở khóc như một người con gái.

Chàng khóc không biết bao nhiêu thời khắc; khóc xong, lấy vạt áo chùi nước mắt, vùng đứng dậy, chạy vào buồng. Chàng thay đổi y phục, mặc một bộ nhung trang ngắn, nai nịt gọn ghẽ, ngậm ngùi giắt hộp gỗ trắc vào lưng, đeo kiếm và dao găm bên cạnh sườn. Xong xuôi, chàng ra ngoài dặn dò tên gia đình Lộc giữ lấy nhà cửa, gọi tất cả đầy tớ phân phát cho chúng một ít tiền còn sót lại, cho phép đứa nào muốn về thời về, đứa nào muốn đi tìm chủ khác thì tìm; rồi chàng ứa lệ từ biệt chúng,

quả quyết vùng đi ra đường, xăm xăm chạy về phía Bắc.

Bóng chàng một ngày một xa, chàng đi khuất vào ngàn cây nội cỏ, rồi từ phút ấy, vùng Sầm Sơn không được biết tông tích chàng đâu nữa.

Câu chuyện ông đồ đến đây là hết. Bà đồ đã gieo mình xuống nước, còn ông đồ bỏ làng đi biệt, chẳng trở về. Dân làng, nhận được của cải, đem về phân phát cho nhau, và theo lời dặn của An Trinh, cứ ngày 26 tháng chạp, lại thiết bài vị ông đồ bà đồ tại đình làng, rồi mổ lợn mổ trâu, làm lễ long trọng cúng vong linh của hai người quý khách đó.

Quả nhiên, cả hai cùng rất thiêng liêng, phù hộ cho dân bãi biển làm ăn

thịnh vượng. Đáng lẽ cứ đúng lời trối trăng của An Trinh quận chúa, thì sau 50 năm tế lễ, dân làng có thể bỏ tục làm giỗ cho quận chúa và công tử Nguyễn Anh Tể. Nhưng, vẫn nhớ ơn của hai vợ chồng ông đồ đã giúp dân và phù hộ dân một ngày một phát đạt thêm lên, các hào mục không bao giờ quên bốn phận đối với người đã chết, và hơn nữa, muốn cho vong hồn ân nhân được an linh mãi mãi, họ bèn đem bài vị cả đôi thờ chung với thần vị Thành Hoàng.

CHƯƠNG 10

HỒM ẤY VÀO MÙA XUÂN NĂM KỶ DẬU (1789). Mưa phùn rả rích đập tàu lá ba tiêu xiêu vẹo; gió bể ào ào làm râu rĩ mấy dây thông cao vút, lại phả vào mặt lỗ khách những luồng gió vừa lạnh lẽo, vừa ướt át, nặng mùi muống bể, đầy mầm sinh khí, khiến cho lỗ khách, tuy bị rét ẩm thấu thịt, mà vẫn thấy nhẹ nhõm trong lòng.

Lúc đó đã khuya. Trời tối đen mù mịt, con đường cát, ban ngày trắng xóa, bây giờ chỉ còn hiện ra như một nét cong queo mờ mờ trên một nền đen sẫm. Xa xa, dưới vòm mây vô định, mặt bể menh mông trộn lộn với màu mưa vô ảnh; đi trên đường chỉ thấy bao la bát ngát một không gian vô tận, chỉ cảm thấy bên trái là nước, trước mặt là núi, sau lưng là gió, trên đầu là mưa, tuyệt nhiên không nhận rõ một hình một sắc nào nữa. Tuy vậy, một làn hơi nồng hắc nhưng trong sạch khiến cho tinh thần và phế phủ khoan khoái, tai được nghe đồ dồn ngay cạnh mình tiếng ồ ạt của làn sóng đập vô hồi vào bãi cát, vào bờ đá, tạo thành một thứ âm nhạc buồn rầu và hùng hổ, xui ta bất giác ví âm điệu đó với hơi thở mạnh mẽ của Tạo vật, luôn luôn nhọc mệt mà vẫn điem

nhiên gắng sức, kiên nhẫn làm việc, làm ra những công trình vĩ đại nhưng vô dụng, mà mục đích quá cao xa không ở tầm suy xét của loài người...

Thực vậy, làn nước vô hình kia đang vỗ lên vỗ xuống, nó đêm này tiến rồi lại thoái, dâng rồi lại lui, nó đã làm tổn kiệt bao sức mạnh của Hóa công, nhưng không biết chủ đích của nó là để làm công cuộc gì hữu ích?

Trong lúc tối dày như mực, trên con đường cát ngừng ngoằn bao vành bãi bể Sầm Sơn, giữa cơn nỗ lực âm thầm của gió cả, sóng cồn, một lũ khách vừa rảo bước đi, vừa ngẫm nghĩ vẩn vơ kết quả hữu dụng của làn nước đêm ngày sôi nổi, của ngọn gió sớm tối quay cuồng. Chàng tự nghĩ: “Chả qua sự nghiệp con người, rồi cũng chỉ như

mục đích của sóng gió. Mãnh lực của tạo vật còn có sức nào đương nổi, thế mà những lực lưỡng ấy cũng chỉ dùng vào một công cuộc vô dụng. Huống chi là cái sức kém cỏi, nhỏ mọn của loài người! Có cả đời cạnh tranh bôn tẩu, rồi kết cục của mấy mươi năm cố gắng chả qua cũng chui vào hư không vô định mà thôi! Phú quý, vinh hoa, ái tình, danh nghĩa, đó toàn là những hư ảnh, những hư tự cả. Suy cho cùng lẽ, ôm làm gì một quan niệm cho đau thương, trong khi trời đất cũng còn không có quan niệm, nữa là mình!”

Vừa đi, vừa lẩm bẩm, lũ khách đương mải mê trong những vấn đề triết lý cao siêu. Bỗng chàng giựt mình đứng lại. Chàng vừa chạm phải một gốc cây mọc chìa ra quá ven đường. Lũ khách gật đầu, đi rẽ về tay trái.

Cách vài mươi bước, chàng dừng hẳn lại, nhún mình nhảy một cái rồ cao, vọt qua cái hàng rào, vào một cái sân hầu rộng. Vào tới sân, lũ khách như người rất thông thuộc đường lối trong cái nhà chàng hạ cố tới, chàng đi thẳng vào một gian phòng, gõ cửa.

Trong nhà người vật đều ngủ say sưa cả, lúc ấy đã quá canh hai. Một hồi lâu, có tiếng người ú ớ nói mơ, rồi có tiếng nhè nhè ngái ngủ, mãi mãi mới thấy tự buông trong phát một giọng gắt gỏng, cục cằn:

– Thằng chó nào, đến giờ này còn chui vào đây làm trò khỉ gì mà đập phá ầm ầm như vậy?

Đáp lại lời thô bỉ ấy là một câu văn tắt nói bằng một giọng đồng dục, cứng

cỏi, tựa như một mệnh lệnh oai nghiêm:

– Mở cửa mau, Lộc! Tao đây!

Nhận được tiếng truyền của lũ khách, tên Lộc hình như hết cả ngái ngủ, vội vàng ra mở cửa. Tiếng giầy dép lẹp kẹp, rồi tiếng then cọt kẹt, một khắc, lũ khách đã vào nhà. Trong nhà như ngoài trời, không một tia ánh sáng làm mất vẻ đen kịt của đêm trường u ám, chỉ nghe tên Lộc như cuống quýt nói:

– Con xin công tử xá lỗi cho. Con không ngờ cậu về. Cậu hãy tạm ngồi cho phép con xuống bếp thắp đèn lên và pha trà cậu uống.

– Ừ, mau lên!

Đến lúc chiếc đèn lồng xé bóng tối, toả trong gian phòng một ánh sáng vàng phờ phạc, lúc bấy giờ ta mới nhận rõ hình dung và diện mạo người lữ khách bí mật kia. Chàng là một thiếu niên vạm vỡ, lẫm liệt, mình mặc áo võ ngắn, đầu đội mũ da rái cá, lưng đeo bảo kiếm và cung tên. Nào phải ai đâu xa lạ, người đó là công tử Nguyễn Anh Tề.

Nhưng ngày hôm nay, Anh Tề lộ ra một vẻ mặt buồn rầu, chán nản, mất hết nét ngang tàng khí khái khi xưa. Đặt phịch lưng xuống kỷ, chàng vẫn vờ nhìn ra quăng trời mây ảm đạm, thở dài. Dùng xong mấy chén trà nóng, chàng cũng chả thềm vào phòng thay áo, cứ ngồi yên lặng hồi lâu. Một lúc, như giật mình nhớ lại một ý nghĩ gì, chàng gọi Lộc, bảo ngồi sát lại gần chàng, sẽ hỏi:

– Lộc ơi! Từ khi cậu ra đi, trong nhà này còn bao nhiêu người ở?

– Bẩm công tử, bao nhiêu gia đình đều tản mát về cả, chỉ còn có một mình con. Cậu có dặn con phải cố công trông giữ nhà này cho đến lúc cậu về; con không dám sai lời cậu chỉ bảo. Hiện nay trong nhà, ngoài con không có một người nào nữa, cũng không có một súc vật nào. Thực là hiu quạnh, vắng vẻ, bầm cậu.

– Lộc! Con thực là nghĩa bộc. Cậu có một câu chuyện này tối quan hệ, muốn phó thác cho con. Cậu muốn trông cậy ở lòng trung trực của con để giúp cậu làm cho trọn một sự rất cần, chả hay con có thể nhận lời với cậu, hết lòng giúp cậu, như con đã giữ nhà cho cậu không? Như thế nghĩa là con không

phụ lòng cậu thương mến con đó. Lột ả? Chẳng hay con nghĩ thế nào?

– Bẩm cậu, cậu bảo gì mà con chả làm theo lệnh cậu. Dẫu phải tan xương nát thịt, con cũng chẳng từ nan. Con trước kia là một phạm nhân, tội phải chết chém, nếu không nhờ cậu che chở cho, đút lót các quan địa phương để gỡ tội và chuộc cái sống cho con, thì con còn đâu đến ngày nay? Con xấu số đi thì thôi, chứ trời còn để ngày nào, ngày ấy khắc xương khắc tủy ơn sâu của cậu.

– Chuyện đó là chuyện cũ, con nhắc lại làm gì? Chỉ biết nay cậu phải nhờ con, con có nhận lời giúp cậu hay không, thì nói cho cậu rõ!

– Con đã bẩm hầu cậu: cậu bảo gì con cũng xin vui lòng nhận hết, dẫu

cho khó nhọc hay thiệt mạng đi nữa, con cũng xin làm cho đạt ý cậu thì thôi. Vậy xin cậu bảo rõ cho con biết.

– Lộc ạ, nói đến lòng cậu như xé ra muôn mối. Lòng cậu đã tan nát cả, nhưng càng nhắc lại, khối lòng kia vẫn còn đòi đoạn đau thương. Nhưng cậu cứ phải nói để con hiểu rõ. Có hiểu, con mới làm được việc cậu dặn cho tới đích. Con hãy lắng nghe cho kỹ Lộc nhé!

– Vâng!

– Con đã biết vợ con xưa kia là con quan Phò mã Tả quân Đô đốc của vua Tây Sơn, tên là Võ Văn Nhậm. Mà cậu là con quan Hữu quân Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh. Cậu quen vợ con từ ngày ở Qui Nhơn, cách đây vài bốn năm rồi.

Cậu có phen thí võ với mợ con, thấy mợ con có bản lĩnh cao cường, cậu bỗng đem lòng yêu dấu. Gia dĩ, sau được biết mợ con, con nhà quý phái, lại thấy mợ con có nhan sắc lác nhận trầm ngư, cậu mê mợ con. Mợ con cũng có lòng yêu cậu nên hai vợ chồng cậu, lén nhà, thể bồi gắn bó với nhau. Những tưởng như thế ắt sẽ được thành một đôi uyên ương tốt lứa, có ngờ đâu ông Cao xanh ác nghiệt hay ghen ghét với những kẻ được hưởng mùi hạnh phúc, rồi bày ra cảnh trở trêu!

Một mối thâm thù, mà căn nguyên không rõ ở từ đâu, đã dựng đứng một bức tường oán hận giữa hai gia đình họ Võ và họ Nguyễn. Quan Tả quân không bao giờ có lòng dung Hữu quân, cũng như Hữu quân nếu có dịp, thì không để Tả quân yên ổn.

Cậu chẳng may còn trẻ, không được rõ các lễ ấy, hóa nên khi thấy An Trinh quận chúa, mợ con, thì cậu thương yêu ngay. Cũng vì hai bên có tư tình, khi phụ thân cậu và nhạc phụ cậu ra Bắc Hà đánh Trịnh, thì cả cậu cả mợ con, cố sống cố chết theo ra cho kỳ được, ngõ hầu sum họp cùng nhau.

Từ Bắc Hà trở đi, lại bao nhiêu tai nạn tự nhiên xảy đến. Quan Tà quân gặp khi vua ái Đức ra Thăng Long, bèn xúc xiểm nói xấu phụ thân cậu, rồi xui vua cùng Uy quốc công Nguyễn Huệ nửa đêm lén rút quân về, để một mình họ Nguyễn chơ vơ ở lại. Quân sĩ về cả, duy có một mình mợ con, lúc ấy ăn mặc giả làm bộ tướng quan Tả quân, bỏ nhà lén báo tin cho cậu biết. Cậu vội vàng lên bẩm cụ, cụ hoảng hốt cho xếp cả gia sản và đồ đạc xuống thuyền, đêm

ngày theo rượt quân Tây Sơn, vào Nghệ An bằng đường thủy. Cậu và vợ con lúc ấy được coi giữ chiếc thuyền thứ ba, là thuyền chứa nặng những ruộng tiền và vàng bạc châu báu. Không may cậu bị bão, lại gặp giặc Tàu Ô, bốn tên gia đình đều bị giặc giết chết; cậu vợ lâm thế cô phải đực thuyền cho đắm, rồi nhảy xuống bể, lặn vào bờ lánh nạn. Tiền và vàng bạc mất cả, lúc đắm thuyền, chỉ tẩu được một ít châu ngọc và đồ tư trang vợ con bó thành một bó nhỏ, thắt vào lưng.

Cậu và vợ con, sẵn có ba bốn tội nặng, không dám trở về quê quán nữa. Đoàn ở ngụ cư tại đây, định lấy ái tình khăng khít để quên cả gia đình, quên cả mọi sự phú quý công danh trên trần thế nữa. Cậu và vợ con định sống một cuộc đời thanh đạm an nhàn.

Nhưng, hỡi ôi! Trời cao xanh cay nghiệt nào có để cho hai chúng ta được hưởng hạnh phúc cho tới buổi da môi tóc bạc. Một việc quan trọng xảy ra giữa cuộc chung tình của cậu và mợ con, khiến mợ con, vì quá yêu cậu, phải hy sinh cả ái ân lẫn sinh mệnh! Việc ấy, tức là kết quả của một sự thâm thù chia rẽ họ Võ và họ Nguyễn, nó làm cho cậu không dựng mồ côi cha, không dựng goá mợ; nó tức là sự Tả quân hành tội Hữu quân ở Thăng Long thành đó! Cậu ở yên phận trong vùng Sầm Sơn vắng vẻ này, xa hết cả mọi việc đời túi bụi, còn làm sao biết cái tin đau đớn thảm khốc ấy? ế mà, không hiểu vì đâu, mợ con biết được rõ ràng đích xác; ba hôm sau khi hai cụ và cậu Hai nhà ta bị hại, hung tin đến tai mợ con. Mợ con một mặt sai cậu lên tỉnh dò la sự thể, một

mặt tụ dân làng lại chia của cải trong nhà.

Cậu ở Thanh Hóa về, thì mợ con đã là người thiên cổ. Ở Thanh Hóa cậu cũng được tin mang máng rằng cụ nhà ta phò triều Lê mà đương bại trận, nhưng có hay đâu ngài đã bị nhạc phụ cậu là Võ Văn Nhậm giết rồi!

Mợ con chết đi là có ý muốn để cậu đừng vì tình mà quên cốt nhục. Mợ muốn cho cậu được tùy tâm hành thích phụ thân nàng. Lộc ơi! Mợ con đã tỏ ra nàng là một phụ nhân hiếm có trên đời; cậu dù đối với cha nàng đeo một mối tử thù, nhưng nàng đã xử sự như thế, thì cậu nữ quyết liệt làm sao cho được? May thay! Sự vật ngày nay lại hoàn toàn đổi hẳn, khiến cậu trả được thù mà không phải giết Tả quân...

Có lẽ trời xanh, sau khi đầy đọa cậu, đã hồi tâm thương cậu, không muốn cậu phạm vào một tội lỗi mà ngàn thu cậu vẫn ghê sợ, e ngại, không nỡ làm. Mẹ con đã quá yêu cậu, tự hủy thân đi để giữ mối chung tình cho trong sạch đầy đủ, cậu nỡ lòng nào không thương vợ, hung ác cầm dao đâm vào cổ họng cha nàng, nhúng tay vào vũng máu đã tạo ra nàng? Một kẻ phụ mình là anh hùng, cũng không có gan ấy được. Chỉ có loài mãnh thú mới đang tâm tàn nhẫn mà thôi! Nhất là khi cậu được giáp mặt Tả quân, thì đương lúc ông sắp bị đầu rơi khỏi cổ dưới lưỡi gươm đao phủ!

Song le không báo thù một cách bạo động, cậu đã làm cho tâm hồn nhạc phụ cậu, trước khi lìa khỏi xác, bị đọa

đầy trong một niềm hối hận vô biên.
Thế là đủ.

Giờ đây, giữ sạch được một gánh nặng nề mà ân oán đã gây nên, cậu còn phải lo trả sạch một chút nợ nam nhi trước khi liêu mình tự tận. Phải, vì thế nào cậu cũng phải chết, cậu sẽ chết! Trên bàn cờ, mợ con đã nhẫn tâm xóa cuộc, có lẽ đâu cậu còn gan ngồi đánh mãi một mình! Vả chẳng, cậu là người thứ tư còn sống sót sau một cuộc phong ba hủy hoại cả gia đình cậu, cậu còn ham cầu hoạt làm gì?

Nhưng, cậu còn chút bốn phần phải làm trọn vẹn trước khi theo cha, theo em, theo vợ, vào cõi hư linh bát ngát. Cậu sẽ sống thêm ít tuần nữa, sống để đuổi theo một mục đích tối thiêng liêng.

Cậu con nhà dòng dõi trăm anh, lại còn trẻ không thể chết tối tăm như mộ con được, phải có chút công danh sự nghiệp để lại cho mai hậu, ngõ hầu thoả nguyện bình sinh, và đoạt ý chí của phụ thân cậu. Cậu hẳn phải sống. Bao giờ nguyện vọng của cậu hoặc đạt được, bây giờ sẽ chết cũng không muộn gì.

Cụ nhà ta sinh thời ăn lộc nhà Lê, vừa đây lại thụ tước nhà Lê, mà đến chết cũng giữ vững được cơ đồ cho vua Chiêu ống. Cơ đồ ấy nay đã về tay kẻ khác, vua Lê đã trốn sang Tàu. Cậu sẽ là người nối lòng ước muốn của ông cha, khôi phục lại xã tắc cho Lê triều đó! Cậu sẽ là một bầy tôi trung thành tận tụy, giúp vua trong buổi long đong. Cậu sẽ xây vững ngôi bảo tọa cho nền chính thống.

Dù thắng, dù bại, cậu cũng sẽ cố làm. Cậu sẽ làm cho đến buổi, sức yếu, lực tàn, cậu ngậm cười mà chết giữa chốn sa trường đẫm máu! Nếu không được hạnh phúc lấy da ngựa bọc thây, cậu lại tìm về đây cùng mẹ con lấy đày bể làm mồ. Cậu sẽ chết cạnh mẹ con cho phỉ tình ân ái.

Bây giờ, cậu phải cùng con vĩnh quyết; ngày nay con trông thấy cậu, ấy là trong buổi cuối cùng. Từ buổi này trở đi, thầy trò ta sẽ không bao giờ gặp mặt nhau nữa. Trước khi tương biệt cậu cần dặn con mấy việc rất cần. Con nên nghe kỹ mà ghi lấy trong lòng, để sau này làm cho đúng lời cậu bảo!

Bao nhiêu đồ đạc của cải trong nhà, cậu cho con cả. Sau khi cậu đi rồi, con sẽ đem hai bức thư này, một bức về

Nghệ An, một bức về Phú Xuân. Con sẽ tìm về làng Châu Lộc, hỏi thăm cụ Nguyễn Hữu Bằng, tức là chú ruột cậu đó. Trong hai bức thư, con giao cho cụ một bức, còn bức nữa con sẽ giao cho Thọ Huê công chúa, tức là Võ Văn Nhậm phu nhân, ở Phú Xuân.

Trong hai bức thư đó có kể rõ cuộc tình duyên giữa cậu và vợ con, lại thuật rõ những lẽ đã làm cho cậu vợ phải nửa đường chia rẽ. Những dấu vết và sự tích kho vàng cậu làm chìm nơi đáy bể, cậu đã biến chép rõ ràng. Người đời sau ai có duyên thì cứ đến đúng chỗ mà khai lên, một gia sản lớn sẽ về tay người đó...!

Con nên nghĩ đến ân nghĩa thầy trò, giúp cậu đem thư này cho tới đích, đừng nên để thất lạc đi. Ở ấy, dù dưới

suối vàng, cậu cũng ghi tâm mãi mãi...

Thôi, con ở lại, cậu đi...!

Dứt lời, như một cái bóng lẹ làng, Nguyễn Anh Tế đã nhảy vọt ra ngoài, đi biến vào cõi tối mịt mùng thăm thẳm.

Ngoài trời, mưa vẫn tuôn gió vẫn phả, sóng cồn vẫn nổi lên dào giạt, tung những làn bọt trắng xoá giữa vùng nước thẳm đen sì...

Tên gia đình Lộc, tựa cửa đứng trông, tưởng tượng như cố chủ đem thân vào cõi chết...

CHƯƠNG 11

VÀO KHOẢNG HẠ TUẦN THÁNG MỘT NĂM ĐINH VỊ (1787) [Đinh Mùi]. Trên con đường thiên lý chạy từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, một đoàn lương dân đi lánh nạn tất tưởi tiến bước, không quản đêm ngày. Đoàn đó tất cả độ năm chục người, nhưng chỉ có ba người cưỡi ngựa, còn bao nhiêu thì đi bộ cả. Họ cũng ăn mặc quần áo vải, song khách bàng quan ngắm nhìn cách họ cử chỉ với nhau, thì

tưởng chừng ba người cưỡi ngựa kia là chủ mà lũ đi bộ tức là bọn gia nhân vậy. Đi đầu là một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, đầu quấn một vành khăn nhiễu tam giang, mình mặc áo the kép, đội nón dứa, đi văn hài, mẽ mặt ngại ngùng lo lắng. Trên yên ngựa, trước mặt ông ta, một đứa trẻ con độ bốn tuổi, mặt mũi sáng sủa lanh lợi, ngồi dựa lưng vào lòng ông, mồm nhí nhoén cười, tựa hồ lấy sự hành trình làm thú vị lắm. Một tay mắc cầm roi, tay nữa lại cầm cương, người đàn ông đó phải lấy một giải lụa dài buộc đứa trẻ con chắc chắn vào mình, cho nó đừng bị ngã trong khi vó ngựa gập ghềnh lên xuống.

Theo sau người đàn ông, đi song song hai con ngựa bé nhỏ, trên ngồi hai người đàn bà. Một người đã ngoài bốn

mười, ăn mặc diễm dẫn, người thứ nhì là một thiếu phụ trạc hai mươi tuổi, mà bộ quần áo đen bằng sồi càng làm tăng vẻ đẹp thủy mị và nước da trắng nuột như ngà non.

Lục tục nối gót ba người kỵ mã, ấy một bọn hơn bốn mươi người, trai nhiều, gái ít, coi bộ đã mỗi một cái, nhọc nhằn lê bước, cố theo cho kịp chủ đoàn.

Họ đi một quãng độ bốn dặm đường thì, may thay một quán trọ rộng rãi đã hiện ra dưới bóng một cây đa um tùm xanh ngắt. Độ ấy về mùa đông, gió bắc phả, rét cắt da cắt thịt; mặt mũi và tay chân lũ bộ hành đều thâm tím lại rất đáng thương.

Dừng ngựa cách quán làng độ dặm trượng, người đàn ông có đứa trẻ con

trong bọc quay đầu lại nói nhỏ với người đàn bà đứng tuổi:

– Xin lệnh bà cho phép xuống đây nghỉ một chốc rồi lại đi, nay đã gần Đồng Khê cũng chả còn bao lâu nữa thì đến Cao Bằng.

Người đàn bà sửa lại tà áo bông và mái tóc hơi lòa xoà dưới vành khăn vuông mở quạ, nhìn người đàn ông, một cách buồn rầu:

– Tiên sinh cứ tùy tiện, liệu định thế nào cho phải thì làm, không cần hỏi đến tôi nữa! Nay ruột tôi rối như mớ bông bong, còn hơi sức đâu nghĩ tới những việc vặt.

Người đàn ông được gọi là tiên sinh, không phải là một lương dân đi lánh nạn, chính là một vi quan đương

triều vâng lệnh vua Chiêu ổng đưa hoàng gia lên tạm trú ở Cao Bằng, ông Lê Quýnh. Đứa bé con ông đùm trong bọc tức là Hoàng tử mà hai người đàn bà cưỡi ngựa kia, người già là ái Hậu, người trẻ là Hoàng Phi. Trong bọn người đi bộ có ba mươi người tôn thất, còn bao nhiêu đều là nữ tỳ cùng thị vệ theo hầu.

Giữa lúc họ hàng nhà vua, nhọc nhằn, kham khổ, dầm dãi nhau tất tưởi trên đường lánh nạn, thì vua Lê, cùng vài vị trung thần và Bằng trung Công đại tư mã Nguyễn Hữu Chỉnh đương đóng đồn chống cự với quân Tây Sơn tại Mục Sơn, về vùng Yên Thế.

Nguyên từ ngày vua Thái Đức cùng Uy quốc Công Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bỏ xứ Bắc trở về Nam, sau khi đã

phù Lê diệt Trịnh, thành Thăng Long, tạm yên ổn được vài tháng. Vì trải qua nhiều nạn binh đao, khiến giường mỗi nhà Lê, chưa được vững vàng, lại rồi bết khó lòng gỡ nổi. Nhân dân hưởng thái bình được non hai tháng, lại nhao nhao sợ hãi, kẻ chạy trốn, người ở lại, không còn ra thể thống gì cả.

Đáng lẽ sau khi Nguyễn Huệ đã diệt họ Trịnh để trả quyền bính đất Bắc lại trở về tay vua, Lê Mẫn đế phải lấy cái dịp hiếm có và cái cơ hội may mắn ấy để lập lại nền cai trị. Tiếc thay! Vua quan lúc đó chỉ là một loạt bù nhìn vô dụng: Chiêu Thống thì trẻ người non dạ, không có tài quyết đoán, mà đình thần thì toàn là lũ giá áo túi cơm, không biết kinh luân chiến lược, còn nhát như thỏ.

Thái Đức Hoàng đế vừa đi khỏi chưa đầy hai tháng, chốn Bắc Hà lại hóa ra trường binh lửa điêu tàn. Bây giờ, có hai tên dòng dõi nhà Trịnh, một tên Bồng, một tên Lệ, không biết tụ họp ở đâu được dăm ngàn quân mã, đem binh về Thăng Long đánh nhau để tranh cướp quyền hành. Các quan nghe có giặc tới nơi, lại như lúc còn đời Cảnh Hưng Hoàng đế, chưa đánh đã vung cẳng chạy trốn cả, bỏ một mình vua cùng dăm tên nội thị ở lại chốn triều đường.

Ngoài thành, chả bao lâu, Trịnh Bồng phá tan quân Trịnh Lệ, rồi vào đền Vạn ọ yết kiến vua. Chiêu ống bèn giáng chỉ cho gọi các quan trở về; thấy giặc đã yên, họ lại ló đầu ra cả. Rồi giữa đình Kính iên, họ cãi nhau như mỏ quạ, kẻ bàn ra, người bàn vào, kẻ muốn

gây lại nghiệp Chúa, người quả quyết chỉ tôn phù nhà Lê. Bấy giờ, có Dương Trọng Tế, vốn chân khoa bảng đương làm quan trong triều, về hòa với Trịnh Bồng, hết sức giúp cho Bồng được cầm quyền chính.

Vua Chiêu Thống lúng túng, không biết nghe bên nào là phải, nhưng vì tình thế bó buộc, lại nể lời khẩn cầu của Dương Trọng Tế cũng dần lòng phong Trịnh Bồng là An Đô Vương, sai dựng Liêu phủ mới cho y ở.

Bồng nhờ ơn Trọng Tế có công thủ xưởng cho Tế dự vào giữ quyền chính trong phủ. An đô vương khi đã đắc lực rồi, vội lên mặt ngay, toan bề hiếp vua như các ông cha thuở trước. Lại được tay quân sư họ Dương hết sức siểm nịnh, bàn với Trịnh Bồng phế vua đi

để tự lập, rồi sai người Nguyễn Mậu Nễ đem quân vây thành bắt Chiêu ống để giết đi. Đời sau chép việc ấy, pho ‘Nam Sử diễn chúng ta’ phê rằng:

Trách thay Trọng Tế họ Dương,

*Cũng trong khoa bảng cũng phường
đai cân.*

Sao không biết nghĩa quân thần,

*Bày mưu phế lập, sắp quân vây
thành.*

Non sông còn mặt triều đình,

*Bạc đen xem thấy nhân tình mà
ghê!*

Khi Mậu Nễ đem quân đến vây bắt vua, may sao có lão tướng Hoàng Phùng Cơ, tức quận Thạc, ở trong thành phò

Lê Mẫn Đế. Quận Thạc sợ mang tiếng xấu, sai thủ hạ trèo lên thành mắng đuổi lũ nghịch tặc, khiến chúng phải hổ thẹn kéo lui; xong đầu đẩy mới vào tàu vua rõ và xin vua quyết định về việc ấy.

Chiêu Thống nghe tàu vừa giận vừa sợ, lại thấy cơ nghiệp lung lay sắp đổ, nghĩ ngay đến Nguyễn Hữu Chỉnh là người trung nghĩa, cho kẻ tâm phúc đem mật chỉ vào Nghệ An mời Chỉnh ra giữ vững Sơn Hà. Hữu Chỉnh, sau khi xuống thuyền chạy tắt tuổi theo vua Thái Đức, bị nạn phong ba trôi tạt vào bờ. Đổ bộ đi đến Nghệ An, thì vừa gặp đại binh của Tây Sơn nghỉ chân ở đó. Vua Thái Đức rõ lòng Chỉnh trung trực, lại thấy y cố ý theo nhà Tây Sơn cho đến cùng, bèn thương tình không nổi là bỏ y như trước, cho phép ở lại

giữ đất Nghệ An cùng quan trấn thủ Nguyễn Tuệ. Chinh bèn đóng đồn trại ở đó cùng con thứ là Nguyễn Anh Du, đêm ngày hết lòng mong tin tức của trưởng tử là Nguyễn Anh Tề, nhưng càng mong càng phải đành yên trí rằng Anh Tề đã bị bão chết rồi, không nghĩ đến chàng nữa...

Ở Nghệ An, Chinh chiêu mộ dũng sĩ, mãi mã tụ binh, rèn luyện khí giới, sáng chiêu tập trận. Chẳng bao lâu, binh bản bộ có hơn một vạn, có đi đánh chốn nào cũng dư lực, không còn e ngại điều gì. Khi nhận được mật chiếu của vua, Chinh bèn thảo một bài hịch truyền đi trước, và cho bắt quân, tức khắc được đến hơn muôn, rồi chia ra làm đội tứ thành, đội tứ đột. Chinh thân xuất quân mã ra Thăng Long đi đến Hoa Lâm, gặp quan trấn thủ cũ

là Bùi Đình Toại, đánh cho Toại một trận ráo riết khiến Toại phải thua liểng xiểng bỏ chạy. Qua anh Hóa, lại phá tan lũy tướng sĩ trong trấn ấy, chém chết quan trấn tướng là Trung Nghĩa Hầu. Chả mấy ngày đại đội binh mã đã kéo đến Dân Khâu (về hạt Ninh Bình). An Đô vương sai Dương Trọng Tế đem binh chống lại. Chỉnh dàn quân đánh Trọng Tế phải trốn về Bắc Ninh. Trịnh Bồng thể yếu sức cô, cũng phải chạy sang Gia Lâm nấp trong nhà Trọng Tế, rồi thu vét của cải, nửa đêm trốn tuột vào rừng.

Chỉnh đuổi xong Trịnh Bồng, hiên ngang lẫm liệt kéo quân vào thành Thăng Long; Vua Chiêu ống thân ngự ra bến Tây Long duyệt binh, phong cho Nguyễn Hữu Chỉnh làm đại tư đồ, thụ tước Bằng trung công; con là Nguyễn

Anh Du cũng được phong làm ành Đình hầu chính bèn lấy phủ Chúa làm dinh cơ, đóng quân lại Bắc thành để gìn giữ nhà Lê khỏi bị những cơn tai biến.

Từ đó, Trịnh Bồng cũng một vài phen toan dấy binh khôi phục lại oai quyền đã mất, nhưng hễ đánh trận nào thì trận ấy bị thua xơ xác, không còn manh giáp trên vai. Bao nhiêu công trình của hãn thành ra vô dụng cả. Buồn bã, chán nản, hãn bỏ hãn việc cạnh tranh khó nhọc, cạo đầu vào núi đi tu. Họ Trịnh, đến đời Trịnh Bồng là dứt hãn.

Chỉnh từ thuở xưa, vốn đã có danh tiếng ở Bắc Hà; nay lại được vua yêu, cho hưởng quyền cao tước cả, tiếng tăm lại càng lừng lẫy thêm lên mà tân khách lại

càng đến đông hơn buổi trước. Chỉnh thấy mình được phú quý, cho là thời vận đã đến, có ý ỷ mình tài hoa lỗi lạc, rồi ngạo nghễ tự đắc, coi thiên hạ bằng nửa con mắt, làm lắm điều càn dỡ, đến vua Lê cũng phải lấy làm phiền, đem bụng ghét, mà nhân dân đều có ý ngờ.

Chỉnh thấy mình đường đường ngôi cao tước cả, lấy làm sung sướng lắm cho dán trước cửa một hai câu đối, để cho thiên hạ biết mà thần phục và kính sợ mình. Đối rằng:

Mở khép càn khôn, có ra tay mới biết;

Ra vào tướng tướng, thử liếc mắt mà coi.

Chỉnh có ý muốn nói mình đã đạt được chí anh hùng, vì đã ra tay đẹp

tan dư đảng Trịnh, nhất đán ngồi hàng tướng tướng làm gương cho thiên hạ trông vào.

Câu hát của thần nữ xưa kia mãi đến bây giờ mới nghiệm. Thế lực và những sự hành vi trái phép của Chĩnh đồn mãi đến tai Nguyễn Huệ trong Nam. Huệ lúc ấy được phong làm Bắc bình vương, nghe nói Chĩnh đặc thời có ý phản lại nhà Tây Sơn bèn cho người đem ra cho Chĩnh một bài thơ tứ tuyệt:

Ai ra ngoài Bắc nhẩn Chim Bằng¹²

Lông cánh bao nhiêu dám vẫy vùng?

Lộng lộng lưới trời sao thoát đặng.

Rồi xem ta bắt bỏ vô lồng!

12 Chĩnh xưa kia được gọi là ‘Chim dữ’, sau này lại thụ tước ‘Bằng quận công’, vì thế nên Nguyễn Huệ gọi Chĩnh là ‘Chim Bằng’.

Huê một mặt nhắ trước cho Chỉnh biết, một mặt sai Phò mã Võ Văn Nhậm làm Tiết chế, đem một vạn tinh binh ra Bắc Hà bắt Chỉnh.

Quân thủy bộ do Võ Văn Nhậm đốc xuất không kỳ ngày đêm kéo tuột ra phương Bắc; khi qua anh Hóa, đến thành Phố Sơn, gặp binh mã của quan Trấn thủ là Nguyễn Duật, Duật không dám chống cự, lui quân xuống giữ mặt Trinh Giang, để mặc cho Võ Văn Nhậm thẳng ruổi ra đến hạt Ninh Bình.

Nguyễn Hữu Chỉnh nghe rục rịch có quân Tây Sơn ra Bắc, bèn cho con là Thành đình hầu Nguyễn Anh Du coi tiền đội đi trước, dàn quân trên Bắc ngạn sông anh Quyết để ngăn quân Tây Sơn tiến lên. Chỉnh thì tự đốc hai vạn tinh binh giữ mặt bộ. Võ Văn Nhậm sai

quân thủy, vốn có tài lặn lội, nửa đêm bơi ngấm dưới nước, lấy thùng chèo buộc vào mũi thuyền của quân Nguyễn Anh Du. Rồi nhân lúc trời tối đen như mực, quân Tây Sơn nổi hiệu, ra cầm đầu dây kéo mãi, bao nhiêu thuyền Bắc Ngạn đều trôi về Nam Ngạn cả. Lúc bấy giờ, chúng mới nổi hiệu súng bắn về phương Bắc; quân bộ của Nguyễn Hữu Chỉnh vội vàng bắn lại, ai ngờ lại bắn phải quân thủy của Nguyễn Anh Du, vì quân Tây Sơn, sau khi kéo thuyền về mé Nam, bỏ lên bờ lẩn tránh cả.

Thủy binh của Anh Du bị bắn, cũng nhằm phía có tia lửa bắn lại, bắn mãi đến gần sáng, chết mất quá nửa bây giờ mới nhận ra rằng quân cha bắn lẫn quân con.

Anh Du sợ hãi bỏ thuyền lên bộ

tìm kế thoát thân; các thủy binh cũng hoảng hốt nhảy xuống sông bỏ chạy, thành ra không mất chút công đánh phá nào, quân Tây Sơn chiếm được cả các thuyền bè. Về phần quân bộ của Hữu Chinh đóng ở Bắc ngạn, thì một số đông bị đạn của thủy quân bắn chết, còn bao nhiêu đều chạy tản lạc, Chinh hãm cũng không nổi, phải đành thua trận, lui tàn binh về đóng ở Châu Cầu.

Quân xứ Bắc từ buổi nào đến giờ vẫn toàn là một lũ ô hợp và lười biếng đã nhút nhát còn khoác lác, chỉ dùng làm quân để đi trong đám rước thì đẹp, nhưng không thể đem ra chiến trường. Một vạn dũng sĩ ở Nghệ An đưa ra, quá nửa đã chết hoặc bị thương khi đánh nhau cùng họ Trịnh, còn bao nhiêu trộn lộn với quân xứ Bắc cùng tập tính quen sự lười biếng đi rồi.

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh lui về Châu Cầu, Võ Văn Nhậm thúc quân ráo riết đuổi theo, hai đội binh Nam, Bắc lại xung đột một lần hăng hái nữa. Song le, quân Nghệ đánh không hết sức mà quân Bắc thì e sợ quân Tây Sơn đã từ lâu rồi, vì lần nào cũng bị quân Tây Sơn đánh cho đại bại. Cái sợ ấy in sâu trong trí họ, hóa nên chưa lo đánh đã lo lùi. Trận Châu Cầu lại phải để cho Võ Văn Nhậm thắng thế.

Hữu Chỉnh thua luôn hai trận, núng thế quá, phải bỏ thành Thăng Long cho quân địch, phò xa giá vua Chiêu ổng sang Kinh Bắc. Họ hàng nhà vua thì do ông Lê Quýnh đưa lên tị nạn ở Cao Bằng.

Vua tôi Hữu Chỉnh, sang đến Kinh Bắc, quan Trấn thủ tỉnh ấy là Nguyễn

Cảnh Ước làm phản đóng cửa thành không cho vua vào. Vua và Chỉnh phải thúc ngựa chạy lên Yên Thế; Khi đi đến bờ sông Nguyệt Đức, trong khi chưa có thuyền chở sang đò, Chiêu Thống và mấy kẻ theo hầu lại bị đẩy tớ Nguyễn Cảnh Ước đón đường cướp bắt. Túng thế, Lê hoàng phải cởi cả áo ngự bào mặc đồ thường phục, mới thoát được nạn, cùng cha con Hữu Chỉnh chạy lên Mục Sơn, đóng đồn tạm ở đó.

Võ Văn Nhậm đuổi được quân Chỉnh, kéo đại binh vào Thăng Long, lấy phủ Bằng trung công làm hành doanh, rồi tụ bọn tướng đi theo mình là Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân cùng Nguyễn Văn Hòa để bàn định kế hoạch bắt Chỉnh. Hòa tình nguyện đem quân bản bộ lên Yên ế để cướp trại, Nhậm cho đi.

Trời độ ấy về mùa đông rét mướt, về ban đêm thường mây ám lấy cả trăng sao, Nguyễn Văn Hoà bèn cho quân đi rất nhẹ nhàng, người ngậm tăm, ngựa tháo nhạc, kéo thẳng lên Yên Thế.

Nguyễn Hữu Chinh và Chiêu Thống đương ngồi trong trại đàm luận bỗng nghe tiếng hò reo âm ỉ, rồi thấy lửa cháy rực trời và ẩn hiện lấp ló trong ánh sáng không biết bao nhiêu quân mã kéo đến rầm rộ. Mấy tên nội giám trung trực phò vua lên ngựa chạy trốn trong khi Nguyễn Hữu Chinh nai nịt gọn ghẽ, vác siêu đao ‘Cổ Đỉnh’ xông ra, tả xung hữu đột, phá quân Tây Sơn để tháo lấy một huyết lộ. Chinh đánh mãi mà rào người vẫn không núng, lại nghe bốn bề những tên quân Bắc Hà kêu khóc sầu thảm, lại càng sồn lòng. Quân Tây Sơn thì vây bọc như thành,

reo hò hăng hái, càng ngày khí thế càng mạnh, khó lòng phá vỡ được.

Con thú Chỉnh là Thành đình Hầu Nguyễn Anh Du thấy cha đánh không đổ bên địch, cũng hăng máu nóng mặt, vác hoe kích xông xả vào đám hùng binh trăm vạn, đi đến đâu rẽ ra đến đấy, nhưng cắt được vòng này lại thấy có vòng khác, mà những vòng bị đứt thì đứt xong lại thấy nối liền ngay. Anh Du múa ngọn Phương thiên bạch quang bao bọc người chàng khi ẩn khi hiện, khiến cho quân Tây Sơn trông thấy cũng phải phục tài. Tuy nhiên, phục thì phục, mà vây thì cứ vây; Du đâm bên Đông, thích Tây, nào đỡ, nào né, nào múa, nào giết, xông pha trong vòng gươm giáo tên đạn trong hai giờ đằng đẳng, mà rút cục đã không cứu

được cha còn bị hãm nhốt trong vòng vây.

Du thu hết khí lực đánh phá một hồi lâu nữa, nhưng áo bào trắng lúc ấy mồ hôi thấm ướt đầm, máu hoen ố đỏ ngầu, mắt thì hoa lên, tay chân cũng bủn rủn, lưỡng lự khó bề thoát khỏi. Đương khi bối rối, chợt nghe có tiếng gió vùn vụt, chưa kịp nghiêng mình tránh ám khí, Du đã bị một chiếc dùi đồng nhọn hoắc xuyên vỡ hộ tâm kính, cắm sâu vào ngực, Du kêu lên một tiếng đau đớn, giơ tay rút mũi tên đồng, lão đảo một khắc, rồi ngã gục xuống chân ngựa.

Quân Tây Sơn xông lại đâm chém chàng ra trăm mảnh.

Hữu Chính đang cố sống cố chết

múa đao gỗ lấy một đường để chạy, đương hăng hái chém được vài chục thủ cấp, sắp giải được trùng vây, bỗng nghe tiếng Du kêu, quay đầu trông lại, thấy một cảnh tượng đau đớn như bào gan xé phổi, bất giác mồ hôi ướt áo, tứ chi bải hoải, không lệ làng như trước nữa, bị Nguyễn Văn Hòa xông đến lừa lúc chân tay bối rối, thúc ngựa vào kéo dây lưng vật ngã xuống, hô quân trói lại.

Hoà bắt được Chính rồi bèn gióng chiêng bãi chiến thu quân về Thăng Long, bỏ vua Chiêu ống chạy thoát, cùng vài tên tỳ tướng đi hộ vệ, sang núi Bảo Lộc.

Hòa giải Chính về quỳ trước mặt
Võ Văn Nhậm, Nhậm trừng mắt ngắm
Chính rồi vuốt râu cười thiên hạ chả
nói mĩa rằng:

– Chim Bằng lâu nay vẫn mạnh
khoẻ đấy chứ? Làm sao mày làm phản?

Chính thản nhiên nhìn Nhậm,
Không đáp.

Nhậm cau mày, nhưng lại tươi tỉnh
ngay, hất hàm hỏi Chính:

– Thế nào? Cố nhân không muốn
nói ư? Một lời nói của cố nhân có lẽ
làm cho Nhậm đây không nở nhần tâm
dùng lưỡi gươm cắt đứt mối ân tình;
Nhậm chỉ sợ rằng lưỡi đao tàn ác này
lại không e nể cố nhân thì lúc xuống
tay cố nhân có muốn nói năng, lời nói
ấy Nhậm tiếc rằng khi chậm!

Ba lần Võ Văn Nhậm nhắc đi nhắc lại lời chế giễu của mình, ba lần Nguyễn Hữu Chinh cứ đứng lặng yên, chờ chết.

Sau cùng, thấy kẻ thù không nhúc nhích, Nhậm bước xuống thêm:

– À! Ra cô nhân không muốn giải tâm sự bằng lời; thế thì có lẽ ngài muốn trối trăng bằng bút. Quân đâu, văn phòng tứ bảo, mau!

Lính thị vệ đem nghiên bút lại. Trên mặt tờ giấy trắng, Chinh, tuy bị trói ghì cánh khuỷu, cũng cố cầm bút vạch thành bốn chữ rõ to:

“Thế nhi dĩ hĩ!”

Rồi vút bút xuống sân, đứng thẳng người nhìn Nhậm. Bấy giờ, Nhậm tuy không hiểu chữ nghĩa là gì, song cũng

mang máng biết rằng Chỉnh cử chỉ như thế tức là khinh miệt mình; lửa giận bên trong bốc lên ngùn ngụt; Nhậm quay lưng đi thẳng lên đại điện, truyền quân đao phủ hành tội ngay Hữu Chỉnh dưới thêm, xả Chỉnh ra muôn nghìn mảnh rồi đem bêu đầu ở cửa thành; còn xác thịt, thì vứt ra đồng cho chó tha chim rĩa.

Võ Văn Nhậm giết xong người cừu địch, nét mặt hơn hở vui mừng. Việc thù đã thỏa, Nhậm mới nghĩ đến quân sự. Thì ra từ khi vua Chiêu Thống chạy giặc, triều đình không có chủ, các quan lộn xộn ra vào, không còn thể thống gì nữa. Nhậm cho tìm vua, tìm đâu cũng không thấy, túng thế phải tôn hoàng thân là Sùng Nhượng công Lê Duy Cận lên ngôi, coi tạm việc nước, gọi là Giám quốc. Các quan đều không phục, chẳng

ai thuận theo; Sùng Nhượng Công ở trong điện Kính Thiên chỉ có dăm người hoàng thân cùng mấy quan võ tướng theo hầu, sớm tối hầu hạ. Đình thần không ai đến chầu, cũng không ai tâu hỏi việc gì cả.

Ngày ngày quan Giám quốc lại đi bộ từ đền Vạn ọ sang phủ Bằng trung công, tức là hành doanh Võ Văn Nhậm rồi đứng chầu chực ở đó hàng giờ, đợi lời chỉ giáo. Nhậm lấy thế làm phiền phức, nhưng cũng không biết xử trí thế nào.

Dân trong kinh thành thấy việc chương mắt, ngược đời ấy, ai cũng chê cười, gọi Sùng Nhượng công là ‘thầy để lại Giám quốc’. Võ Văn Nhậm ý mình có tài bắt được Hữu Chỉnh, có công để nhất trong sự cứu giúp nhà Lê. Nhậm

đường Sùng Nhượng công sớm chiều sang hầu, ngoài mặt giả vờ tỏ vẻ khó xử, nhưng trong lấy làm thú vị sung sướng lắm, bởi lẽ tự hào mình là người có quyền thế to lớn nhất ở xứ Bắc Hà. Sự sung sướng ấy lộ hẳn ra nét mặt: Nhậm không những chỉ dương dương tự đắc còn có vẻ kiêu ngạo trong khi đối đãi với các quan nhà Lê với cả những người ngang hàng với mình như Phan Văn Lân và Ngô Văn Sở, lúc đó sung chúc Tham tán quân vụ.

Khi Bắc bình vương Nguyễn Huệ sai Nhậm ra Thăng Long bắt Chỉnh, Vương đã có ý ghét Nhậm là người tiểu nhân, không dùng được trong đại sự, lại sợ giao nhiều binh quyền cho Nhậm thì y sẽ kiêu căng cậy công cậy tài, rồi mưu những việc phản trắc ngay. Vì lẽ đó, vương sai đi kèm bên mình Nhậm

tụi Sở, Lân để dò ý tứ và chia bớt thế lực của Nhậm.

Ngô Văn Sở thấy chủ tướng đối với mình có ý khinh bỉ, nghĩ lấy làm giận; nhân thấy Nhậm đối với Nguyễn Hữu Chỉnh là bạn đồng liêu cũ, không có chút ân tình nào, càng đem lòng ghét Nhậm, liệt Nhậm vào hạng Trịnh Tùng tiện tiểu nhân, tàn nhẫn, không thể gây nên sự nghiệp vững bền được. Sở bèn viết thư cho Bắc bình vương, ngỏ ý Nhậm tự phụ mình có công to, muốn làm phản.

Được tin, Bắc bình vương, lập tức truyền lệnh kéo mấy ngàn quân kỵ, đêm ngày đi gấp đường nửa đêm ra đến thành Thăng Long. Đại đội hùng binh vừa tới nơi, Vương truyền lệnh kéo thẳng đến hành doanh Võ Văn Nhậm,

trói gô Nhậm lại giải ra chợ trăm quyết.

Nhậm vừa lấy làm lạ, vừa kinh sợ, không hiểu vì lẽ gì chú vợ mình lại xử tệ với mình. Y lạy phục xuống thêm, khóc lóc kể lể nỗi oan ức và xin Nguyễn Huệ khoan dung cho. Bắc bình vương chỉ lắc đầu, cười gằn, không nói gì cả sai lính đưa ra cho Nhậm một mảnh giấy nhỏ trên có đề mười hai chữ rõ rệt:

“Bất tu đa ngôn; nhữ tài quá ngã, phi sở ngã dụng¹³”

Nhậm mượn đọc xong không còn biết nói thế nào chỉ kêu trời kêu đất, oán thán phận mình. Nhậm biết rằng Huệ đã truyền lệnh, có xin van cũng vô ích. Tài Huệ có lẽ nào kém Nhậm, nhưng Huệ nói thế, chỉ là để có cớ giết Nhậm mà

13 Bất tu đa ngôn; nhữ tài quá ngã, phi sở ngã dụng: Chớ khá nhiều lời; tài mày hơn tao, tao không dùng được.

thôi. Một người hữu ý, một kẻ vô tình, ai tránh cho khỏi tai vạ mà tha nhân đã lập tâm gieo trên đầu mình một cách quá tự nhiên, vô lý? Nhậm suy đi nghĩ lại, cam tâm chịu chết, chẳng trách chú vợ vô tình, mà trách mình quá đại dột, nai lưng đánh dẹp để gây cơ đồ cho nhà vợ, khiến giờ đây, chưa kịp ngáp, đã hóa ra một thằng xú quỷ không đầu. Càng nghĩ càng xót xa, Nhậm sụt sùi khóc rũ xuống. Bao nhiêu những kỷ niệm về cuộc đời dĩ vãng, trong phút chốc hiện ra, từng quăng một trong tâm hồn. Bao nhiêu hình ảnh của những kẻ thân yêu, nó bày cả trong trí nhớ, giữa chỗ sáng nhất. Nhậm thấy vợ ủ ê rầu rĩ khi nghe tin mình đã thác, thấy con gái yêu quý của mình nhớn nhơ như một cái bóng oan hồn. Nhớ đến An Trinh, lòng Nhậm như bào như xé; Nhậm tự hỏi

không biết con mình lưu lạc phương nào mà mất tích, còn hay đã chết từ lâu.

Đương lúc mê mẩn bản khoản, Nhậm lững thững theo lũ đao phủ, tới chợ khi nào không rõ. Tới nơi, trời còn tối mịt; mười tên quân và viên Giám trăm coi giữ phạm nhân, lột áo y ra, chỉ để cho một manh quần che thân phía dưới. Họ trói ghì mỗi của họ vào một cái cột tre cao đóng rõ chặn xuống đất, lột mũ y ra, xoắn tóc y lại rồi buộc gọn gàng mớ tóc ấy vào phía trên cột, khiến cổ tù nhân không bị vướng, để lưỡi dao giáng xuống được lẹ làng.

Xong đâu đấy, cả bọn cùng ngồi nghỉ. Viên Giám trăm cho hai tên lính đứng ở cửa chợ để ngăn cấm những kẻ bán hàng không được vào, rồi chờ trời

sáng rõ và lệnh bài của súp phủ mới khai đao.

Võ Văn Nhậm lúc bấy giờ sống cũng như chết, tâm hồn rối loạn, không còn suy nghĩ được kể gì thoát thân. Vừa đau đớn, vừa căm tức, vừa hối hận, Nhậm bị không biết bao nhiêu tư tưởng kỷ niệm cùng hình ảnh chạy lộn xộn trong trí nhớ, cắn rứt khối óc hèn nhát của y, làm cho y nghiêng rãng mắmlợi, trợn mắt, nguyên rửa nhà Tây Sơn, rồi phút sau, lại gục đầu xuống than thở.

Bốn bể lúc ấy đều im phăng phắc. Bỗng đâu, tiếng cãi cọ ồn ào ngoài cửa chợ làm cho viên Giám trảm giật mình. Viên ấy vội vã bước ra ngoài; dưới ánh sáng ngọn đèn lồng, anh ta thấy một người thiếu niên vạm vỡ, ăn mặc võ

phục trắng, quần khăn trắng, đương trợn đôi mắt sáng quắc, vừa tinh anh vừa dữ dội, túm lấy cả hai tên lính, mỗi tên một tay, lắc đi lắc lại, làm cho chúng sợ hãi kêu la. Nhác thấy Giám trăm quan thiếu niên dừng lại. Cả hai tên quân, vừa bị khách lạ mặt rung cho một lúc mềm cả gân cốt, đều tức tối xoa cổ phân bua cùng bề trên:

– Bẩm, có quan lớn làm chứng, tên này tự nhiên vô cớ ở đâu đến, nhất định đòi vào, nó bèn túm lấy cổ chúng con mà lay lấy lay để, xuýt nữa gãy xương và nghẹn thở. Xin quan lớn bắt lấy nó mà trị tội.

Thiếu niên nghe nói chỉ chống tay vào hông đứng cười. Hai tên quân lại càng căm tức. Sẵn có chủ ở đó, chúng cậy chó gần chuồng, định xông vào

trói thiếu niên. Nhưng, gạt chúng ra hai bên, Giám trăm quan tiến lên mấy bước:

– Ấy chớ! Chúng bây hãy lui ra, không được vô lễ, quý khách đây tức là cố chủ của ta. Bay có mắt cũng như mù thôi! Cút!

Mảng lũ quân canh rồi, viên giám trăm phủ phục xuống lạy hai lạy, quì dưới đất. iếu niên rất ngạc nhiên, song nhanh trí, chàng vội vàng vái đáp lễ, đỡ viên quan đứng dậy. Mãi bấy giờ, dưới ánh đèn phờ phạc, chàng mới nhận ra người vừa khiêm tốn lạy chàng.

– Ô kìa! Thế mà tôi cứ tưởng là ai! Chẳng hóa ra Nguyễn Hải đó à! May quá, thực là một dịp bất ngờ. Ai hay đâu thấy trò ta lại có ngày còn gặp nhau đây!

– Từ ngày loạn lạc xa nhau, con vẫn nhớ công tử quá. Nhất là công tử đối với con lại có chút ơn riêng con chưa báo được tí nào! Công tử bỏ đi đâu, làm cho cụ lớn nhà ta tìm mãi? Mà tới khi cụ và cậu hai không may thất lạc cậu, cũng không thấy trở về. Có đi tìm cậu đến ngót tháng trời, song từ Bắc vào Nam, không biết tin tức cậu ở đâu hết cả. Biết đâu ngày ngày lại được phúc thấy nhau đây! Sau buổi cụ con và cậu hai mất rồi, con long đong mãi, bơ vơ không biết về đâu, mãi tới ngày khốn cực quá, con phải theo hầu Ngô Tư mã. Hôm nay ngài sai con đi hành hình Phò mã Võ Tiết chế. Thực là một dịp ngẫu nhiên: có ngờ đâu tự tay con lại được báo thù cho cụ! Nhưng đêm hôm đen tối, cậu lặn lội ra đây hẳn có việc gì?

Thì còn có việc gì! Cậu đến đây để mắt được trông thấy đầu Tiết chế rơi xuống đất! Cậu đến đây để nhúng tay vào máu cừu nhân! Cậu đến đây để xin Hải cho cậu làm đao phủ đó! Cậu đến đây để làm cho tiêu tán một mối đau đớn mà nếu không, vạn cổ cũng không tiêu; đau đớn vì nghĩ đến cha cậu, em cậu, một đời anh hùng lừng lẫy, phút chốc hóa làm xú quỷ, nghĩ đến vợ cậu, tài sắc trọn vẹn, yêu chồng rất mực, mà không may không được sống an toàn hưởng cho hết tuổi thanh xuân... cậu đến đây là vì thế đó!

Thiếu niên nói xong câu ấy thì mắt lóng lánh chiếu ra những tia sáng sắc như gươm giáo. Tay chàng nắm lại tựa hồ muốn đâm ai cho hả giận, mặt chàng lộ ra vẻ gân guốc, cương quyết, tàn nhẫn, vì những đường nhăn mà đôi

mày cau lại cùng hai hàm răng nghiền chặt vào nhau vẽ ra trên khổ mặt lấm liệt ấy.

Viên Giám trăm trông cổ chủ lộ ra vẻ bất bình căm tức, bỗng dịu dàng cầm tay thiếu niên nói nhỏ, khuyên rằng:

– Hà tất cậu phải giết Phò mã làm chi cho mang tiếng là người không độ lượng; vả chẳng giết một người nhát hèn như Võ Phò mã thì chỉ thêm bắn lưởi gươm thôi! Nay Trời chí công minh đã thay cậu mà trả thù hộ cậu, cậu chỉ nên đến viếng kẻ cừu địch cho kẻ kia phải đau lòng và hối hận, còn sự giết y thì cậu chớ nên làm!

Vài lời nói thành thực của Nguyễn Hải hình như khiến thiếu niên đương mê quá tỉnh, chàng gật đầu lia lịa trong

khi nét mặt đổi ra hoà nhã, hiền từ. Chàng cùng Nguyễn Hải đi vào trong chợ.

Ở xa, thấy Võ Văn Nhậm bị lột trần trói ghì vào cột, ủ rũ đứng đợi sự chết, không hiểu vì sao, thiếu niên bỗng cảm động thương tình. Chàng bèn nhờ Giám trăm quan đem hai chiếc đèn lồng lại treo trước mặt tội nhân, rồi chàng từ từ tiến lại phía người khốn nạn sắp bị tử hình ấy, sụp xuống lạy y hai lạy.

Ngạc nhiên, Võ Văn Nhậm ngược mắt nhìn người thiếu niên áo trắng đoái tưởng đến y trong khi bao nhiêu gia binh gia tướng đều bỏ y trợ trọi một mình, lúc ngắm xong, Nhậm bỗng dờ mặt há hốc mồm không nói được nữa, mãi hồi lâu mới khóc lóc kêu to:

– Anh Tề công tử! Ật là tội ta đáng chết! Trời đã thay công tử hại ta đó mà! Ta đối đãi táng tận lương tâm với phụ thân người, bạn đồng liêu của ta; nay chú vợ ta, người nghe chưa, chú vợ ta lại tàn nhẫn với ta! Đó là luật quả báo, đó là lẽ luân hồi, ta không còn oán ai được nữa! Oan oan tương báo, ta đã gieo nên oan nghiệt, ta phải làm bung xung cho nghiệt chướng của ta. Cớ sao người không nghĩ thù cha mà lạy ta như vậy?

Nguyễn Anh Tề không đáp. Chàng chỉ rút trong mình một bức thư nhàu nát, giơ lên ánh đèn đọc cho Nhậm nghe, xong rồi trao cho Nhậm. Bức thư đại khái như sau này:

*Bất hiếu nữ là An Trinh kính trình
phụ thân là Võ đại nhân rộng xét:*

Con vô phúc đã không tuân lệnh cha, dám tự tiện cùng Anh Tể công tử thể nguyên vàng đá với nhau, đôi bên kết duyên Tần Tấn. Con những tưởng có thể cùng người yêu đẹp đôi cầm sắc, có ngờ đâu hai nhà Nguyễn Võ đã gây nên một mối thâm thù! Song le, trót ăn ở với tình lang con từ trước, con đã có mang ba tháng khi theo ra đất Bắc Hà. Lúc trở về, sợ không giấu giếm che đậy được nữa, lại sợ cha giận dữ không nghĩ thương tình mà giết đi, nên con phải trốn cửa nhà, đi theo chồng về anh Hóa. Chúng con định lánh bỏ cõi đời túi bụi, yên phận ở với nhau cho đến bạc đầu, rồi đợi khi nào mối hiểm khích của hai nhà đã tiêu tan, bấy giờ sẽ về xin cha mẹ thứ tha cho tội lỗi. Nhưng Trời xanh cay nghiệt đã ghen với hạnh phúc của chúng

con riêng hưởng, xui nên cha không quên thù cũ mà đang tay giết chết Bằng Trung công. Phụ thân chồng con bị thác bởi tay cha, thì con còn sống làm sao gần chồng con được nữa! Vậy nên con phải chết. Con chết để chồng con khỏi mang tiếng là người bất hiếu. Nếu con còn sống ắt chồng cũng không dung mà càng thêm đeo xú danh của một phụ nhân dâm dật.

Trước khi tự hủy mình cho toàn vẹn đại nghĩa con xin gửi lời về kính bái cha mẹ, xin cha mẹ nghĩ tình máu mủ mà tha cho tiện nữ này. Tội con thật đáng chết, cho nên con đã tự xử lấy thân, không để hổ thẹn đến nòi võ tướng.

Vài lời tuyệt mệnh, xin kính trình cha rõ, mong rằng vì sự con chết, cha sẽ

*thương lấy chồng con, ngô hầu sự cừu
oán đến đây là dứt, đừng giây giường
đến đời sau.*

Bất hiếu nữ Võ An Trinh đón thủ.

Nghe đọc đến câu cuối cùng, Võ Văn Nhậm bỗng kêu lên một tiếng, ngắt đi. Anh Tề cũng thấy trên gò má đầm đìa những giọt lệ nóng như sôi, không thể nào cầm hãm được. Chàng càng nghĩ càng thương phận vợ, thương bao nhiêu, bấy nhiêu mỗi cảm hờn đối với Nhậm cũng hình như giảm bớt đi nhiều.

Chàng bèn lấy nước lã phun vào mặt bố vợ, lay gọi Nhậm hồi tỉnh. Mở mắt ra, Nhậm chỉ nhìn Anh Tề không đáp, nước mắt nước mũi chảy xuống ròng ròng. Hồi lâu, vừa thốn thức vừa nấc lên, Nhậm rên rĩ nói:

– Ngày nay cha đã biết sự cha làm là lỗi, nhưng hối cũng muộn quá rồi! Nếu cha không có dã tâm hãm hại phụ thân con, có khi nào cha lại bị sa vào vòng tử tội! Chả qua là oan nghiệt! Nếu biết sớm hai con yêu vụng nhau đường ấy, có lẽ nào cha làm cho hai con phải vì cha lìa rẽ nhau ra! Sự hiểm thù vô lý kia, không có căn nguyên gì, mà đã gây ra xiết bao kết quả chua cay thảm khốc. Cha giết phụ thân con, để đến nỗi con gái yêu của cha phải ngậm hờn mà chết, rồi đến lượt cha phải trả nợ mất đầu. Con được mục kích sự đau đớn thống thiết của cha, thiết tưởng con cũng nên thương hại cha mà tha thứ cho cha thì phải! Con có tha lỗi cho cha, hồn cha mới được nhẹ nhàng trong sạch, nếu không nó sẽ bị đoạ đày trong xó lấm lội mịt mờ. Hương hồn phụ thân con nếu

biết có giờ này, ắt cũng chả oán hờn cha....!

Con ôi! Cha hối đã nhiều, cha đau đớn cũng đã nhiều, con có thấu cho cha không hở? Chỉ vì cha, mới nên nổi nước này. Vì cha không giết Nguyễn Quân, thì hai chúng ta ắt đã gây nên nghiệp lớn, có đâu phải luôn lụy dưới quyền mấy thằng Tây Sơn đều giả, dã man? Chả qua cha quá tin người, không nghĩ sâu xa, nên mới tan nát cả hai gia đình đến thế. Ôi! Đau đớn! Ôi! Chua xót; đau đớn chua xót kể làm sao hết; mà kể lỗi xưa là mới đáng. Cha chết ngày ngày, nào có được êm ái, mau chóng hay lắm liệt như phụ thân con đã thác; cha chết một cách khốn khổ, nhục nhã, trong khi xác thịt bị đau, linh hồn bị nát tan tành. Thế có đủ chuộc tội không con? Con có tha cho cha không con? Con có

cho phép cha xưng ‘cha’ với con không con? Con ơi, con trả lời đi, cha chỉ còn sống được nửa giờ nữa là hết đời cha vậy...”

Võ Văn Nhậm vừa nói vừa khóc một hơi dài khiến cho Anh Tề, cảm không đặng mối thương tâm, cũng khóc lên nức nở. Bao nhiêu sự oán thù căm giận phút chốc bỗng tiêu tan đi như làn khói toả, để nhường chỗ lại cho lòng khoan dung vĩ đại, cũng như cho tình thương tiếc chân thành.

Anh Tề hình như vắng vắng nghe trên không có tiếng phụ thân chàng nói xuống: “Con tha cho kẻ thù nhân đã biết hối quá!”; lại nghe như có tiếng vợ chàng thở thở từ cõi vô hình: “Tha cho cha thiếp, chàng ôi!”...

Chàng bèn lia lịa gật đầu, rồi mồm thì nói:

– Con tha tội cho cha! Con tha tội cho cha!

Trong khi thân phủ phục xuống đất Anh Tề lạy Võ Văn Nhậm hai lạy; lạy xong, chàng vùng té chạy mất, không dám ngoảnh đầu trông lại, cũng không dám ở lâu chứng giám cuộc chém đầu khốc liệt thảm thương, cuộc trảm quyết mà vừa một vài giờ trước đây, chàng những muốn tự tay mình xử hộ cho tên đao phủ.

CHƯƠNG 12

 TRONG MỘT NGÔI CHÙA
CỔ Ở GẦN ĐÔNG Tam
Thanh xứ Lạng, từ đêm sáu tháng nay,
người ta thấy đến tu hành một vị ni cô
còn trẻ và có nhan sắc, đêm ngày chăm
chỉ tụng kinh gõ mõ và đèn nhang ở
chốn Phật đài.

Vị ni cô đó ăn mặc rất nhã đạm,
tựa hồ cố ý làm cho mình già xấu đi, để
thiên hạ đừng để ý đến mình, ngộ hầu

được yên ổn trong cõi đời thanh tịnh. Quả nhiên, muốn sao được vậy: quầng mắt, vì quá thức đêm, khóc lóc hay tư tị, chả bao lâu đã tím bầm; nước da, trước kia trắng đỏ hồng hào, bây giờ cũng xanh bủng, tái mét. Nét mặt ni cô dần dần hốc hác, hình dung nàng dần dần tiêu tụy; mà có lẽ bầu tâm sự nàng đeo nặng trong lòng, càng vì sự kham khổ của xác thịt, càng tăng phần chua xót thấm thương.

Ni cô đau đớn bao nhiêu, bấy nhiêu, nàng định vùi lấp những tục lụy trần duyên trong sự náu sống khổ hạnh. Đêm nào, sau khi thành kính tụng niệm trên tam bảo, nàng cũng chong đèn ngồi khóc lóc thở than. Như thế không biết bao ngày, chút lửa lòng của nàng vẫn không lấy giọt lệ tưới cho tắt được. Nàng hẳn bị một mối thất vọng

gì sâu xa cắn rứt, hoặc bị nổi thất tình
gì nhục nhã giày vò.

Ôm khối hận trường, nàng quyết
sống một cuộc đời đen bạc, họa may
mùi muối dưa sẽ như nước cam lồ, có
mãnh lực hàn dần những vết tử thương.
Bởi thế, từ một thiếu phụ yếu ớt nhu
mì, nàng hóa thành một đạo nhân can
đảm.

Ni cô sống một mình, với một
hoàn cảnh tôn nghiêm cùng một gấm
dĩ vãng. Những việc vặt trong chùa,
cho đến sự đèn hương tụng niệm, nhất
nhất nàng làm lấy cả, chỉ dùng một tiểu
con để nằm ngủ cho có bạn mà thôi.
Đứa con gái nhỏ ấy, nàng nâng niu yêu
quí chả khác gì con nàng vậy.

Chùa xây ở một chỗ hẻo lánh, gần

núi mà xa thành thị, hóa nên những khách đến văn chùa chả có một ai. Họ chẳng có một vài kẻ nhàn du đi xem phong cảnh, thì họ toàn vào động Tam Thanh xem tượng nàng Tô ị, hoặc tìm những nơi sơn thủy hữu tình. Không người nào đoái hoài đến ngôi chùa cũ cỏn con, dựng khuất ở bên sườn núi trọc, giữa một chốn tiêu điều, tẻ lạnh, mà gót chân người ít để vết lại từ xưa.

Chùa ấy là một cổ am bỏ hoang vắng đã lâu ngày; vị đạo nhân trụ trì trong am, kể có năm sáu năm nay, đã tự thiêu đi theo Phật tổ về cõi hư linh, huyền ảo. Khi ni cô đi qua Tam anh, định tâm tâm sư học đạo, nàng bỗng thấy nơi hoang vu tĩnh mặc, bèn dừng chân vào ngụ trong chùa. Chùa không có chủ, ni cô một mình sửa sang quét tước lại, mất đến nửa tháng trời mới

giữ sạch được những vết bụi bặm, rêu cỏ, mà thời gian phủ trên một cảnh điêu tàn. Nhà cửa, Phật điện, một sớm được sạch sẽ quang đăng, ni cô tự nghĩ mình có công dọn dẹp, bèn dùng ngôi chùa làm chỗ tu hành.

Rồi từ đó, nàng ở đấy, mua kính về tụng niệm, không tìm thầy, cũng không đi đâu nữa.

Nàng đến ở chùa được non hai tháng thì một hôm vào khoảng trung tuần quý xuân, một thiếu niên tráng sĩ, không biết từ đâu đi đến, ghé vào chùa văn cảnh như chàng, đã tò mò xem xét khắp mặt các sa môn ở vùng xứ Lạng. Khi nhận rõ mặt ni cô, tráng sĩ bỗng tỏ ý mừng rỡ cuống quýt rồi quì rạp xuống lạy nàng, kể kể những chuyện gì không rõ. Ni cô mời tráng sĩ đứng dậy,

nhủ chàng vào phương trượng, phân ngôi chủ khách ngồi đàm đạo hồi lâu, trong khi tiểu tỳ dâng trà hồng mai đựng trong một bộ chén sành.

Một vài giờ sau, trước khi mặt trời lặn, thiếu niên từ tạ ra đi. Từ buổi ấy, không ai thấy chàng trở lại ngôi chùa cổ nữa. Mãi đến hạ tuần tháng một năm Quý Sửu, nghĩa là cách đây non năm năm người ta mới gặp tráng sĩ trở về. Lần này, chàng ở lại chùa non nửa ngày, mà trong non nửa ngày ấy, chàng cùng ni cô vật vã khóc lóc một cách rất thảm thương bi thiết.

Xong buổi khóc lóc ấy, tráng sĩ lại ra đi, rồi từ đó, chàng đi mất tích.

Tráng sĩ không phải người đâu xa lạ, chính là công tử Anh Tế. Còn ni cô,

nàng là một người trong quý tộc của hoàng gia: nàng tức là Hoàng phi vợ vua Lê Chiêu Thống đó.

Từ ngày thua trận Mực Sơn, sau khi cha con Nguyễn Hữu Chỉnh bị giết, vua Lê chạy trốn sang Bảo Lộc, rồi nay Hải Dương, mai Sơn Nam, đêm ngày cùng mấy kẻ bề tôi trung nghĩa lo bề khôi phục. Khốn nỗi thế lực một ngày một kém, các triều thần đều lả tả mỗi người trốn tránh một nơi, không còn ai đủ cơ trí và hùng tài giúp nhà vua gây lại cơ đồ cũ nữa. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt rồi, Chiêu Thống không biết nương tựa vào ai. May thay lúc đó có kẻ thổ hào là Dương Đình Tuân đem thổ binh ra hộ giá, bắt dân phu phải canh giữ đồn trại ở bờ sông Nguyệt Đức, Võ Văn Nhậm ra bắt vua không được, bèn dùng kế phản gián, làm cho

Chiêu Thống ngờ vực Đinh Tuân, bỏ Tuân chạy ra huyện Chí Linh. Liễu trung hầu Đinh Tích Nhượng lúc ấy đã theo hàng Tây Sơn, bèn đem quân ra Chí Linh đuổi bắt vua, may sao có hai tráng sĩ trung thần là Trần Đình và Hoàng Xuân Tú hộ vệ dùng lương binh chống cự với Đinh Tích Nhượng, đánh Nhượng thua chạy. Nhượng thua rồi, vua đi sang huyện ủy Đường, tới nơi mới được tin rằng quan cự thủ là Hoàng Nhật Tuyển đánh được quân Tây Sơn ở cửa Lục. Đồng thời lại có ông Đinh Nhã Hành đem quân đến hội, vua cũng được yên lòng.

Bỗng có tin Nguyễn Huệ ra Bắc Hà, sắp đem quân đến đuổi, vua Chiêu Thống định trốn về Thanh Hóa đem thủy quân đóng ở Quần Anh cùng lũ Hoàng Nhật Tuyển và Đinh Nhã Hành.

Không may nửa đêm bị gió bão nổi lên, thổi bạt thuyền rồng vua ngựa vào Thanh Hóa, và trôi thuyền Hoàng Nhật Tuyền ra cửa Cần Hải.

Tuyền thấy quân tình rắc rối, lại lâm thế cô quẫn, đành phải ra hàng Nguyễn Huệ, bị Huệ bắt đem giết đi.

Vua Lê từ bạt vào Thanh, lại cùng vài người bề tôi trung nghĩa trốn ra Bắc, ẩn nấp ở mấy trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, lo sự gây dựng lại cơ đồ. Khốn thay, một mình không đương nổi đại sự, vả cũng không có người hào kiệt nào ra sức giúp đỡ, nên mấy phen mưu mô định khởi nghĩa đều bị thất bại cả. Túng thế, sau cùng, vua phải đem Hoàng gia lên nương náu ở Lạng Giang.

Trong khi ấy ở Thăng Long, Bắc

bình vương Nguyễn Huệ, giết xong Võ Văn Nhậm, cho gọi tất cả các quan văn võ nhà Lê vào yết kiến, đặt quan trấn thủ và quan lục bộ, giữ Sùng nhượng công Duy Cẩn làm Giám quốc để coi việc tế lễ cho tiên triều. Trước khi về Nam, Huệ lại sai bọn Ngô Văn Sở ở lại giữ đất Bắc.

Vua Chiêu Thống ở lâu ở Lạng Giang, nóng lòng sốt ruột, bèn cho Hoàng thái hậu đem Hoàng Phi và Hoàng tử sang Long Châu kêu van với quan Tàu, xin binh cứu viện. Vợ con vua Lê vào cầu khẩn quan Tổng đốc Lưỡng Quảng: là Tôn Sĩ Nghị. Nghị thương tình bèn dâng biểu tâu vua Càn Long đại lược nói rằng:

“Nhà Lê xưa nay vốn là công thần nước Tàu, đời đời cống hiến Triều

đình; nay Tự quân bị giặc xâm chiếm mất đất, phái mẹ và vợ sang cầu cứu, xét cũng nên giúp, trước cứu được vua Lê, chiếm lại được miền Nam, lợi cả đôi đường, nhất cử lưỡng tiện. Khi vua Lê chiếm lại được ngôi, ta sẽ đóng quân để giữ đất nước, thế là nước An Nam sẽ về tay người Tàu vậy.”

Chuẩn lời tâu Tôn Sĩ Nghị, vua Càn Long giáng chiếu sai khởi quân Lưỡng Quảng và quân hai tỉnh Vân Nam, Quý Châu giao cho Nghị cai quản để sang đánh An Nam. Nghị chia binh là ba đạo, một đạo sang Tuyên Quang, một đạo sang Cao Bằng, một đạo sang Lạng Giang, cả ba cùng thẳng tiến đến Thăng Long. Đạo Tuyên Quang do tổng binh Vân Nam điều khiển; Đạo Cao Bằng do Sầm Nghi Đống tri phủ Diên Châu đốc xuất, đạo Lạng Sơn tự Sĩ Nghị cùng đi

đốc là Hứa ế Hanh chỉ huy.

Quân nhà Thanh rầm rộ kéo đến Thăng Long; bọn tướng Tây Sơn thấy uy thế ba đạo mạnh quá sợ sức không địch nổi, bèn rút cả hai mặt thủy bộ về đóng giữ ở đèo Tam Điệp, rồi sai người về Phú Xuân cáo cấp với vua Quang Trung.

Tôn Sĩ Nghị không gặp ai cản trở, cứ thẳng đường đến Kinh Bắc. Vua Chiêu ổng ra chào mừng rồi cùng quân Tàu cùng về Thăng Long. Nghị lập hành doanh ở giữa bãi, về mé Nam sông Nhị Hà, sai bắc cầu phao ngang sông để tiện đường đi lại và chia quân ra đóng giữ hết các mặt.

Qua ngày hôm sau, Tôn Sĩ Nghị mời vua Chiêu Thống ngự sang trại

quân rồi lại đại lễ tuyên đọc tờ sắc chỉ của vua Càn Long phong cho vua Lê làm An Nam Quốc vương. Tuy được thụ phong, Chiêu Thống vẫn phải để niên hiệu Càn Long trên các văn thư, lại phải mỗi buổi chầu xong sang đồn Sĩ Nghị để hầu quan tổng đốc xen ‘Ngài’ có bàn gì về các việc cơ mật quân quốc chẳng. Mỗi lần sang chầu vua đi ngựa từ đền Vạn Thọ ra tới bãi Cơ Xá, chỉ có mười tên Ngự Lâm quân theo hầu. Vua chịu nhần nhục bao nhiêu, thì bấy nhiêu Nghị càng ngạo nghễ tự đắc, xử với vua rất tàn tệ khinh bạc, lắm khi không cho vua vào yết kiến, chỉ sai người ra đứng dưới gác chuông truyền lệnh.

Hôm nay không có việc gì, thỉnh Quốc vương hãy về cung yên nghỉ, hôm khác sẽ lại hầu!

Bàn dân thiên hạ ai trông thấy cũng ngậm ngùi tức tối, nhao nhao bàn tán về sự yếu hèn của Chiêu Thống, về vẻ lão xược của quan Tàu.

Bởi thế, lòng dân xứ Bắc Hà đã chán nản càng thêm chán nản hơn nữa.

May sao, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ, khi được bọn Ngô Văn Sở báo về, lập tức hội cả các tướng sĩ dưới trướng để bàn định đem quân ra đánh tướng nhà anh. Treo lời khẩn cầu của bách quan, Ngài trước tiên lên ngôi chính tôn, để yên bụng quần chúng đã, rồi nhiên hậu mới tế cờ khởi binh ra lấy Bắc Hà.

Ngày 25 tháng một, năm Mậu Thân (1788) trên đàn lập ở sườn núi Bàn Sơn, ngài làm đại lễ tế trời đất rồi lên

ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung. Xong, ngài tự thống lĩnh thủy bộ đại binh để đi đánh giặc. Ngài kén được mười vạn hùng binh và một trăm voi, truyền tụ cả võ trường trong thành Nghệ An, để nghe lệnh vua nhủ bảo phải gắng công gắng sức đánh giặc anh giúp nước. Đoàn đại binh gióng ruổi lên đường, đến ngày 29 tháng chạp thì ra tới đèo Tam Điệp.

Bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm ra lay mừng và tạ tội, kể chuyện quân Tàu sức mạnh, đương không nổi nên phải lui binh. Vua Quang Trung cười nói:

– Chúng nó sang phen này, chỉ là mua cái chết đó thôi! Ta đây đã sẵn mёo mực trong tay chỉ trong khoảng mười ngày là dẹp tan lũ ong kiến đó.

Nhưng chỉ sợ nước nó lớn gấp mười ta, thua phen này tất nó xấu hổ, thế nào nó cũng mưu sự báo phục, dân ta sẽ bị chinh chiến đọa đày mà khổ ải vô chừng. Vậy, đánh xong trận này, ta phải nhờ Thời Nhiệm cùng bút thiết giúp cho bãi việc binh đao. Đợi mười năm nữa, khi ta đã dưỡng sức hùng cường rồi, thì không cần phải sợ quân Ngô kia nữa!

Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ được nghỉ ngơi ăn tết Nguyên Đán trước, để tới ngày trừ tịch thì cất quân đi, định đến khai hạ sẽ vào Thăng Long làm lễ ăn mừng. Xong, ngài sai nổi trống tụ cả ba quân đến dưới tướng đài nghe lệnh.

Sở và Lâm thì đem tiền đội đi tiên phong, có Hán hổ hầu đi đốc chiến, Đại

Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyết thì chỉ huy đội hữu quân cùng thủy quân vượt qua bể vào sông Lục Đầu: Tuyết đến cửa sông sẽ kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng mé Đông; Lộc sẽ sang vùng Lạng giang Yên ể chặn lối quân Tàu thua chạy về. Đại Đô đốc Bảo cùng đề đốc Mưu cai quản tả quân và tượng mã đi đường núi ra chặn phía Tây: Mưu phải thẳng ra huyện Chương Đức, tiện đường kéo đến huyện anh Trì, đánh quận Điền Châu; Bảo thì thống xuất voi ngựa theo đường Sơn Lãng, rồi cũng đến Thanh Trì tiếp ứng cho mặt tả.

Thế là năm mặt quân đều dàn xếp xong cả; lần này sẽ vây bọc quân tàu như vây bọc trong lưới sắt, khó lòng có tên Ngô nào trốn thoát trở về. Đến đúng ngày 30 tết năm Mậu ân ba quân hùng hổ khua chiêng gióng trống, mở

cờ dựng giáo, kéo ùa ra các đường trọng yếu xứ Bắc Hà.

Đầu tiên, tới sông Giản Thủy, gặp nghĩa quân nhà Lê, nghĩa quân chưa đánh đã tan vỡ, chạy cả. Vua Quang Trung thân đốc tướng sĩ đuổi theo đến huyện Phú Xuyên, bắt sống được cả toán quân Tàu đóng đồn ở đấy, không một tên nào chạy thoát. Bởi thế, quân Tây Sơn hoành hành dữ dội ở gần Thăng Long mà bọn Tôn Sĩ Nghị đều mãi mê chè rượu, tết nhất, không biết gì hết cả, bởi lẽ không có tên quân Tàu nào trốn khỏi lưới để chạy về báo tin nguy cấp cho chủ soái hay. Thậm chí đến những tập quân nhà Thanh đóng ở làng Hà Hồi và làng Ngọc Hồi, gần Phú Xuyên, chúng cũng không biết tí gì hết cả.

Nửa đêm ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), quân Tây Sơn đến vây kín đồn giặc ở Hà Hội, bắc loa lên gọi, hàng muôn người hưởng ứng dạ vang trời, làm náo loạn hẳn về tỉnh mịch của ban đêm. Quân canh đồn bấy giờ mới giật mình biết có biến, nhưng tưởng có đông người lắm nên sợ hãi vội vã xin hàng, vua Quang Trung thu được quân lương và khí giới không sót một chút gì còn lại.

Sáng mờ mờ hôm mồng 6, quân ngài lại tiến đến đồn Ngọc Hồi, giặc Tào trông thấy tinh kỳ bắn súng như mưa. Ngài bèn nghĩ ngay một kế, sai lấy những mảnh ván, ghép ba làm một, dùng rơm cỏ giấy nước quẩn ở ngoài, rồi truyền cho những binh kiêu dũng, lưng giắt sẵn dao găm nhọn sắc, cứ hai mươi người khiêng một tấm khiên lạ

lòng ấy, mở lối cho hai mươi người nữa cầm khí giới đi ẩn ở mé sau khiên, Vua thì cưỡi voi đi hậu tập đốc chiến. Quân ngài vào đến gần đồn, bỏ khiên rút dao, xông vào chém xả, bọn có binh khí cũng kéo ùa cả vào đánh túi bụi. Thế lực mạnh như nước chảy, gió cuốn, quân tướng nhà Thanh không địch nổi, xôn xao chạy tán loạn, mất cả đội ngũ cứ xéo lẫn lên nhau chết như rơm rạ. Quân Tây Sơn lợi thắng kéo tràn lên, tiến đánh mãi, lấy được cả mấy đồn, tàn sát quân Tầu thây chết ngổn ngang khắp đồng, máu chảy từng vũng như ao lớn.

Trong khi ấy, quân các đạo Hải Dương, Yên ế, Chương Đức, Thanh Trì cũng đều toàn thắng, đánh trống khai hoàn kéo cả đến Thăng Long. Giữa cuộc huyết chiến túi bụi, đề đốc nhà

Thanh là Hứa Thế Hanh, tiên phong là Trương Sĩ Long, tả dực là Thượng Duy Thăng đều tử trận; còn tri phủ Điền châu là Sầm Nghi Đống đóng ở Đống đa, bị quân An Nam vây nguy cấp quá, cũng thất cố tự tận.

Sau trận khốc liệt này, quân Tàu chết gần hết, bao nhiêu thi hài đều xếp lại một chỗ, chôn cả vào một hố, trên mặt đắp thành gò cao, đỉnh gò có dựng một ngôi đền thờ những tử sĩ và Sầm Nghi Đống. Đền ấy đến nay vẫn còn, ai có dịp đi qua Thái Hà ấp, gần Hà Nội, người ấy chắc đã từng để ý đến đền Trung Liệt, ngất ngưỡng đứng trên một cồn đất để kỷ niệm lại ngàn thu cái tài thao lược vô song của vua Quang Trung.

Khi các đồn trại đã bị phá cả rồi, Tôn Sĩ Nghị mới được tin báo, hoảng hốt, sợ hãi, đang đêm không kịp mặc áo giáp, thẳng yên ngựa, chỉ tắt tưỡi đem được mấy tên lính kỵ chạy qua sông Bắc. Quân trong doanh không có chủ đều xôn xao toán loạn, tìm đường chạy trốn, xô nhau ùa cả lên cầu phao, cầu đồ, đều sa cả xuống sông chết đuối, thây chất đầy sông Nhị Hà.

Trong lúc hỗn loạn, vua Chiêu Thống cùng mẹ, vợ con và mấy người cận thân dắt díu nhau chạy sang Tàu theo Tôn Sĩ Nghị. Không may giữa đường tránh nạn, lại bị lạc mất Hoàng Phi, chỉ có Vua, Thái Hậu và Hoàng Tử trốn thoát.

Vua Quang Trung vào được thành Thăng Long rồi còn cho quân đi đuổi quân nhà Thanh; hai đạo Quý Châu và Vân Nam thấy thế đuổi, cũng bỏ Sơn Tây chạy về, quân An Nam đuổi rất mãi đến Nam Quan mới chịu thôi. Nghe miền Lạng Sơn đều khủng khiếp, bỗng bề nhau trốn chạy; thành ra từ cửa ải sang mặt Bắc đến hơn mấy trăm dặm, tỉnh không nghe tiếng một người nào!

Bà Hoàng phi đương thất thểu theo chồng lẫn trong đám bách tính khóc như di, chẳng may bị quân Tây Sơn đuổi kịp quá, sức yếu chạy không kịp, lạc mất quân vương, đành khóc lóc trốn sang Kinh Bắc. Bà náu ở Kinh Bắc ít lâu, nghe tin vua trốn sang Tàu, bèn lên Lạng Sơn tạm nương thân trong một ngôi chùa, tu hành cho vẹn tiết nghĩa với vua, chờ ngày Chiêu Thống

trở về, khôi phục lại được giang san đã mất.

Nhưng bà chờ mãi, chờ mãi... những giờ lạnh lẽo im lặng trôi chỉ đem lại cho bà một nỗi buồn thấm thía, nỗi buồn của một ngọc điệp kim chi thất thế, nỗi buồn của một tử mẫu lìa con, nỗi buồn của một cô phụ xa chồng...! Xa chồng mà thực cũng như mất chồng; mùi muối dưa chay tịnh của thiền môn, đạo bác ái cao siêu của Phật tổ, có chăng chỉ tẩy sạch được trong tâm hồn ly phụ, cái mối u hoài trường hận nó giày vò nàng đêm ngày, dằng dặc mãi... không thôi?

Ni cô cố quên... nhưng nào hay, công tử Nguyễn Anh Tế lại làm nhóm lại trong dạ khô héo của nàng một nguồn hy vọng đầm ấm mà một sớm

mai, sự tàn ác của những trường hợp
éo le đã làm cho tắt hẳn, tắt vùi như tro
nguội...!

CHƯƠNG 13

HÒANG PHI TRỐN SANG KINH BẮC từ khoảng thượng tuần tháng giêng năm Kỷ Dậu, mãi đến hạ tuần tháng ba, nàng mới gặp Nguyễn Anh Tề. Trong khoảng đó, công tử về anh Hóa và đi khắp các sa môn ở hai trấn Lạng Sơn, Kinh Bắc, mãi sau cùng chàng mới gặp lệnh bà.

Bao nhiêu cố thần nhà Lê, tức tối về nổi thay quyền chính, rủ nhau họp

thành bè đảng, toan sự khôi phục; họ cố lòng kiếm cho ra Hoàng phi, song bà hết sức lẩn tránh không muốn ra mặt. Chỉ một mình Anh Tể là có duyên được thấy bà trong một buổi ngẫu nhĩ; trước kia khi theo cha ra Thăng Long, trong lúc dự đám cưới công chúa Ngọc Hân lấy Uy quốc công Nguyễn Huệ, công tử có nhận được mặt Hoàng Phi, thuở ấy còn là vợ Hoàng tôn Duy Kỳ. Vẻ đẹp phúc hậu và hiền thực của Hoàng phi, nhất là cái mồm nàng cười rất có duyên, đã để một kỷ niệm sâu xa trong tâm hồn công tử, bởi lẽ nét khuynh thành của vợ Hoàng tôn, từng chút một, giống như tạc nhan sắc của An Trinh, An Trinh người thiếu phụ chàng thờ trong linh đài như thờ một nữ thần tuyệt đẳng.

Lần này, gặp Hoàng phi dẫn bà gầy đi, yếu đi, xanh xao tiêu tụy đi. Anh Tề cũng nhận được ngay tức khắc: những kỷ niệm giấu trong đáy óc chàng đã giúp chàng có một thứ trực giác vững vàng, tìm được Hoàng phi trong một ni cô nâu sồng: điếm đăm.

Phụ phục trước mặt người đàn bà thứ hai mà chàng sùng kính, nhưng sùng kính một cách tối cao thượng thiêng liêng – Anh Tề vừa khóc vừa đập đầu xuống đất:

– Tàu lệnh bà, kẻ hạ thần tìm Lệnh bà đã mấy tháng trời này; mãi bây giờ mới được chiêm ngưỡng tôn nhan trong am sâu thanh vắng này! Hạ thần vốn dòng dõi cựu thần nhà Lê, sống chết vẫn thờ nhà Lê, dầu bị gan óc lầy đất cũng không hối hận.

Thần là con trưởng Bằng quận công Nguyễn Hữu Chỉnh; Cha thần thuở bình sinh chịu ơn nặng của tiên triều, của Hoàng thượng, nhưng không may giữa đời bị hại, chưa báo đáp non sông nhà Lê được một chút nào. ần sinh sau đẻ muộn, song cũng cố noi theo ý chí tổ tiên, đêm ngày lo sự khôi phục cho xã tắc. Vả chẳng, quân Tây Sơn giết mất cha và em thần, thù ấy bất cộng đốì thiên, lẽ nào thần nỡ khoanh tay ngồi mà không báo?

Nay thân bốn bể không nhà, tang hồ một túi, thực không còn có sự gì bó buộc nữa. Mục đích của thần là đi tìm Lệnh bà, ngỏ cho Lệnh bà biết việc cơ mật để Lệnh bà an lòng chờ đợi, rồi thần sẽ ra đi, đi tìm ánh thượng, giúp Ngài lấy lại sơn hà!

Hoàng phi nghe nói nửa mừng nửa sợ, không hiểu Nguyễn Anh Tề có thực bụng trung nghĩa hay chỉ là một tay thám tử của tân triều. Cố hết sức trấn tĩnh tâm thần, nàng mời khách vào phương trượng. Trong khi đàm luận, Hoàng phi trong cử chỉ và dung mạo của Anh Tề, biết chàng không phải là người gian xảo phản trắc, cũng cứ thực tình giải tỏ cho chàng biết những nỗi đoạn trường cơ cực, bấy lâu nay đè nén trên mái đầu còn non nớt của nàng.

Thế rồi, từ giã Hoàng phi, Nguyễn Anh Tề phấn khởi ra đi, sau khi thể với nàng sẽ lấy thân thể và sinh mệnh giúp nhà Lê khôi phục.

Trong chốn am sâu tẻ lạnh, Hoàng phi ra sức đợi chờ. Năm lại nối năm, những ngày buồn vắng hờ hững lướt

qua không đem lại cho nàng một tin tức gì vui vẻ. Vua Chiêu Thống còn hay đã mất, nàng mịt mù chẳng biết tăm hơi. Bận với nỗi u ẩn trong lòng, với cảnh tiêu điều ảm đạm, nàng chỉ còn biết vùi sự đau đớn âm thầm trong làn khói xanh nghi ngút, trong sự thanh khiết nâu sồng, trong mấy pho kinh Địa tạng mà ngày đêm chăm chỉ, nàng vừa gõ mõ vừa dốc lòng tụng niệm rì rầm.

Bao nhiêu kỷ niệm rục rĩ của thời xưa, bao nhiêu nông nỗi khó khăn vừa mới trải, dần dần như bị thôi miên bởi giọng ê a ru ngủ, trôi vào gấm tối vắng ơ hờ. Quên sự phú quý quên đời ngọt bùi, quên mùi lượ là đài các, Hoàng phi có đủ gan quên hẳn, quên cả, chẳng thềm tiếc nhớ đoái hoài. Nhưng mà... nhưng mà... tình mẫu tử, nghĩa phu

thê, cái đau đớn của một thiếu phụ xa con xa chồng, nó lắm lúc, giữa bể lòng phẳng lặng, rào rạt lên như làn sóng cuộn, rồi nhô cao, nhô mãi, phi bọt tú tung trắng xoá, gây thành một trận phong ba. Trận phong ba ấy, nếu linh hồn Hoàng phi chỉ hơi bị sự gì xúc cảm là một lần lại bùng bột lên, làm náo loạn hẳn tâm nàng. ưong con, nhớ chồng, những tình cảm thiêng liêng của một cô phụ thất thế lỡ duyên, nước Cam lồ, dầu đấm ắm đến đâu, cũng khó nổi rửa tiêu đi được.

Bởi thế, dù lắm lúc Hoàng phi cố hết sức trấn tĩnh tâm thần để tụng kinh niệm Phật, nàng vẫn thấy nhoi nhói trong linh hồn như bào xé, như cắn rứt, những nỗi niềm cay đắng gây ra bởi cuộc phân ly. Sự chờ đợi của nàng, tưởng đâu nó sẽ có kết quả mỹ miều

mãn nguyện; có ai hay nó cũng mất đi với đồng tro tàn của tấm hy vọng hảo huyền như mộng tưởng, nó bỗng hóa ra vô dụng như đã vô dụng, những ngày ảo não đợi chờ...

Thế rồi... thế rồi, một buổi sáng mùa đông năm Quý Sửu (1793), một câu chuyện của Nguyễn Anh Tế kể lại, nó đã khoanh khắc diệt hết những nguyện ước đầm ấm ấp ủ khối lòng lạnh lẽo của Hoàng phi, nó đã làm tiêu tán hết bao nhiêu nỗi thương đau, bao nhiêu nguồn nhục nhã, bao nhiêu cơn sầu thảm, từ trước đến nay, nàng vẫn kiên tâm hoài bão. Giờ đây, nàng chỉ còn biết cúi đầu trước số mệnh, sống nốt quãng đời thừa, sống nhẫn nại, sống âm thầm, sống hiu quạnh như một ni cô đắc đạo. Xác nàng tuy còn chứa một đôi chút sinh khí khiến nàng

góp mặt với trần ai, nhưng hồn nàng đã chết rồi, tâm nàng đã héo rồi, nàng có sống cũng như thác vậy.

Không còn một hy vọng gì hồi lại được ngọn lửa trong lòng nàng đã vùi tắt ngấm; không còn một khoái lạc gì trên đời xúc động được xác thịt nàng đã cần, con tâm nàng đã cõi; không còn một thị dục gì nhóm lại những tia sáng trong mắt nàng ngày nay như say sưa đắm đuối trong bầu mộng tưởng; không còn một công cuộc gì làm nở lại nụ cười xinh đẹp trên đôi môi nàng xưa kia thắm đỏ, mà giờ đây nhợt nhạt, tím bầm...

Chỉ bởi vì... sáng hôm đó, đương buổi trước Phật đài, Hoàng phi rù rì khăn khứa, nàng thỉnh linh thấy một bóng người từ từ tiến đến, bóng một

người đàn ông vạm vỡ, đeo một lưỡi gươm trường vắt vẻo bên hông. Người đó là Nguyễn Anh Tề.

Thấm thoát năm năm cách biệt, chàng nhìn nàng thấy nàng hình dung tiêu tụy; mà nàng trông chàng cũng thấy chàng già xấu xí đi nhiều. Nét mặt trước kia khôi ngô răn rỏi, đôi mắt buổi thiếu thời sáng ngời và linh lợi, chỉ trong một quãng biệt ly ngắn ngủi, đã bị cuộc phong trần làm cho cằn cõi ám mờ. Đôi mắt mất hẳn tinh anh cũng như nét mặt kém vẻ khôi ngô trắng trẻo: những nét nhăn – kỷ niệm bao cuộc đau thương thấm thía – hoành hành trên làn da đen sạm như đồng.

Sau khi vào nhà phương trượng, mới thoát đặt lưng ngồi xuống, chưa kịp nhấp giọng bằng vài giọt nước hồng mai, Anh Tề đã lộ rõ đầm đìa, nức nở trước khi kể chuyện, khiến Hoàng phi chợt thấy vẻ thương tâm của tráng sĩ, đã đoán ngay lời chàng sắp nói, tất chỉ là những tin dữ dội, thảm buồn. Nàng cũng òa lên khóc.

Hồi lâu, thấy khối lòng hơi khuây khỏa nhẹ nhàng, chừng như đã trút được ít nhiều đau khổ trong nguồn nước mắt trào ra, Anh Tề mới lấy vạt áo lau mặt, nhìn Hoàng phi một cách âu sầu:

– Lệnh bà đừng than khóc làm chi nữa cho mình vàng thêm mỗi mệ! Hạ thần đã định tâm gắng hết sức bình sinh giữ lòng bình tĩnh, ngõ hầu an ủi

Lệnh bà. Nhưng thần ngày nay khí thể đã kiệt rồi, hy vọng đã tuyệt rồi, thần chịu ngậm miệng nhai nuốt quá nhiều đau đớn, hóa nên không kiên gan được nữa, không cầm được giọt lệ nữa! Lệnh bà chắc đã đoán rõ những chuyện thần sắp thuật ra toàn là những tin xé ruột, toàn là những trang của một pho lệ sử thảm thương. Phải, thần chịu nổi cay đắng đem lại cho Lệnh bà một mối hận ngàn thu không sự gì giải được. ần là kẻ thông tin của âm khốc, người sứ giả của Đoạn trường. Thần là một con xú quỷ, nhưng cũng là một vị phúc tinh. Thần đến đây để báo cho Lệnh bà những đại tang mà oan nghiệt gieo lên đầu châu, mà cũng đến đây để làm cho mối thương tâm của châu bớt đi một phần thiết tha sâu sắc.

Tàu Lệnh bà Thánh thượng ngày nay đã là người thiên cổ, Ngai xuống tuổi vàng tìm ái tử đã hơn một tháng nay rồi! Chỉ còn một mình ái hậu ở lại bên Tàu, để ngày đêm thương khóc cháu và con, như Lệnh bà khóc chồng và con vậy...

Anh Tề nói đến đây, chưa dứt câu, Hoàng phi đã kêu rú lên, vật mình xuống đất, khóc ngất đi một lúc. Anh Tề và con nữ tỳ hết sức lay gọi, phun nước vào mặt, bấy giờ nàng mới tỉnh, những tỉnh rồi càng rên rĩ khóc than. Anh Tề thấy cảnh động lòng cũng phải sụt sùi thổn thức. Song chàng vội trấn tĩnh, uống cạn mấy chén nước hồng mai, rồi nói:

– Bây giờ, Lệnh bà có quá sầu muộn, sự cũng đã rồi, chỉ tổ làm cho

ngọc thể đã yếu còn suy nhược dần dần đi mãi. Lệnh bà mới chỉ nghe nói đức vua đã băng hà, ái tử đã thất lạc, nhưng Lệnh bà chưa biết rõ những có sự, những nông nổi đã xảy ra trước cái chết của hai ngài.

Lệnh bà cũng nên lắng tai nghe thần kể rõ nguồn cơn; như thế, dù không theo Hoàng gia sang đến nước người châu, cũng tựa hồ được gần cạnh Hoàng thượng và Đông cung trong khoảng cách xa nhau vậy.

Lệnh bà chắc hẳn còn nhớ hôm thần qua đây tìm châu lần thứ nhất. Chiều hôm ấy, sau khi ra khỏi Tam Thanh này, thần cứ thẳng đường, đi không nghỉ, đến cửa Nam Quan. Rồi nhân một buổi tối trời, thần nai nịt chỉnh tề, vượt qua ải đi sang Long Châu.

Sang đến nơi, nghe nói ánh thượng cùng quan Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đã về Nam Ninh, thần cũng theo sang ở đó. Chưa được bao lâu, Tôn Sĩ Nghị phải gọi về triều, Phúc Khang An đến thay làm Tổng đốc Lưỡng Quảng. Nguyên vua Càn Long nghe tin Nghị đại bại trốn về, bèn thịnh nộ giáng chỉ bắt Nghị về kinh đô trị tội. Phúc Khang An là người Mãn Châu, thuộc về dinh Hoàng Kỳ, vốn được vua nhà anh tin dùng, nên cho ra thay Sĩ Nghị. An ra đến Quảng Tây, nghe tiếng quân An Nam mạnh thế lắm, trong bụng đã sợ, có ý muốn hoà, cho khỏi bị thất thố như quan Tổng đốc cũ. Đương khi băn khoăn, may làm sao vua tôi nhà Tây Sơn tỉnh ý, từ trước đã sai Ngô Thời Nhiệm thảo quốc thư đưa sang Tàu tạ tội, xin giảng hòa và đem giao trả những quân

bắt được trong khi giao chiến. Bên này thì Phúc Khang An cũng muốn tránh việc binh lửa, sai đưa quân thư sang An Nam nói việc lợi hại và khuyên Quang Trung dâng biểu tạ tội cho yên hẳn sự can qua. Nhận được thư vua Tây Sơn phái ngay người đem vàng bạc sang đút lót cho Khang An và sai cháu là Quang Hiến cùng quan là Vũ Huy Tấn tải đồ cống phẩm sang Yên Kinh vào chầu kiến vua Càn Long để xin thụ phong.

Phúc Khang An, được ăn lễ, mượn tay trong là Hòa Ân giúp đỡ. Hòa Ân cũng là người Mãn, trước kia cùng coi việc phiêu viễn với Khang An trong dinh Hoàng Kỳ, rất có thế lực. Nguyễn Quang Hiến sang Yên Kinh, trước hết vào hầu Hòa Ân, dâng vàng bạc châu báu và trình thư của Nguyễn Huệ cầu khẩn giúp đỡ. Bởi thế, mặt ngoài nhờ

Khang An đặt biểu nói hộ, mặt trong thì có Hòa Ân dùng lời tâu khéo, điều gì cũng hợp ý vua, nên Càn Long sai sứ sang phong cho Huệ làm An Nam quốc vương, lại giáng chỉ đòi Quốc vương vào châu.

Cách đó mấy tháng sau, thiên hạ thấy một đoàn xa mã vào Yên Kinh: Bốn quan văn võ Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, và Võ Huy Tấn phò vua An Nam vào châu Thanh Hoàng đế. Ngoài những phẩm vật đem cống tiến như sừng tê, ngà voi, bạc vàng châu báu vân vân, còn có thêm một đôi tượng đực. Trong khi hành trình, vua tôi An Nam nhiều phen nghỉ trong quán dịch, những cung, trạm ở dọc đường phải phục dịch cung đón rất là vất vả. Khi tới địa phận Quảng Tây, quan Tổng đốc Lương Quảng Phúc

Khan An và quan Tuần Phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh phải thân đưa Quốc vương vào châu.

Ròng rã mấy tháng trời, đoàn xa mã tới Yên Kinh; Vua Càn Long cho vôi An Nam quốc vương và các quan theo hầu vào Nhiệt Hà, lại cho Quốc vương lên tận bệ rồng làm lễ ‘bảo tất’ [Bảo tất: Ôm gối], như tình cha con vậy. Xong, Thanh hoàng đế ban cho Quốc vương được vào điện ăn yến với các thân vương. Đến lúc già tử về nước, vua Tào lại sai thợ khéo vẽ một bức tranh truyền thần Quốc vương rồi ban cho, ân lễ thực là tối hậu.

Quốc vương An Nam từ đấy được vua nhà anh yêu mến, hóa không ai nghĩ đến việc chinh phạt nhà Tây Sơn nữa. Mãi sau này, cách đó non nửa năm,

các quan theo hầu Hoàng thượng ta và thần mới được rõ có đoàn cống tiến An Nam sang Tàu, nhưng Quang Trung không sang, sai người Phạm Công trị dung mạo giống mình, trá hình làm Quốc vương sang châu Thanh Hoàng đế.

Những sự đó xảy ra mấy tháng sau khi Phúc Khang An đem Hoàng thượng và các quan ta về Quế Lâm. Nó lại hết sức giấu giếm những việc phong vương cho Nguyễn Huệ, hóa nên vua tôi vẫn mịt mờ, không biết một tí gì – Bấy giờ, đi theo Hoàng thượng có Hoàng thúc Lê Công Duy Án, cùng các quan văn võ như bọn Đinh Nhạ Hành, Đinh Lĩnh Dận, Trần Huy Lâm, Lê Doãn, Lê Dĩnh, Phan Khải Đức, Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyễn Doãn; cả chín người nổi gót thánh thượng và ra mắt Khang

An khi hấn vừa tới nhậm chức. Thằng ác bá ấy trong lòng không muốn giúp nhà Lê nữa, nên ngoài mặt tuy làm ra vẻ hiền hoà mà trong lòng đã bày đặt sẵn mưu kế quỷ quyết để chia rẽ Chúa thượng ra một nơi, lũ quan tòng vong ra một nẻo. Hấn bèn dùng ngay Định Nhạ Hành làm ủ bị Toàn châu, phong Phan Khải Đức làm Đô tư Liễu châu, còn thì tùy tiện an trí mỗi người một chỗ, để có Hoàng thúc, các quan Trần Huy Lâm, Lê Doãn, Lê Dĩnh theo chúa thượng vào Quế Lâm mà thôi. áng tư năm Kỷ Dậu (1789), vua tôi vào thành Quế Lâm, Phúc Khang An bèn giả vờ an ủi Chúa thượng, nói thác rằng:

– Hiện nay tiết trời đã sang hạ, khí hậu không tốt vì nắng nực lắm, sang đánh phương Nam không tiện e quân sĩ bị nhiều nhiệt chứng mà chết. Đợi

đến mùa mát mẻ, ta sẽ khởi quân. Vậy nhà vua nên bảo bọn thuộc tướng sửa soạn luyện tập trước đi, hễ tới dịp thì phát binh ngay, nhân lúc xuất kỳ bất ý mà tiến sang như nước lũ, hoặ may có cơ toàn thắng được. Song le, nhà vua nên cạo đầu và theo lối ăn mặc nhà Thanh, lúc về nước sẽ không ai nhận được mặt; trong việc hành binh phải hư hư thực thực, biến trá cho bên địch khó lường. Lúc nào lấy lại được giang sơn bấy giờ nhà vua sẽ để tóc ăn mặc lối Nam, tưởng cũng không lấy gì làm muộn vậy!

Thánh thượng không biết Khang An chủ tâm lừa dối, cũng vui lòng giống giả các quan bắt chước Ngài, cạo đầu gióc tóc ăn mặc y phục Mãn Thanh. Nào ngờ Khang An lại nhân thế mà phản trá, nó làm ngay một tờ biểu

dâng vua Càn Long, đại khái nói rằng:

Vua An Nam không có ý viện binh nữa, hiện đã cạo đầu đổi áo, yên tâm ở lại nước Tàu, không về nữa. Vậy xin bãi hẳn việc đánh phương Nam, cho dân sự khỏi nạn binh lửa.

Trong triều có tay trong của bọn nó là Hòa Ân tán thành nói vào, khiến vua nhà Thanh xuống chỉ thôi hẳn sự dùng binh. Nhân đó, cách mấy tháng sau, Nguyễn Huệ lại sai Phạm Công Trĩ trá hình làm Quốc vương làm lễ ôm gối Càn Long. Càn Long nghe lời Khang An và Hòa Ân, phong vương tước cho Huệ.

Thế rồi việc viện binh của Hoàng thượng ta xin, nó bèn bỏ lảng đi. Không những thế, vua nhà Thanh còn tưởng

Chúa thượng cùng các quan muốn ở lại bên Tàu nên giáng chỉ cho đòi vua tôi cùng về Yên Kinh để an trí cả một chỗ. Tháng Hai năm Canh Tuất (1790), thánh thượng và các quan tòng vong lên cả kinh thành nhà Thanh.

Lúc bấy giờ, có mấy ông cựu thần triều ta nghe nói vua ở Yên Kinh, bèn theo sang hầu Ngài. Trong bọn đó, có các ông Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý ích, Nguyễn Đình Miên, Đàm ận Xưởng, Lê Văn Trương, Lê Tùng, Lê Thúc và ít người nữa.

Phúc Khang An thấy bọn quan mới sang này không ăn mặc theo lối áo Tàu, bèn bắt cả về Quảng Tây rồi ép phải gióc tóc đổi áo như mọi người. Ông Lê

Quýnh, không chịu được sự áp chế vô lý ấy, bảo Khang An rằng:

– Ông cho gọi chúng tôi đến, đã chẳng bàn được điều gì có ích, lại còn đổ dành chúng tôi cắt tóc thay y phục, thế là nghĩa gì? Tôi nói thật cho ông biết: Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc không gióc được; da chúng tôi có thể lột được, chứ áo thì không đổi được!

Phúc Khang An giận lắm lắm, nhưng cũng không biết làm thế nào, bèn đem giải cả về Yên Kinh. Đi đến Sơn Đông, may sao gặp Càn Long đi du ngoạn, thấy lũ quan ta bị trói, cho đòi vào hỏi rằng:

– Vua nhà ngươi đã chịu cạo đầu thay áo theo kiểu nhà anh, sao các người còn bướng bỉnh chưa chịu?

Ông Lê Quýnh tâu rằng:

– Chúng tôi muôn dặm tòng vong, xin cứ cho theo tục lệ vào ra mắt Quốc vương, rồi sau sẽ xin lĩnh mệnh.

Vua Càn Long nghe lời nói khẳng khái, lại trông nét mặt rắn rỏi của ông Lê, phải khen ông là bấy tôi trung nghĩa, sai thả cả các quan ra rồi cho đưa vào Yên Kinh yết kiến thánh thượng.

Thánh thượng bấy giờ cùng thái hậu và Hoàng tử được vua nhà Thanh an trí ở ngõ Hồ Đồng tòa Quốc sử giám của Tây Định, ngoài cửa tòa có đề biển: “Tây An Nam dinh”. Còn các quan thì cùng cho ở ngõ Hồ Đồng Dương phố, cửa Đông Trục, ngoài cửa có đề chữ: “Đông An Nam Dinh”.

Bọn ông Lê Quýnh đến ra mắt vua, thấy Ngài đã cạo đầu đổi áo, cũng đều gióc tóc thay y phục cả. Chỉ có ông Lê là nhất định chết thì chết chớ không chịu, bởi thế nên chiếu tội vi mệnh, bị bắt giam mãi mãi.

Thánh thượng đến Yên Kinh được mấy hôm thì có Nhượng hoàng Kỳ Đô thống là Kim Giản, phụng chỉ Càn Long, ra phong cho Ngài chức Tả Lĩnh và đưa cho mũ áo Tam phẩm. Các quan tòng vong thì mỗi người được một thạch gạo và ba lượng bạc.

Thánh thượng tức uất người lên, song phải nuốt thầm nước mắt chịu thụ phong và nhận áo mũ. Kim Giản đi xong, Ngài ôm đầu ngồi khóc, rỏ ra huyết lệ, Ngài giận nổi bị quân Tàu đánh lừa, bèn cho gọi các quan đến,

rồi cùng mấy ông Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiếu, Lê Quý ích, Nguyễn Đình Miên, Lê Văn Trương, Lê Tùng và Lê ức uống máu ăn thể nguyện sống chết thế nào cũng dâng biểu xin binh cứu viện. Nếu không cho nữa, thì ít ra cũng cắt cho đất hai tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, để phụng thờ tôn tự, mà không nữa, thì xin họ về nước, để vào Gia Định với chúa Nguyễn mưu đồ việc khôi phục cho nhà Lê.

Làm biểu vừa xong, đến nói lút trước với Kim Giản. Nhưng không có lễ vật gì dâng biểu, nên tuy nói hết nước dãi mà nó vẫn không nghe. ánh thượng cùng các quan, không biết làm thế nào, đều phủ phục xuống đất mà kêu khóc. Kim Giản thấy thế, bất đắc dĩ phải mời cả vào an ủi mà rằng:

– Nhà vua hãy cứ an tâm, cứ về quán dịch nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng quý thể đã; đợi để thương lượng thế nào, sau này tôi sẽ cho biết.

Nó dễ dàng như thế, nhưng ngày hôm sau, nó bàn mưu với Hòa Ân phân trí vua tôi mỗi người đi một chỗ để khỏi bị nghe những lời kêu chúng ta oán thán khó chịu. Đến tháng tư năm Tân Hợi (1791), ông Hoàng Ích Hiếu phải đày sang Tây Vực, ông Lê Hân đi Phụng Thiên, Ông Nguyễn Quốc Đống sang Cát Lâm, các ông Nguyễn Viết Triệu, Lê quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Đàm ận Xưởng, Lê Văn Trương thì bị giải sang bến Trương Gia tỉnh Trục Lệ.

Thế là chung quan mình Chúa thượng không còn ai cả, chỉ có hai

ông Phạm Đình Thiện cùng Đình Nha Hành bỏ chức thủ bị Hoàng Châu theo lên, và vài người hầu cận nữa mà thôi.

Thánh thượng lúc bấy giờ ruột đau như xé, đêm ngày. Ngài lo lắng chua xót, khóc lóc kêu vang, ngồi đứng bất an, hình hài chốc lát tiêu tụy hẳn đi, trông thương hại quá. Sáng hôm sau, Ngài cưỡi ngựa sang dinh Kim Giản, kêu oan cho lũ bề tôi bị đi đày, gặp ngay Kim Giản vào châu vua Càn Long ở vườn Viên Minh. Ngài bèn nổi gót đi vào cửa vườn, bị lũ lính giữ vườn ngăn cản lại. Lúc đó có tên nội thần là Nguyễn Văn Quyên theo hầu Chúa thượng; Quyên thấy lũ quân canh gác xược, bèn nổi giận ùng ùng, xông lại mắng chửi:

– Lũ chó Ngô kia! Sao chúng mày dám vô lễ, làm nhục đến vua tao!

Vừa mắng vừa cầm gạch đá ném vào chúng nó. Bọn lính bị chửi cùng xì xồ chửi lại, rồi chúng kéo ùa cả ra xúm lại đánh cho Quyên một trận nhừ tử. Về đến nhà, Quyên bị bệnh mà mất.

Từ đó trở đi, Chúa thượng thấy mình bị lừa đảo, đến nỗi hóa ra lực cô thế yếu, trong lòng rầu rĩ buồn bã, song không dám nói đến chuyện xin viện binh nữa, vì biết có nói ra cũng chỉ tổ phí lời. Ngài đành kiên nhẫn sống cùng ái hậu và Hoàng tử một quãng đời tẻ lạnh. Không hy vọng cũng không khoái lạc; đêm đêm ngài chong đèn ngồi khóc, khóc chán lại đem thơ ra ngâm, giọng ngâm nghe buồn rầu thảm thiết, có thể cảm động được quỷ thần. Nghe

vua than oán bi ai, những kẻ như thần theo hầu Ngài, cũng thấy gan ruột như bào như xé, nhưng còn biết làm thế nào trước sức mạnh vô cùng của số mệnh tàn ác bất lương, và trước cách đối phó giáo quyết sâu độc của lũ quan Tàu nham hiểm!

Vì Chúa thượng ưu tư quá, càng ngày sức lực Ngài càng đâm ra suy kiệt. Đã thế, phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, Hóa công cay nghiệt còn đem đến cho Ngài những nỗi đau đớn, thâm thúy bằng hai sự mất nước, là ngôi! Đó là sự Hoàng tử thất lộc. Tháng năm năm Nhâm Tý (1792), có dịch lên đậu ở Yên Kinh, Hoàng tử không may nhuộm bệnh. Chữa chạy mãi đều vô công hiệu: được non một tháng trời, Đông cung là bỏ cõi đời. ánh thượng không còn biết mùi gì là ngon ngọt nữa, thú gì là vui

vẻ nữa. Ngài chỉ hết than lại khóc, hết khóc lại ngâm, làm cho thái hậu cũng vật mình kêu khổ. Chả bao lâu sau, khi Đông cung khuất bóng, vua vì quá lao tâm mà thọ bệnh, mỗi ngày một nặng, nằm lì bì liệt giường chiếu, đến ngày 16 tháng mười năm Quý Sửu (1793). Ngài gọi các người theo hầu trong buổi lưu ly, ứa nước mắt cầm tay cả lũ chúng tôi, hỗn hển ngỏ lời cảm tạ và từ biệt, rồi băng hà, không trối trăng lại điều gì cả!

Vua thăng hà mà không có một ngự y nào bên cạnh giường bệnh, không có một người cung phi nào săn sóc trông nom, không có một vị đại quan nào đứng túc trực, không có một hồi chiêng hồi khánh nào báo hiệu Ngài về Trời! Thực là một cảnh tối cảm động thương tâm, thương tâm nhất là thấy vua một nước to, chỉ lỡ sa cơ thất thế mà chết

khổ như một kẻ thường dân vậy.

Tự cổ chí lai, trong lịch sử chưa bao giờ có ghi chép một việc bi ai dường ấy. Cũng đã có nhiều vị đế vương chết dưới mũi tên hòn đạn, bị hành thích hoặc bất đắc kỳ tử, nhưng chưa ai từng thấy một vị Hoàng đế chết ưu sầu thống thiết thế bao giờ!

Hạ thần cùng mấy kẻ tòng vong đều phục xuống khóc. Còn thái hậu thì người đau đớn quá, đau đớn đến nỗi ngồi thở ra, lặng đi hàng giờ, không nói.

Bọn chúng tôi xúm nhau lại tắm rửa cho Chúa thượng bằng nước ngũ vị hương, xong lấy áo Long Cổn và mũ miện Hoàng đế cho ngài, rồi khâm liệm ngay, kéo sớ quan Tàu kiểm chuyện.

Yên đầu đấy, chúng tôi mới sai người báo tin cho Kim Giản, để Giản vào tâu vua nhà Thanh. Càn Long truyền chỉ dùng lễ tước công tống táng cho Chúa thượng. Chúng tôi tìm được một ngôi đất tốt ở ngoài cửa Đông Trục, bèn xin cho táng thi hài Thánh thượng ở đó.

Việc ma chay chu tất, chúng tôi bèn thương lượng với nhau, kẻ ở lại hầu ái hậu, người trốn về cố quốc thăm nhà. Trong mấy vị triều thần sang tòng vong, có nhiều vị tuyệt thực hay vẫn cảnh theo vua về chín tuổi. Dăm ba người lại vì cơ cực mà chết trước, chỉ lác đác còn một đôi ông, thì mỗi ông bị dày đi ở một chốn xa xăm.

* * *

Thưa Lệnh bà, đó là pho bi sử của Chúa thượng nhà ta đó. Trời đã đến lúc không trợ nhà Lê ta nữa, thì có quay cuồng cũng vô ích mà thôi. Hạ thần trước kia, cũng rắp tâm hy sinh cả thân thế và số mệnh cho sự khôi phục, nhưng một phen sang đến tàu, thần biết rằng ý chí của thần chỉ là một mộng tưởng. Bởi lẽ, chịu ức hiếp dưới quyền lũ quan Tà tà ác, Thánh thượng còn khi nào được thấy ngày trở lại nước Nam ta? Nữa là còn mong ở sự giúp binh cứu viện!

Thần nay là một kẻ chí khí đã cạn, gia đình đã nát, hy vọng đã tuyệt, không còn liên lạc gì với cõi phù thế nữa. Nhưng sở dĩ thần sống sót đến ngày nay, là vì riêng muốn báo ơn ánh

thượng đến kỳ cùng, muốn được gặp Lệnh bà một lần nữa để báo cho Lệnh bà biết những nông nổi mà Hoàng gia đã phải trải qua bên khách địa.

Nay mục đích thần đã đạt, thần xin cúi lạy Lệnh bà gìn giữ mình vàng, chớ nên ưu sầu quá độ. Mệnh số đã như vậy, biết làm thế nào? Còn về phận thần, thần xin từ giã Lệnh bà; được giáp mặt Lệnh bà lần này tức là lần chót vậy.

Tàu Lệnh bà, nỗi đau đớn của thần, nếu nó không giống sự mất ngôi mất nước, nó cũng là cho thần từ năm sáu năm này, ăn không biết ngon, mặc không biết đẹp, sống thác không quản, cực nhục không từ, nó đã làm cho thần không biết mùi sinh hoạt là gì nữa, không biết thú sinh tồn là gì nữa! Bây giờ đây, giữ nhẹ được trong

lòng những ân oán trước kia chất nặng,
thần chỉ còn biết êm vui trong sự theo
vua xuống chốn tuyên đài.

Thôi, xin lạy Lệnh bà!

Câu chuyện nói tới đây, công tử
Nguyễn Anh Tể vùng đứng dậy, đi ngay,
để một mình Hoàng phi ngồi gục mặt
xuống bàn, chả biết nàng mê hay tỉnh.
Ra đến ngoài hiên, Anh Tể mới nhận
thấy mặt trời gần xế bóng...

Lịch sử chép rằng cách đây sáu
năm, tháng một năm Kỷ Mùi đời vua
Gia Khánh. ái hậu theo vua và Hoàng
tử về trời. Lại có chín năm, năm Nhâm
Tuất (1802) khi Thế Tổ Cao hoàng nhà
Nguyễn đã nhất thống được thiên hạ,
quan nhà Lê, nhân dịp có sứ ta sang
Tàu cầu phong cho Thế tổ, dâng biểu

xin đem di hài Thái Hậu, Cố quân và Hoàng tử về nước. Vua Gia Khánh chuẩn lời cầu khẩn đó, tha cho tất cả các quan tòng vong khi trước được về xứ sở phương Nam.

Khi cải táng phần mộ Cố quân, người ta thấy da thịt đã tiêu tán cả chỉ còn quả tim tro lại, không nát, vẫn tươi đỏ như thường. Ai trông thấy hoặc nghe biết sự đó cũng động lòng thương xót, ái ngại cho tình cảnh một ông vua von quốc phải đày đoạ đến như thế, để lại muôn đời một tấm gương thảm kịch đáng thương. Ai cũng phải oán trách lũ quan Tầu quá tàn nhẫn, có những thói đã man áp chế khiến cái khổ của Chiêu Thống phải kết lại thành khối, đến mấy đời sau cũng chưa siêu thoát đi được.

Đem di hài Cố quân và Hoàng gia về đến biên giới thì gặp Hoàng phi mặc sô gai ra Nam quan đón rước linh cữu hộ tống về Thăng Long. Về đến Thăng Long trong khi hoàn linh cữu Cố quân lại đó, bà Hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng tuyệt thực mà chết, để lại một tấm gương trinh liệt mà đã cách mấy trăm năm rồi, cũng chưa ám mờ.

Ngày 24 tháng một năm Nhâm Tuất, các quan cơ thần nhà Lê rước ma Cố quân, Thái hậu, Hoàng phi và Hoàng tử về Thanh Hóa, đem táng ở lăng Bàn Thạch, thuộc về đất phủ Thọ Xuân. Di hài nội thân Nguyễn Văn Quyên và mấy ông quan tử tiết cũng đều phụ táng ở đó.

Sự nghiệp nhà Lê, từ ngày Thái tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, cho đến lúc

Chiêu Thống bị vong quốc theo Tôn Sĩ Nghị sang Tàu, trước sau gồm tất cả được 360 năm, mở đầu bằng một kỷ nguyên rực rỡ oanh liệt, để kết cục bằng một sự nhục nhã bi thảm, biểu hiện cho sự hưng suy vinh nhục ở đời.

Trong lúc đưa ma Cố quân ở Tàu về, các quan cựu thần nhà Lê có khóc viếng linh cữu bằng một bài thơ bát cú. Thơ rằng:

Nằm gai nếm mật mấy năm thừa!

Nấm cô đưa về đất xưa,

Bể Bắc, chín lần rồng lần sớm,

Non Nam một đỉnh hạc về trưa,

Tưởng đầu năm nọ như ngày nọ,

Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ!

Thua, được, cuộc cờ thôi để đó,

Gội ơn cây cỏ vẫn còn thừa.

CHƯƠNG 14

BÂY GIỜ NGUYỄN ANH TÊ mới giờ đến ‘Đồng tiền Vạn Lịch’. Đồng tiền ấy tự đâu mà có, tự đâu đến ghi trong đời chàng một kỷ niệm nào nùng?

Nguyên sau khi nhờ Bình an vương Trịnh Tùng lấy lại được thành Thăng Long, đuổi con cháu Mạc Đăng Dung lên mạn Cao Bằng, vua ế tôn nhà Lê có phái hai ông quan sang sứ Tàu dâng

những cống phẩm và xin phong. Hai ông quan đó là Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan sung chức chánh sứ, và ái thường tự khanh Nguyễn Nhân Thiêm, nhận chức phó sứ.

Tháng 5 năm Đinh Dậu (1597), hai ông Phùng và Nguyễn đem lễ vật sang Yên Kinh. Vua Thần Tôn nhà Minh, trước có nhận được biểu của con cháu nhà Mạc kêu rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi chớ không phải dòng dõi nhà Lê nên hai lần đã phái quan thanh tra đến cửa Nam Quan để xét việc hư thực.

Vua Lê Thế Tôn, bởi lẽ ấy, phải thân đến cửa quan để hội kiến cùng quan Tàu. Hội xong trở về, Ngài mới sai sứ sang cầu phong. Sứ giả tới Yên Kinh, vua nhà Minh có ý bênh họ Mạc,

chỉ phong cho Thế tôn là An Nam Đô
Thống sứ mà thôi. Sau khi nhận các
đồ cống hiến, Minh Thần tôn ban cho
Chánh sứ một chiếc kim tiền, Phó sứ
một đồng ngân tiền. Niên hiệu của
Thần Tôn là Vạn Lịch; trên hai đồng
tiền ấy, vì thế có khắc bốn chữ ‘Vạn
Lịch thông bảo’.

Chánh sứ là ông Phùng Khắc Kho-
an, thấy vua Minh chỉ ban cho vua nước
mình một chúc nhỏ mọn, bèn dâng sớ
tâu rằng: “Đô thống sứ là tước cũ của
họ Mạc; nay vua nước Nam là dòng dõi
chính thống, con cháu nhà Lê, phong
cho chúc bé ấy không được xứng đáng:
xin cho chúc khác to hơn.”

Vạn Lịch trả lời rằng: “Vấn biết họ
Lê không thể ví như họ Mạc, nhưng lúc

đầu mới phong, hãy tạm giữ chức ấy, rồi sau sẽ ban cho tước Vương, tưởng cũng chẳng muộn gì!”

Ông Phùng Khắc Khoan không biết nói làm sao, đành chịu lui ra trong lòng tức giận lắm. Về đến quán dịch, ông tháo đồng kim tiền vua nhà Minh vừa tặng cho, mà ông đeo ở cổ, ném vật ấy xuống đất, nói rằng:

– Quân Tàu này đã đổi với vua ta khinh bạc đến thế, ta còn giữ của này làm gì cho thêm nhục mỗi khi trông thấy nó bên mình!

Ông Nguyễn Nhân Thiểm thấy vẻ thịnh nộ trên mặt ông Phùng từ từ cúi xuống nhặt lấy đồng tiền, trao lại cho bạn:

– Vẫn biết vua nhà Minh xử với

nước ta hơi tệ, song nó là vua nước lớn, mình là tôi nước bé, biết làm sao được? Không thuận cũng không xong, có thể nào chỉ thêm giặc giã hại dân thiết đất! Ở đây nhà xa cảnh lạ, xung quanh tai vách mạch rừng, ta hãy nên nhẫn nhục. Kẻo có đứa nào biết, đem chuyện mình tức giận, ném tiền vua ban, lên mách với Minh đế, hai ta sẽ khó lòng trốn thoát trở về. Ông dù cho đeo chiếc kim tiền là nhục, thì ông cho quách tôi, tôi sẽ để cả hai đồng vàng bạc vào chung một hộp, ngõ hầu giữ kỷ niệm về mai hậu, cuộc hai ta sang sứ bên Tàu!

Đương lúc hăng hái, bực mình, ông Phùng gắt, nói:

– Thì đấy! Tôi cho ông đó! Xin thêm tước cho vua không được, mình còn ham lĩnh thưởng làm gì! Cả chúc

Đồ thống của chúng nó, tôi còn chả coi vào đâu, nữa là một đồng tiền vàng một lạng! Nhưng ông có lấy thì nên giữ mà chơi; về đến nước mình đừng có đeo mà càng thêm tức!

Thế là ông Nguyễn Nhân Thiêm làm chủ cả hai đồng tiền Vạn Lịch, hai đồng tiền ấy, sau này, ông cho bỏ nó vào hai hộp gỗ con bằng trắc khảm, giữ làm bảo vật trong nhà, bảo vật ấy trao đi truyền lại đến mười đời; đến đời thứ mười, nó vào tay Nguyễn Anh Tề công tử.

Trong hai đồng, giờ đây, chỉ còn lại đồng vàng rục rở, đồng bạc kia đã theo An Trinh xuống nằm tận đáy bể rồi! Càng ngắm kỹ vật bao nhiêu, công tử càng thấy gan ruột như bào xơ, xé rách. Chàng đau đớn.

Chàng hồi tưởng lại quãng đời vừa mới trải, sự nhục vinh suy thịnh để cho chàng một dư vị đắng cay. Chàng biết rõ công danh phú quý chỉ toàn như đám phù vân, một áng phù vân lỏng lẻo dưới sức mạnh của ngọn gió chiều lôi cuốn. Ngọn gió tức là số mệnh, mà áng phù vân kia là sự nghiệp ở đời.

Giàu, sang, quyền thế, còn ai được bằng vua; thế mà, một sớm thất thế sa cơ, vua cũng khổ hơn thằng hành khất quen mùi đói rét. ằng hành khất có lẽ chỉ bị những bản năng không thỏa nguyện giầy vò xác thịt; song nằm xuống là nó ngủ, ngủ ngon, ngủ kỹ, linh hồn không từng bị cắn rứt bao giờ. Chớ như vua Chiêu Thống: nào bị nhục nhã, bị cay đắng, bị đè nén, bị những thương tâm vô hình nó luôn luôn cào gan xé phổi, luôn luôn rút thịt, kéo gân! Nỗi oán hận

của vua, nó càng khiến vua chịu đau đớn hơn mọi kẻ trong bàn dân thiên hạ, bởi lẽ đã từng quen mùi chung đỉnh, Chiêu Thống không thể một mai đem tấm thân quý phái dãi dầu với ánh phong sương. Một cái khổ thâm thúy sâu xa bao giờ cũng làm cứu cánh cho những nỗi sướng vui cực điểm.

Hoàng phi, cũng như vua, phải chịu nhai nuốt những nỗi đắng cay, sau khi nhà tan nước mất.

Nói tóm lại, cái vinh hoa, oanh liệt cũng đó, mà cái nhục nhã, cơ hàn cũng đó; cuộc thăng trầm đã chọn ai làm thí nghiệm, thì lúc cờ tàn mới rõ ai được ai thua. Mà trên bàn cờ của thời gian, xưa nay đã bao người được? Phần nhiều, chỉ thấy người thua.

Thua? Nay Lê Chiêu Thống, nay Hoàng phi, nay Bằng Trung công Nguyễn Hữu Chỉnh, nay Phò mã Võ Văn Nhậm, nay quận chúa Võ an Trinh, nay nữa, nay nữa... công tử Nguyễn Anh Tề!

Thua, thua hết, thua cả: bạc, vàng, danh giá, có chẳng chỉ là những ảo ảnh hư huyền...? Bao nhiêu tiền của mình gom góp nhặt nhạnh, bao nhiêu sự ngiệp mình xây đắp công trình, rồi nó cũng đổ, cũng tan, không còn để lại một vết gì nữa cả.

Để vết lại, họa chẳng chỉ có Ái tình! Phải, chỉ có Ái tình! Chiêu Thống mất ngôi, mất nước, nhưng nào đâu có mất tấm lòng ái mộ của Hoàng phi? Hoàng phi mất chồng, mất con, mất nhà, mất của, nhưng khối ái ân trong tâm nàng

không một lúc nào phai lạt, chỉ phai lạt
đôi má hồng dày dặn bụi phong trần...

Ta đây, ta đây, Nguyễn Anh Tề, ta
cũng mất cả, không còn gì nữa! Mất
cha, mất mẹ, mất sự nghiệp tang bồng,
mất cả kho vàng đáy bể. Song le, trước
khi đi, vợ ta còn để lại cho ta kỷ niệm
của một cuộc ái ân đầm thắm, nàng
còn cho ta rõ dưới tuổi vàng nàng vẫn
yêu ta, thế là đủ! Ta vẫn bo bo giữ được
Ái tình! Ái tình của ta, nó chẳng bao
giờ tiêu tan! Kỷ niệm của nó, ta hãy còn
đây, còn đây, trong đồng tiền Vạn Lịch.

Đồng tiền Vạn Lịch

Thích bốn chữ vàng.

*Công anh đan dúi với nàng bấy
lâu...*

Một đồng tiền vàng, một đồng tiền bạc, một hùng, một thư. Cặp thư hùng rồi sẽ phải hợp nhau làm một! Cặp thư hùng sẽ làm chủ giữ kho vàng...

Ôi! Kho vàng! Nói cho cùng, kho vàng nào có làm gì? Nào có ích gì? Cha ta hết sức vợ vét bóc lột, hết sức ty cóp giữ gìn, mới gây dựng được một kho vàng, nhưng của ấy, rồi ngài cũng không được hưởng mà phải chết chia làm trăm mảnh! Vua Chiêu Thống, đây một nhà châu bảo, rồi cũng đều bị mất về tay Nguyễn Nhạc, chung qui lại chết trong cảnh nghèo hèn! Chúa Trịnh Khải, hưởng lại của tổ tiên một gia sản vô biên, rút cục, cũng bỏ mệnh trong một trường hợp buồn rầu thê thảm.

Xem cuộc thế đảo điên như vậy, ta có cần gì phải bận mình làm nô lệ cái giàu sang?

Ta chỉ muốn dùng khí thiêng mà khối của kia chung đúc để dựa linh hồn ta trong lúc chết, ngõ hầu ta thành một vị thần tuyệt đẳng ở vùng này.

Ta sẽ cùng vợ ta cai quản bãi bể Sầm Sơn cho đến ngày, theo nghiệp duyên, đôi ta mãi sẽ tái sinh để nối nguyên ước cũ. Kho vàng lúc ấy sẽ hóa ra vô chủ, nó sẽ về tay người có số được trời ban cho hưởng hoạnh tài!

Tuy nhiên ta mất công gây dựng, mất công vận tải mất công trông giữ cái kho này, ta cũng phải có một chút quyền đặt ra một vài điều kiện, luật lệ, bắt ‘người có số’ ấy phải tuân theo, trước khi thay ta làm chủ khối bạc vàng của cha ta để lại.

Vậy trên có Hoàng thiên, dưới có

Hậu thổ, bốn mặt có thổ địa, Long mạch tôn thần, Hà bá thủy quan, lại có anh hồn vợ ta chúng giám, ta xin trước giờ tuyệt mệnh, phân vua cùng chư vị mà nguyên rằng:

– Ai là người sau ta có phúc phận được hưởng kho vàng này, người đó phải có đủ hai đồng tiền Vạn Lịch thư hùng của ta. Người đó sẽ đứng ở chỗ ngày nay ta đứng cầm đồng tiền vàng ép lại đồng tiền bạc, nhìn ra bể mà ngâm bài thơ này:

Vợ chết, tâm những héo,

Cha về, còn đoạn trường!

Ái tình toan trả nghĩa,

Chưa dứt nợ quân vương,

Một sớm quân vương thác,

Ham chi sống bẽ bàng!

Bể sâu tìm liệt phụ,

Làm chủ giữ kho vàng...

Như thế, lời ước ta sẽ thỏa, hai đồng thư hùng giáp nhau sẽ khiến hai vợ chồng ta nổi lại dây ái tình không may đứt quãng, kho vàng sẽ vì ta nổi lên bãi cát, mặc cho ai có duyên vận tải đem về...

Nhược bằng không ai có phúc làm chủ đồng vàng này, chừ thần cai quản nó sau ta, sẽ được phép muốn đem tặng cho ai tùy ý!

Ta đây, ta không mong chiếm của phù vân làm chi cho mệt; ta chỉ muốn làm sống lại một sự ngàn thu bất hủ, cho sứ ấy vì ta càng bông bột: ta sẽ tái sinh để giữ trọn nghĩa Chung tình!

An Trinh em ôi! Em có thấu lòng anh không nhỉ? Em đi trước, để lại cho anh một cuộc đời tẻ lạnh, một chuỗi ngày sống thừa vô lý, những ngày ảm đạm chưa biết bao là dư vị chua cay thấm thía, biết bao là oán hận nặng nề! Tuy nhiên, anh cũng vẫn cam tâm chịu sự hình phạt cực nhục mà Hóa công đã tàn nhẫn gieo xuống đầu anh, để bù lại tội lỗi lớn lao anh đã phạm, tội đã phạm đến một mỹ nhân tối trong sạch, tối cao quý, tối khẳng khái, tội đã làm hại một đời son trẻ của em.

Không một phút nào trong đời sống sót của anh, anh không phục em là một nữ hào kiệt quang minh chính đại, rộng lượng cũng như lỗi lạc nghĩa khí mà lại nhu mì. Được hạnh phúc cùng em gá nghĩa duyên ương, anh dẫu

thịt nát xương ta ngàn thu cũng chẳng bao giờ hối hận.

Bởi thế, sau khi em bỏ anh ở lại cõi đời mờ mịt, anh vẫn cố sống trong ánh hào quang mà gương tiết nghĩa của em toả ra chói lọi; anh gắng sức gây một sự nghiệp vang lừng rực rỡ để khỏi thẹn với người yêu, để dưới tuổi vàng, em không cười chê anh là một kẻ yếu hèn vô dụng. Em Trinh ôi! Có hay đâu Trời xanh không muốn tựa nhà Lê nữa, khiến công cuộc của anh một sớm đã tan tành!

Thực không phải anh dám phụ lòng trông cậy của giang sơn, cố chủ; thực không phải anh không đáng sánh vai trí dũng để em kính em yêu; chỉ tại số vận đảo điên của một dòng dõi gặp buổi sa cơ thất thế. Nhà Lê đến nay là

tuyệt hảo, cũng như tuyệt hảo các mầm hi vọng và hạnh phúc của đời anh. Hy vọng anh hoài bão là gây dựng lại ngôi bảo tổ tiên triều cho chắc chắn vững vàng; còn hạnh phúc anh yêu mê say đắm, nó tức là em đó. Nhưng bây giờ hy vọng đã thành ra ảo mộng, mà tình nhân cũng hóa ra người thiên cổ mất rồi! Anh có sống cũng không còn mục đích gì phấn khởi tấm lòng khô héo nữa.

Vậy nên anh phải chết. Chết để tìm em nơi chín suối, để thăm cha, hầu Chúa dưới tuyến đài. Chết để dứt hẳn mối lụy mà tình ái đã gây nên, nhưng có lẽ, cũng để sẽ được tái sinh, cùng em nối lại cho toàn vẹn cho mỹ mãn, cho thỏa nguyện, quãng đời tình mà kiếp này không may, nửa đường bị bỏ dở. Ví em còn đủ lòng thương anh, còn khao

khát chấp lại mối duyên cũ ấy, anh xin
nguyên sẽ đổi với em hết lòng thủy
chung tận tụy, dầu hồn tan, bóng khuất
cũng chưa thôi!

Anh vẫn biết tự hủy mình không
phải là một sự vẻ vang cho khách anh
hùng; nhưng đứng trong một cảnh
như cảnh của anh, ai là kẻ có gan sống
thêm nữa một chuỗi tháng năm vô
vị? Vô vị đến nỗi ăn không biết phân
biệt mùi ngon, mùi đắng, mặc không
quãng áo rách áo lành, giàu sang chẳng
thiết, công danh chẳng màng, tâm hồn
lạnh lẽo như băng, gan dạ héo khô nhu
lá rụng. Sống nhẫn nhục để vì em đeo
đuổi một việc gì có ích, dầu lưu ly tân
khổ, anh đâu có dám từ nan; Nhưng
sống buồn rầu mà chẳng có lợi cho em
cũng không lợi cho nhà, cho nước, anh
thiết nghĩ sống bao nhiêu càng vô dụng

bấy nhiêu. Chẳng thà thác sớm giờ nào
càng được cùng em giờ ấy gặp gỡ hoan
hỉ, cùng lâng lâng bay nhẹ trong cõi
man mác cao xa, thoát khỏi hản vòng
phàm tục!

Chết có lẽ anh sẽ sung sướng, thoải
lòng hơn sống, anh còn ân hận tiếc
rẻ gì mà không tự tử theo em? Trước
kia vì muốn giữ tình đôi ta được trong
sáng thiêng liêng, em tự buộc mình
nhảy xuống chỗ chìm vàng; ngày nay
bởi muốn gần xác em, cùng em làm
thần cai quản bãi biển này, anh cũng
sẽ bắt chước em chết đúng chỗ xưa kia
em chết.

Em là phận nữ nhi khuê khốn, có
thể vong tính mệnh một cách lịch sự,
êm ái hơn anh; anh đây, trót đã mang
danh tiếng tài trai, anh phải tự hi sinh

một cách dữ dội, oanh liệt hơn, cho khỏi phụ giống nòi võ tướng. Anh không thể trảm mình, thác như em được. Làm như thế, thiên hạ sẽ cười anh là kẻ yếu linh hồn. Mà em, trước mọi người, em sẽ chê anh là một đứa ươn hèn bạc nhược.

Bởi thế, anh sẽ cho em hiểu người sánh vai em không phải là kẻ tham sanh úy tử, anh sẽ cho em thấy chồng em là một nhân tài sống anh hùng chừng nào, chết oanh liệt phi thường chừng ấy. Chồng em sẽ thiêng liêng, linh ứng, sẽ làm một vị thượng thần cai quản hải tần này!

Trong hai giờ đồng hồ ngồi một mình trên bãi cát nhìn ra bờ bể. Nguyễn Anh Tề vừa nhắc lên nhắc xuống trên bàn tay đồng tiền Vạn Lịch, vừa ngắm

làn sóng bạch đầu cuộn cuộn đập rào rạt vào chân chàng, lại vừa lấm bầm nói một mình như trò chuyện tỉ tê cùng một người bạn ngồi kề bên cạnh. Có lấm khi hăng hái, chàng hoa tay múa chân, nói to, vỗ ngực; nhưng tiếng chàng bị tiếng gió tiếng sóng át đi mất hẳn. Những khách đi đường, nếu có ai tạt qua trông thấy, chỉ tưởng chàng là một du tử ngồi thừa lương ngâm vịnh trên bãi phù sa.

Lúc ấy vào khoảng cuối giờ Dậu, nghĩa là gần tối. Mặt trời tà dương, đỏ như một khối lửa hồng chói lọi, ánh xuống gợn thủy ba nhấp nhô hóa thành những tia hào quang rực rỡ đủ trăm màu. Gió chiều đưa lên một mùi thơm nồng hắc, một mùi thơm chứa đầy sinh khí, khiến cho người thở vào thấy tia gân thớ thịt dần dần mạnh mẽ thêm

lên. ế mà Anh Tề dường như không biết thưởng thức vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên bày trước mắt chàng, cũng như không biết hưởng thú hô hấp làn dưỡng khí chứa đầy rên mặt bể.

Chàng nói một mình chê chán rồi đứng lên đi dạo khắp một vòng. ấy một chiếc bè vô chủ giạt vào bờ, chàng nhảy phắt lên trên rồi đẩy nó ra ngoài ba lớp sóng. Thuận chiều gió, chiếc bè đi nhanh như chớp, chả bao lâu đã cách bờ chừng tám trăm thước.

Khi ấy, ai tình cờ đứng trên bờ, sẽ được mục kích một cảnh kinh thần khốc quỷ, một cảnh thương tâm thảm thiết mà cũng hùng tráng phi thường. Người đó sẽ thấy trên chiếc bè lênh đênh theo nhịp thăng trầm của ngọn sóng tung rơi, một võ sĩ lực lưỡng cầm

một lưỡi gươm sáng kêu lên một tiếng vang lừng, dữ dội, chàng lấy gươm rạch một đường dài trên bụng, mở phanh da thịt, đoạn, mặc những tia máu phun ra lênh láng, chàng nghiêng răng trộn mắt thò tay lên ngực, móc tim ra.

Quả nhiên, chàng làm xong việc. Nhưng, con tim vừa thoát khỏi lồng xương ngực, nằm hồi hộp và đầm đìa những máu tươi đỏ sẫm trên bàn tay trắng sẫm, chàng vừa được trông thấy nó thì đã ngã lộn nhào xuống biển, làm chiếc bè cũng trông thành úp ngược, rồi trôi đi, trôi mãi, trôi lênh đênh trên vùng nước thẳm, cho tới ngày như quả tim trắng sẫm, sẽ tan tành mục nát giữa một gầm trời, nước, gió, mây...

Nếu lúc đó, ta đứng gần kẻ quyền sinh, ta ắt thấy trước khi chàng ngã

xuống, đôi môi chàng nhích ra, vẽ thành một nụ cười gan góc kiêu ngạo, trong khi, bằng một giọng say sưa âu yếm, chàng thu hết sinh lực để gọi một lần cuối cùng, một chữ tên chàng sùng kính yêu đương:

An Trinh em! An Trinh...

Một vùng nước xanh rờn bỗng hóa ra vẩn đỏ. Những loài tôm cá bầu vào quanh bè đớp lấy giọt máu tươi. Xác Anh Tề nghiêng ngả rơi xuống từng sâu đáy biển...

Tia sáng cuối cùng của bóng tà dương vụt tắt. Da trời quang đãng phủ một lần mây án đen ngòm. Ngọn cuồng phong thay luồng gió chiều hôm, bỗng bùng lên làm sôi nổi nước trào cuộn cuộn.

Một vẻ lạnh lùng dữ dội như xuất hiện giữa gầm trời bể, tựa hồ trời đất phải xót xa, quỷ thần phải kêu khóc, tiếc đời vị anh hùng chết thảm thiết bi ai.

Công tử Anh Tế tự tận đúng vào ngày 26 tháng chạp năm Quý Sửu (1793). Giờ đếm giờ, cách đó đúng sáu năm về trước, cũng vào cuối giờ Dậu hôm 26 tết, quận chúa An Trinh đã từ giã hào mục và nhân dân hạt Sầm Sơn để đi ra bãi bể trăm mình. Có lẽ vì hương hồn quận chúa tối thiêng liêng, nên giun gửi cho chồng nàng chọn đúng ngày ấy để theo nàng về cõi chết.

Dân vùng hải ngoại, từ 5 năm về trước, ngày 26 tháng chạp năm Mậu ân (1788), một năm sau khi An Trinh mất tích, đã đúng theo lời dặn làm đàn

tràng tế lễ, thờ nàng cùng Nguyễn Anh Tề. Trong một khoảng một ngàn tám trăm ngày, chồng quận chúa đã nghiệm nhiên làm một vị thần sống. Chàng vẫn sống mà dân hạ Sầm Sơn cứ tưởng như chàng đã thác, không ai biết tin chàng sinh hoạt ở đâu, chỉ trừ một mình tên gia đình Lộc, nhưng sau khi nó tìm vào Phú Xuân và Nghệ An để đưa hai bức thư của chủ đến năm Chiêu ống băng hà, công tử Anh Tề mới chính thức làm thần vùng hải ngoại.

Một trăm bốn mươi năm đã lướt trên cuộc sinh tồn từ ngày công tử mất; tới nay nếu không có kho vàng làm chứng thực, không còn ai được biết chuyện ngày xưa có đích xác hay không. Vì ngoài khoảng sáu bảy tám mươi năm, dân hạt Sầm Sơn không nghĩ đến sự thờ phụng hai vị thần kia đã

phù hộ cả vùng. Và sau này, khi các ông kỳ mục tiền bối đã từ trần, những kẻ hậu sinh không rõ chuyện chả có ai tin ở sự linh ứng của quận chúa An Trinh, nên không sùng bái hai vợ chồng nàng nữa. Gia dĩ lâu ngày rồi, nàng cũng hình như đã thoát hồn ngoài cuộc thế, rủ chồng đi ngao du ở một cõi huyền bí xa xăm nào, nên ít khi về báo mộng cho dân làng nữa. Không những thế, có quen làm giỗ tế nàng cũng chẳng thấy có quả báo gì ác hại, dân làng càng dễ muốn quên.

Đến hồi gần đây, bãi Sầm Sơn được chọn là một nơi nghỉ mát cho các tiểu thư công tử cùng gia đình quý phái thượng lưu, thì lớp sóng người phồn thịnh tấp nập ra dưỡng nhàn dưỡng sức dưới bóng phi lao, trên bờ cát trắng, đã hình như làm át hẳn mất mảnh hương

hồn phưởng phất của đôi uyên ương thuở trước, làm cho họ phải bạt đi vào cõi vẩn vơ nào. Lễ thường cứ dương thịnh ắt âm suy vậy.

Ngoài sự đó, thời gian cũng xóa nhòa hẳn những kỷ niệm ngày xưa để lại, không ai tìm thấy trong những lớp biệt thự tường vàng mái đỏ, chỗ nào căn nhà tranh của Nguyễn Anh Tế. Cuộc tang thương đã biến cải hẳn mặt bãi Sầm Sơn, mà lòng người hay thay đổi như cuộc tang thương, cũng không để dành một ý nghĩ nào cho dĩ vãng. Trong các đền thờ Thành Hoàng ở các làng vùng hải ngoại, trong đền độc cước chân nhân, trên hòn Trống mái, không còn ai thấy một vết tích gì để lại, tỏ rằng Anh Tế cùng An Trinh quận chúa đã sống giữa đám dân chài lưới, một quãng đời kỳ dị, đã vong thân giữa

hạt dân chài lưới trong một trường hợp
thê thảm lạ lùng.

Bởi những lẽ đó, nên chả ai nghĩ
đến sự khám phá mỏ vàng chìm lấp
đáy vùng bể thẳm. Mà cũng không ai
biết đến hai đồng tiền Vạn Lịch và bài
thơ Nguyễn Anh Tế. Cuộc đời tình và
cái chết bi đát của chàng không được
người đời truyền tụng. Nó lâu dần chui
vào găm bí mật của thời dĩ vãng xa xăm.

Sự bí mật sẽ hoàn toàn bí mật nếu
hai lá thư kia chàng để lại cũng bị tiêu đi
mất tích. May thay, một lá trong hai lá
vẫn còn. Lá đó ghi chép rất rành mạch
cuộc ân ái của chàng và quận chúa An
Trinh và kể rõ sự hy sinh cao thượng
của quận chúa. Nhưng chỉ có thế là hết.
Một sự tối may mắn hơn nữa là trước
khi lìa bỏ cõi đời theo vợ, Nguyễn Anh

Tề có viết một chương tuyệt mệnh rất dài. Chương tuyệt bút ấy nổi lời hai bức thư kia để biên lại những công cuộc chàng đã làm sau khi An Trinh tự tử. Nào báo thù không phải giết bố vợ, nào gặp Hoàng phi ở Tam Thanh, nào theo Lê Chiêu Thống sang Tàu. Chàng lại dặn trước rằng chàng sẽ tự mổ bụng chết theo vợ, và chỉ rõ cho người nhà biết nếu ai muốn làm chủ kho vàng, thì phải theo đúng lời nguyện của chàng, tức là mồm đọc bài thơ, khi hai tay ép hai đồng tiền Vạn Lịch vào làm một ngỗ hầu thư hùng được hòa hợp cùng nhau. Nếu làm đúng như lời nguyện ấy, kho vàng sẽ theo sóng nổi lên bãi cát, cho mình vận tải đem về.

Chương tuyệt mệnh đó, một ngày trước buổi chàng tự sát, chàng tìm một người phúc hậu, cho nó hết cả tiền bạc

quần áo, trao thư cho nó, dặn đi dặn lại kỹ càng, nhờ đem tờ di chúc ấy về huyện Chân Lộc, đưa tận tay cho ông Nguyễn Hữu Bằng.

Những thư từ giấy má của Anh Tể, nhờ trời nay còn giữ được cả trong nhà họ Nguyễn. Ông cụ Nguyễn Hữu Bằng lại đem ghi chép vào gia phả; người đời sau nhân vì thế tìm ra dấu vết kho vàng.

Biết được dấu vết là bởi cố công gắng sức tìm tòi, còn sự chiếm được gia sản vĩ đại kia, biết rằng ai có phúc phận bắt được đôi chìa khóa? Đôi chìa khóa ấy, nó là đồng tiền Vạn Lịch, một đồng bạc, một đồng vàng...

Đồng tiền Vạn Lịch!

Thích bốn chữ vàng:

Công anh dan díu với nàng bấy lâu...

Bây giờ, nàng lấy chồng đâu?

Để anh giúp đỡ trăm cau ngàn vàng.

Trăm cau để thiết họ hàng.

Ngàn vàng anh đốt giải oan lời thề...

CHƯƠNG KẾT

NGUỜI BẠN MỚI QUEN BIẾT CỦA TÔI vừa ngâm xong bài thơ đồng tiền Vạn Lịch, thì bỗng ngồi nhồm dậy, gầy đầu lia lịa, gãi vai, rồi phì cười cúi sát xuống tôi, nhủ sẽ rằng:

– Tôi được ông cho hút thuốc phiện lần đầu, không hiểu nên hút nhiều ít thế nào, thành ra say khướt. Quái lạ! Sao tôi ngứa quá thế này? Có phải say

nha phiến thì tịt mũi, nóng ran lên rồi ngựa ngáy, phải không ông?

Tôi đương mãi mê nghe câu chuyện lý thú chàng vừa kể lại, muốn rõ nốt quãng sau, vội vàng trả lời để đem bạn vào đầu đề, sợ chàng nhãng ý nói sang chuyện khác:

– Phải, hút say thì đắm ngựa, nhưng không hề gì. Một lúc nó khởi ngay. Nhưng mà này, mấy câu phong dao vừa đọc đây, có phải chẳng nó thuộc về câu chuyện vừa mới kể nghĩa là chuyện đó người ta đặt ra câu phong dao ấy để làm gì?

Bạn tôi cười thiên ha hả không đáp lại. Chàng còn lên giọng êm ái du dương ngâm lại rất thông thả mấy câu hát chàng ngâm lúc nãy, mãi sau cùng

mới vỗ vai tôi, vui vẻ nói rằng:

– Không phải đâu, ông đừng lầm! Không phải đâu. Mấy câu hát của tôi, chúng nó có một điển tích khác, không dính dáng gì đến câu chuyện đồng tiền thư hùng cả. Song le, mấy câu phong dao cũ đó, nó đúng vào cảnh ngộ của tôi bây giờ, nên tôi dùng nó để đạt cảm giác và ý tưởng của tôi đó thôi. Điển tích câu phong dao. Tôi cũng biết, nhưng đó lại là chuyện khác, ông về lục tìm trong mấy pho sách cổ như ‘Truyện kỳ mạn lục’, ‘Truyện lạ nước Nam’, thì sẽ thấy.

Bây giờ, tôi không kể làm chi cho dài dòng vô ích, tôi chỉ nói nốt ông nghe kết quả chuyện kho vàng của tôi nó kỳ dị thế nào.

Thẩm thoát từ thuở Cao Hoàng nhà Nguyễn đánh được Tây Sơn để nhất thống thiên hạ, đến bây giờ trong gia tộc họ Nguyễn ở vùng Chân Lộc, nay gọi là Nghi Lộc, tám đời đã nối tiếp nhau sinh hoạt về nghề cày ruộng, không ai muốn chen chân vào vòng sĩ hoạn làm gì. Những cảnh bị giết, bị thất thế mất oai quyền, mà tôn tổ ngày xưa đã chịu trải qua một cách đau đớn, những cảnh ấy khiến dân trong họ lấy ông Cống Chính là gương tây liếp, không ai hề nghĩ đến việc bôn tẩu kiếm công danh. Tôi vẫn còn nhớ, thuở bé, được nghe ông và cha tôi dùng mấy câu thơ Đường để tỏ ý chí mình không chịu góp mặt cùng thiên hạ:

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,

Hối giao phu tế mịch phong hầu!

Lần đi, lần một bạc đầu;

Ai ơi đeo ấn công hầu làm chi...?

Phải, trong họ Nguyễn chúng tôi, từ đời cụ Nguyễn Hữu Bằng, không ai muốn ra làm quan nữa. Họ toàn an phận trồng cây, trồng lúa, sống một cuộc đời thanh bạch, nhưng nhà hạ, chẳng khi nào có chút gợn phong ba. Tuy nhiên, tất cả trẻ em trong họ đều phải học hành cho giỏi cả. Không một người nào chịu tiếng dốt bao giờ. Còn đến khoa võ bị côn quyền, thì lại cấm hẳn, không được học. Tổ tiên tôi cho nghề võ là vô ích, giỏi võ lắm, càng đâm ra dữ tợn ngang ngạnh và càng dễ gieo những mầm đại họa vào thân thể và gia tộc.

Bởi lẽ ấy, từ cụ Bằng cho đến đời

cha tôi, trong khoảng một trăm ba mươi năm, con cháu nhà Nguyễn hữu không ai luyện tập nữa. Họ đều chú trọng về văn chương, nhưng không đi thi, cũng chả làm quan. Thực là một giòng họ ương dở vô cùng. Mãi đến đời tôi, vì theo học chữ Tây, tôi mới bỏ hẳn những sự cấm đoán vô lý ấy. Sáng chiều nào tôi cũng ra cũng luyện gân và xách tạ, lại thuê thầy dạy đủ quyền cước và thập bát ban võ nghệ tàu và ta. Hơn nữa, tôi học cả võ tây, võ Hồng Mao và rất để ý đến môn kiếm thuật.

Ông cha tôi lấy làm giận lắm: tôi phải mỗi môm cắt nghĩa rõ cho các cụ biết ngày nay sự thế đổi thay, không thể bo bo giữ mãi được những tục lệ và chế độ hủ bại của thời xưa nữa. Ông cha tôi thấy tôi không những chỉ chuyên riêng có món võ mà thôi, còn gắng học cả

chữ nho và chữ tây, nên dần dần hai cụ cũng lờ đi, không mắng chửi. Chữ tây tôi học từ năm mười sáu tuổi, nên mãi đến năm hai mươi bốn, tức là năm ngoái, tôi mới đỗ được bằng tú tài văn chương.

Đỗ xong, tôi xin phép nhà được ra nghỉ mát Sầm Sơn, cách đây mười tháng về trước. Tôi thường thích chiều chiều, một mình đi thơ thẩn trên bãi cát, ở một chỗ vắng vẻ, để trầm ngâm nghĩ ngợi, không bị những thiếu niên thiếu nữ đi tắm đến phá rối sự yên lặng của tôi. Một buổi kia, đương mãi mê ngắm mấy con dã tràng chạy tung tăng trên mặt cát, tôi thành linh bỗng thấy ngoài khơi nổi lên một ngọn sóng to, to lắm, cao đến năm sáu thước hơn các làn sóng thường. Tôi những tưởng đó là một con thủy vật nào làm cho mặt

biển nhô lên như vậy. Đã lấy làm ngạc nhiên, tôi càng thêm kinh hãi, vì thấy ngọn sóng kia ồ ạt vỗ, rồi lừ lừ tiến lại mé tôi. Nó như lăm le muốn chụp lên đầu tôi để lôi cuốn tôi ra tận chỗ sâu hoắm ngoài xa tít. Chỗ tôi đứng còn xa bề độ tám chín thước tây, nên tôi không ngại lắm, cứ đứng yên chờ xem công cuộc xảy ra thế nào.

Quả nhiên, ngọn sóng khổng lồ kia lượn rất nhanh chóng vào bờ, rồi đổ ụp xuống, làm cho bọt bắn tứ tung. Như một cái lưỡi dài, nó liếm bãi cát dưới chân tôi, chỉ cách gót giày tôi có một gang nhỏ xíu. Quần tôi cũng bị tia bọt bắn vào ướt át; tôi tự nghĩ không hiểu làm sao đương lúc trời bề phẳng lặng mà tự nhiên bỗng nhô lên một ngọn sóng lạ kỳ này.

Tôi chưa ra khỏi lúc bồi hồi, nước bể đã rút xuống lúc nào không rõ. Cúi xuống nhìn bãi cát, tôi bỗng phải rú lên vì mừng vì lạ: một vật tròn bằng vàng, nằm lóng lánh trên mặt cát, bên cạnh những mảnh rơm rác, những đám bọt, trắng một màu trắng pha xám, pha nâu.

Tôi quỳ xuống nhặt vật ấy lên, trông kỹ thì ra một đồng tiền vàng. Một đồng tiền Vạn Lịch. Bấy giờ, bao nhiêu ý tưởng tự đâu lại nháy lộn xộn trong óc tôi, mắt tôi hoa lên, tay tôi run lẩy bẩy, trống ngực tôi vỗ thình thình. Tôi nhớ lại câu chuyện trong gia phả họ nhà tôi, mà từ bé tôi thường vẫn đọc đi, đọc lại.

Đó là thần kho vàng chọn tôi là người có duyên để trao lại sản nghiệp bị chìm từ thuở trước, có lẽ đồng tiền này sẽ giúp tôi trở nên một tay triệu

phú vẻ vang? Bởi nó là chìa khóa để mở cửa vào cõi chứa kim ngân châu ngọc. Nhưng mà, ồ lạ! Sao thần nhân đã ra ơn cho tôi có một đồng vàng? Còn đồng bạc? Đồng bạc ấy ở đâu, tôi làm sao tìm được nó?

Đương cuống quýt hồi hộp, tôi đâm ra thất vọng, khi nghĩ đến sự thiếu mất nửa chìa khóa kia, nửa chìa khóa mà hợp lại với chìa này, sẽ giúp tôi nhất đán có một mảnh lực làm bá chủ được đời nay: Kim tiền! Nghĩ đi, nghĩ lại, tôi bản khoản khó chịu, không biết tự đây nên xử trí ra sao.

Đêm hôm ấy, về nhà trọ, tôi chong đèn ngồi cả đêm, ngắm lại đồng tiền vàng. Mỗi mệt quá, tôi thiếp đi, nằm gục đầu xuống bàn ngủ quên mà không rõ.

Trong khi lơ mơ say tỉnh, hình như có một giọng nói nhẹ nhàng, rất nhỏ, theo luồng gió thổi, phều phào bay vào tai tôi:

– Đồng tiền hùng về tay người, đồng thư về tay người khác. Người phải cố tìm ra người đó, một cuộc ái ân từ thuở trước vẫn một niềm chờ đợi đón người. Thôi, cố đi!

Ba tiếng ‘Thôi, cố đi!’ tựa hồ quát rất to, tôi giật mình choàng dậy. Rõ ràng một giấc chiêm bao! Lạ thay! Có làm sao hai ba sự liên tiếp nhau xảy ra để quyết định lòng tôi hành động ngỗ hầu chiếm lấy kho của? Tôi hẳn có dính dáng gì với sản nghiệp đó, chẳng sai!

Hay kiếp trước tôi là Nguyễn Anh Tề? Có lẽ, có lẽ lắm. Bởi kiếp này, vì

một sự tối ngẫu nhĩ, tối tự nhiên, ông tôi đặt tên tôi cũng là Tê. Nguyễn Hữu Tê! Thế thì lạ thật! Có lẽ người được đồng bạc kia là Hậu thân của Võ An Trinh quận chúa, mà người ấy đương đợi tôi để cùng tôi nối lại quăng đời tình?

Lòng tôi bối rối như tơ nát. Tôi cũng không hiểu tôi lúc đó tỉnh hay mê. Một cảm giác khó chịu mà dễ chịu xúc động thần kinh tôi, người tôi như phát sốt. Ngày hôm sau, tôi đáp tàu về Nghệ An. Về Nghi Lộc, về làng tôi.

Tôi giữ kín chuyện bắt được tiền, không nói cho ai biết cả. Rồi một mình, tôi tự nhốt trong phòng sách, khóa kín cửa lại, đem các giấy má và gia phả trong nhà ra lục, ra khảo cứu, trong ngót ba ngày. Sau cùng, tôi tìm được

đủ hai lá thơ cũ của ông Tổ tám đời của tôi là Nguyễn Anh Tề, và nhận được cả đoạn gia phả chép lại đời của ông nữa.

Tôi cẩn thận bỏ các thư từ đó vào một chiếc phong bì, đem bì nhét vào ngăn kín nhất trong va-li, rồi lộn lại Sầm Sơn tìm đồng tiền bạc. Ghé qua tỉnh Nghệ, tôi đặt một chiếc hộp gỗ nhỏ bằng trắc khảm, bỏ đồng tiền Vạn Lịch quý báu của tôi vào đó. Sắm sửa đầu đũa, tôi đáp tàu và ô tô một mạch ra Sầm Sơn.

Cả một vụ hè năm ngoái, ông ạ, không ngày nào, giờ nào, tôi không đi tìm kiếm người đã có duyên như tôi, bắt được đồng tiền bạc. Trong ba tháng tôi đi xuôi chạy ngược, lùng hết các làng, các xóm, vào hết các quán trọ, các ‘ô-ten’, mà tuyệt nhiên không được một

chút tin tức gì cả. Người có đồng bạc, cũng như đồng bạc, chẳng thấy ở đâu. Công tôi đã như công đã trảng xe cát vậy.

Thất vọng, tôi lại về quê, nằm meo nghĩ ngợi, nhưng nghĩ ngợi bao nhiêu càng sốt ruột bấy nhiêu. Quá vụ hè, ngoài bãi biển không còn ma nào cả. Có ra đấy cũng vô ích, tôi bèn đánh liều đi du lịch khắp trong nước, họa may có tìm ra được vết người, mà theo như lời mộng triệu, cùng tôi có tiền duyên ràng buộc! Đã gọi là có duyên, mà có duyên thì ‘thiên lý năng tương ngộ’, chả biết sao mãi tới nay người ấy, trước mắt tôi, vẫn như một nhân vật vô hình? Suốt một năm trời, tôi tìm y đã mỏi mắt, nản lòng, mà y nhất quyết không lộ mặt cho tôi được thấy!

Tuy vậy, tôi vẫn kiên tâm trông đợi. Bởi tôi tin rằng thần nhân không bao giờ vô cớ dối tôi. Mà đồng tiền này nó tức là của tín thần kho vàng đã ban cho tôi đó!

Vậy thì, mặc dầu khó khăn, mặc dầu lâu chóng, ta cứ tìm, tìm mãi, tìm đến khi nào có kết quả thì thôi! Kiếp này chưa tìm ra, nguyện kiếp khác cũng vẫn tìm, tìm nữa!

Ông bạn ạ, tôi gặp ông, ắt là cùng ông có chút duyên tri ngộ; ông đã là người độc nhất và là người trước tiên nghe biết rõ chuyện kín của tôi, ông cũng nên giúp tôi một tay trong sự đi kiếm đồng tiền bạc! Nhưng mà tôi phải có một lời tâm sự dặn ông trước khi ông nhúng tay vào cuộc: là dù ông có vui lòng nhận lời hay không muốn

nhận cộng tác với tôi chẳng nữa ông cũng nên giữ bí mật hộ tôi, đừng tiết lộ chuyện của tôi cho ai rõ hết. Kéo, một khi biết chuyện, những kẻ thâm hiểm độc ác sẽ mưu mô tìm quỷ kế đánh bầy mình để chiếm lấy chìa khóa mở cửa kho vàng, lúc ấy tính mệnh mình sẽ theo sản nghiệp kia mà bị đoạt.

Tôi trông dung mạo ông, biết ông không phải là người gian xảo phản trắc, bởi thế nên vui lòng giải bày tâm sự cùng ông. Ông nên vì cách xử sự thành thực của tôi mà cũng thành thực giúp tôi, ông nhé!

* * *

Câu chuyện nguồn gốc ‘kho vàng Sầm Sơn’ đến đây là hết. Đêm hôm ấy, chàng thiếu niên có khổ mặt rắn rỏi và hai con mắt tinh sáng, mà tình cờ vừa cho tôi được quen biết, kể cặn kẽ cho tôi nghe sáng suốt nỗi tâm sự từ lâu chàng hoài bão tận đáy lòng. Đến lúc chúng tôi cùng nằm im, định chợp ngủ một chút để dưỡng thần thì tiếng gà rộ rã báo hiệu vùng đông đã bắt đầu giời sáng. Chúng tôi đều choàng dậy, không ngủ nữa, xếp hành lý lại cẩn thận, rồi rửa mặt, mặc quần áo, rủ nhau ra hàng quán ăn điểm tâm.

Bắt đầu từ phút cùng ăn chung ngủ chạ ấy, tôi và thiếu niên mới gặp, kết chung một mối tình nghĩa tri giao bền chặt, một mối tình mà thời gian cùng hoàn cảnh, sau này, khó làm cho đứt khúc, rời nhau. Mặc dầu buổi sơ thân,

chúng tôi đã thấy quý mến nhau vô kể. iếu niên thực đã không lầm lẫn khi chọn tôi làm bạn để giải bày bí mật; tôi cũng không tự thẹn đã được biết sự bí mật của chàng.

Một quãng đời quay cuồng điên đảo chúng tôi cùng sống sau buổi ăn điểm tâm hôm ấy, càng làm cho tôi càng kính trọng thương mến nhau, nhất là gì chàng thấy tôi đối với chàng tận tụy cùng như tôi thấy chàng đối với tôi một lòng chung thủy không phai.

Chúng tôi đã hợp sức hợp trí nhau, đi kiếm đồng tiền bằng bạc và người chủ đồng tiền ấy. Trong khi tìm kiếm, chúng tôi đã hao tâm tổn lực, đã cố len lỏi trong muôn vàn lớp sóng người hoài nghi, nghiêm nghị, cố tiến đi, đi mãi, đi tìm cho ra nốt nửa mảnh chìa khóa mở

cửa cho chúng tôi vào đời cự phú vinh quang. Bao nhiêu cuộc khó khăn ngăn cản chúng tôi, mà chúng tôi cũng vẫn điềm nhiên thẳng bước. Bao nhiêu sự hiểm nguy rình chúng tôi trong xó tối, chúng tôi vẫn tránh được như thường.

Rút cuộc chúng tôi thắng thế, tìm được đồng tiền bằng bạc.

Nhưng... nhưng một phản lực mà chúng tôi không tài nào át chế được, đã gieo nặng xuống đầu chúng tôi một cách tối bất ngờ! Phản lực ấy là số mệnh!

Số mệnh đã mỉa mai bảo chúng tôi đừng hão huyền mong chiếm đoạt một sản nghiệp mà mình không phải là chủ; số mệnh đã chỉ rõ cho chúng tôi biết hai đồng tiền Vạn Lịch không phải

chìa khóa mở cửa vào kho châu báu, mà chỉ dùng được để rút then cửa của một cối đẹp để quý giá hơn: Cối ái tình!

Thực vậy, hai ba năm vật lộn lẫn lóc chẳng cho bạn tôi cái cơ nghiệp chàng ao ước, nhưng chỉ biểu chàng một món quà tuyệt mỹ tối bất ngờ: một giai nhân mê chàng cũng như chàng yêu nàng đến tan hồn lạc trí.

Cặp uyên ương mà định mệnh xô đẩy vào lòng nhau, sau một cuộc xung đột nhau kịch liệt, bỗng nhận rõ chỉ có ái ân là đáng quý ở đời. Mỗi ái ân đó mãn nguyện rồi, kho vàng đáy biển lại hóa ra vô vị.

Thành thử, trong một khoảng một trăm năm mươi năm, hai lần sản nghiệp lớn ấy mất chủ, chỉ bởi lẽ như tôi đã nói:

“Ái tình có cần đâu đến những kho vàng!”

Tôi, ngẫu nhiên, đứng ngoài làm khách bàng quan, không được hạnh phúc hưởng một phần giàu có – bạn tôi có thể rằng được vàng bạc sẽ cho tôi một phần ba của cải – nhưng lại được một lạc thú tối cao quý là hơn cả mọi người, tôi biết rõ chuyện kho vàng.

Làm thánh giả trong một đêm, tôi chép ngay được lịch sử của kho vàng đó. Sau này, trong bao nhiêu trường hợp khe nứt xảy ra vì sự xâu xé nhau để chiếm lấy tài lợi, tôi không mất gì, được ngay một bài thí nghiệm rất sâu xa thâm thúy về nghĩa cuộc sinh tồn.

Bài thí nghiệm sâu xa ấy, trong quyển ‘Đồng tiền Vạn Lịch’ tiếp theo

đây, sẽ đem lại cho các bạn yêu chuyện này nhiều cảm giác lạ lùng nhưng thú vị, sẽ làm cho các bạn phải bồn chồn hồi hộp, sống trong một hoàn cảnh từng bừng náo nhiệt, bí mật gay go; khiến cho, cùng với người lặn lội đi tìm kiếm kho vàng, các bạn sẽ tưởng tượng như mình cũng là khách phiêu linh, rồi lo sợ khi thấy các nhân vật mắc nạn rất nguy, rồi mừng rỡ khi thấy họ thoát khỏi lưới mà bay nhảy vào một cõi cao siêu rục rĩ...

– Hết –

